

**THERAVADĀ**

**PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY VIỆT-NAM**



**DASA PĀRAMĪ**

# **THẬP - ĐỘ**

*QUYỂN I*

**VAṆSARAKKHITA**

**MĀHA THERA**

**HỘ-TÔNG TỈ-KHƯU**

**2.505**

**1961**

**THERAVADĀ**  
**PHẬT - GIÁO NGUYÊN - THỦY**



**DASA PĀRAMĪ**  
**THẬP ĐỘ**

**VAṆSARAKKHITA**  
**MAHA THERA**  
**HỘ-TÔNG TỲ-KHUU**

**2.505**  
**1961**



## Mấy lời cáo lỗi

Một cuốn sách in xong, xem lại thế nào cũng còn ít lỗi do sự sơ xuất của nhà in, thì cuốn kinh này cũng không thoát khỏi thông lệ ấy, nên trước khi mở từng trang để đọc chúng tôi yêu-cầu quý-vị hãy nhìn chút thì giờ (lỗi 5, 10 phút thôi) sửa cho sạch lỗi theo bản đính-chánh dưới đây để cho cuốn kinh được hoàn hảo, chúng tôi rất cảm ơn.

### BẢN ĐÍNH CHÁNH

| Trang hàng |    | Chữ in sai          | Xin sửa lại         |
|------------|----|---------------------|---------------------|
| 5          | 5  | Sammāsamlenddha     | Sammāsambudha       |
| 11         | 10 | Dāsadana            | Dāradāna            |
| 13         | 10 | trao                | trau                |
| 15         | 4  | Babbajjā            | Pabbajjā            |
| 27         | 18 | Kīngasampatti       | līngasampatti       |
| 28         | 21 | svatthāna           | svatthānam          |
| 35         | 4  | idan                | idam                |
| 51         | 5  | nào                 | vào                 |
| 68         | 21 | chống               | chồng               |
| 69         | 12 | đón                 | đòn                 |
| 70         | 24 | upalavannatherī     | upalavannātherī     |
| 77         | 22 | Bārānarī            | Baranesī            |
| 79         | 20 | tamatthan pakasento | tamattham pakāsento |
| 79         | 25 | Suvarnasāma         | Suvarnasāma         |
| 111        | 3  | cái                 | các                 |
| 115        | 22 | hường               | lường               |
| 115        | 14 | yavamasshagāna      | yavamasshagāma      |
| 136        | 24 | hhā                 | nhā                 |
| 140        | 3  | con                 | mẹ                  |
| 141        | 2  | đở                  | đồ                  |
| 141        | 9  | đổ câu              | câu đổ              |
| 174        | 25 | chi                 | chia                |
| 178        | 17 | đâm                 | đấm                 |

# TỰA

*Thập-độ là chính-đạo yếu-điểm của đức Thế-Tôn, mà hàng học Phật cần phải hiểu biết cho tinh-tường, là điều quan-trọng nhất.*

*Chúng ta, người mong được thành Phật, lẽ cố nhiên, phải học và hành pháp Ba-la-Mật theo Bồ-Tát, nên đọc truyện Bồ-Tát. Vì tiếng « pháp Ba-la-Mật » là giáo lý chính-thức của Phật, mà người sẽ thành Phật, trước tiên, phải tu hạnh Bồ-Tát, hành pháp Ba-la-Mật.*

*Bồ-Tát có nghĩa là bậc sẽ giác-ngộ pháp tối cao, không cho sanh, già, bệnh, chết, thoát-ly thống-khổ luân-hồi. Hơn nữa, sự thông hiểu cở-tích Bồ-Tát là một phương-pháp phát sanh trí-tuệ, đem đến nhiều hạnh-phúc và cho ta trở nên bậc thượng-lưu quân-tử (trước khi chưa thành Phật), vì Bồ-Tát có đủ tài-đức đặc-biệt phi-thường.*

*Mong cho chư Phật-tử nhận được và thấu rõ Pháp Thập-độ cứu-cánh giải-thoát, chúng tôi, không nề tài hèn học kém, tìm phiên-dịch 10 tích Bồ-Tát. (Các tiền kiếp của đức Bổn-sư Thích-Ca Mâu-Ni) tu đầy đủ phạm-hạnh Ba-la-Mật. Trong mỗi truyện đều có nêu gương chí thiện của Bồ-Tát.*

*Chúng tôi, chỉ hy-vọng cho tất cả muôn loài được lãnh-hội Chánh-pháp, ngộ-hầu mau đoạt đến Niết-bàn vô-sinh bất-diệt.*

Mong thay,



# PHÁP THẬP - ĐỘ

Hay Thập Ba-la-Mật  
(DASA PĀRAMI)

Phạn ngữ là PĀRAMĪ hay PĀRAMITA (1) dịch là độ hoặc đáo-bĩ-ngạn, nghĩa là đến bờ kia.

Ba-la-mật là nhân đến bờ kia hoặc là pháp-báu hay là pháp của các bậc cao-nhân, là con đường đi của đấng :

- 1)—Chánh-đẳng Chánh-giác (SAMMĀSAMLENDHA)
- 2)—Độc-giác (PACCEKABUDDHA)
- 3)—Thinh-văn giác (SAVAKABUDDHA)

Những người tu Phật nếu muốn thành một trong 3 bậc giác ấy, cần phải một lòng tinh-tấn tu hành theo pháp thập-độ cho được viên-mãn, bằng chẳng vậy thì không thể đắc đạo quả Niết-bàn được.

Thập-độ là pháp giải-thoát, ngăn-ngừa ái-dục, ngã-mạng, tà-kiến không cho nhiễm vào tâm, do lòng từ-thiện.

Nếu bố-thí, trì-giới mà còn vọng cầu danh-lợi hoặc ngã-mạng tự cao, khinh-bĩ kẻ khác thì chẳng đáng gọi là người tu thập-độ, vì không lòng từ-bi đối với chúng-sanh.

Hơn nữa, bậc tu pháp thập-độ nếu bị chê-trách hoặc được ngợi-khen thì các ngài vẫn tự-nhiên bất-động, ví như tảng đá liên lạc, dù bị mưa to gió lớn cũng không

---

(1) Tàù àm: Ba-la-Mật (sanskrit PĀRAMITA).



lay-chuyên. Như thế, mới đáng gọi là người tu thập-độ.

Các bậc trí-tuệ không hay tưởng đến những việc của mình đã làm, nghĩa là không lòng ăn-năn, than-tiếc hoặc bất-bình đến người nhạo-báng mình.

HỎI.— Có sao bậc trí-tuệ không đem lòng phiền-trách kẻ nhạo-báng mình ?

ĐÁP.— Vì các Ngài không hay để ý những lời chê, khen của người đời. Dầu có kẻ nào hạp ý khen tặng rằng : anh hoặc thầy là hạng thông-minh tài trí, các Ngài cũng không tỏ vẻ ưa thích.

HỎI.— Tại sao vậy ?

ĐÁP.— Bởi các Ngài thăm xét rằng : Nếu ta làm lành thì cái quả lành ấy sẽ cho ta hưởng những hạnh-phúc, từ đây. Lại nữa, các Ngài thường làm những việc mà người khó làm, vì có đức-tin nhiều và giàu lòng sốt-sắng, bởi các Ngài có trí-tuệ thông rõ thời vụ.

HỎI.— Đáo-bi-ngạn hoặc Ba-la-mật có mấy pháp ?

ĐÁP.— Có 10 pháp.

- 1— DĀNAM : Thí, là đem của cải hoặc Phật-pháp mà cho chúng-sanh
- 2— SĪLAM : Giới, là không phạm điều luật của đức Phật đã răn cấm hoặc gìn-giữ thân và khẩu được trong sạch.
- 3— NEKKHAMMAM : Xuất-gia, là sự đi tìm đạo-đức cao-thượng hoặc dứt bỏ vợ, con, của cải mà đi tu-hành.



4— PAÑÑĀ : Trí-tuệ, là thông-suốt tất cả các pháp.

5— VIRIYAM : Tinh-tấn, là một lòng cố-gắng tu-hành tấn tới.

6— KHANTĪ : Nhẫn-nhục, là gắng chịu những điều sỉ-nhục.

7 SACCAM : Chân-thật, là không gian-tà, giả-dối.

8— ĀDHITTHĀNAM : Quyết định, là nhất định không thay đổi chí hướng.

9— METTĀ : Bác-ái, hiền lành, nhân-từ, mong cho tất cả mọi loài được vui.

10— UPEKKHĀ : Xả, là không vui không buồn, thờ-ơ không để ý, không cố-chấp, có tâm bình-đẳng.

### **BỒ - THÍ BA - LA - MẬT**

(DĀNA PĀRAMI)

Sẵn có tác-ý lành, đem tài vật của mình như : vật-thực y-phục, chỗ ở, thuốc men, cho chúng-sanh do lòng bác-ái gọi là bồ-thí Ba-la-mật.

Bồ-tát hằng có lòng hoan-hỉ trong việc bồ-thí, Ngài rất thỏa-mãn khi tìm được dịp đem của cho người. Hơn nữa, Ngài có lòng chua xót về việc đi xin của người, cho nên Ngài rán bồ-thí một lòng bất-thối.

Xem chuyện như sau đây thì rõ. Kinh JĀTAKA trang 323 có dẫn tích đức Bồ-tát (tiền kiếp của Phật Thích-Ca Mâu-Ni) trong một kiếp nợ, Ngài sanh làm



quan đại-thần của vua BRAHMADATTA. Quan đại-thần ấy, rất mong được đôi giày và cây dù bằng lá thốt-nốt của đức vua. Trọn 12 năm mà Ngài không dám xin của người. Vì thế, Bồ-tát hay tìm dịp bố-thí.

Nhưng Bồ-tát khi đem vật gì cho ai rồi Ngài không cần được báo-đáp, hoặc trông mong được lợi-ích riêng. Ngài làm như quên hoặc kể như vật thí ấy mất đi vậy, không lòng thương-tiếc, muốn người trả ơn.

Lại nữa, Ngài không giấu-giếm một vật gì cả. Nếu có người muốn xin món chi thì Bồ-tát liền cho món ấy hoặc có kẻ nào muốn xin vật gì mà không dám tỏ lời, khi biết được Ngài hoan-hỉ cho ngay. Bồ-thí vật thực thì Ngài không bao giờ đem vật không ngon hoặc không vừa lòng người mà cho ; Ngài thường cho những thức ăn vừa ý người. Cách bố-thí của Bồ-tát như vậy mới đáng gọi là bố-thí chân-chánh.

Về các vật-dụng, Ngài thường bố-thí 10 món như sau :

1—ANNADĀNA : Thí các món ăn thì Ngài nguyện cầu cho tất cả chúng-sanh đều được 5 điều hạnh-phúc.

1—Sắc đẹp ;

2—Yên vui ;

3—Mạnh khỏe ;

4—Trí-tuệ ;

5—Thánh quả ;

mà người hằng đem lòng hoan-hỉ.



2—PĀNADĀNA : Thí nước lạnh hoặc nước nóng, Ngài cầu cho tất cả chúng-sanh đều khỏi sự đói-khát.

3—VATTHUDĀNA : Thí y-phục thì Ngài cầu được nhan-sắc xinh đẹp như kim-thân để giác-ngộ và hỏ-then các tội lỗi.

4—YĀNADĀNA : Thí xe, ngựa, kiệu, vũng, thì Ngài cầu đắc lục-thông được an-lạc ở Niết-bàn.

5—GANDHADĀNA : Thí các vật thơm, thì Ngài cầu đăng món giới hương.

6—MĀLĀVILEPANADĀNA : Thí tràng-hoa và các vật để tắm, thì Ngài cầu được tướng trang-nghiêm của Phật.

7—ĀSANADĀNA : Thí chỗ ngồi, thì Ngài cầu đăng bồ-đoàn của Phật tọa.

8—SEYYADĀNA : Thí chỗ nằm thì Ngài cầu đăng chỗ nằm của Phật ngọa.

9—AVĀSADĀNA : Thí chỗ ở Ngài cầu, khi thành Phật thì tất cả chúng-sanh đều qui-y theo Ngài.

10—PADĪPEYYADĀNA : Thí đèn-đuốc, thì Ngài cầu cho được ngủ-nhân, nhất là nhãn-thông.

Lại nữa, đức Bồ-tát còn bố-thí thêm 6 món như sau :

1—RŪPADĀNA : Thí sắc, là dùng tràng hoa, y-phục xinh đẹp cúng-dường đến Tam-bảo, thì Ngài



cầu cho được hào-quang phóng ra một dải, chung quanh thân Ngài.

**II—SADDADĀNA :** Thí tiếng là dùng đờn kèn cúng-dường đến Tam-bảo hoặc dâng cúng nước mía, dầu, dùng làm thuốc cho các vị pháp-sư, khuyên người đi nghe pháp hoặc tự mình nói pháp cho người nghe thì Ngài cầu cho có tiếng thanh-tao, diệu-dàng như tiếng của Đại-phạm-thiên.

**III—GANDHADĀNA :** Thí các mùi-thơm cúng-dường đến Tam-bảo (trầm hương) thì Ngài cầu cho được giới-hương.

**IV—RASADĀNA :** Thí vật cao-lương cúng-dường đến Tam-bảo, Ngài nguyện khi được chứng quả bồ-đề, thì chúng-sanh đều đem lòng cảm-mến Ngài.

**V—PATTHABBADĀNA :** Thí chỗ nghỉ ngơi (giường, ghế, ván ngựa) cúng-dường đến Tam-bảo thì Ngài nguyện cho thành bậc vô thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác.

**VI—BHESAJJADĀNA :** Thí thuốc-men, nước-mía, dầu, mật-ong v. v. . . cúng-dường đến Tam-bảo thì Ngài nguyện cho khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khổ.

Bồ-tát còn thí thêm 10 món nữa:



1—DĀSĀNAMBHIJISSADĀNA : Thí tôi tớ, là thà kẻ hầu-hạ khỏi vòng nô-lệ thì Ngài nguyện cho được sự giải-thoát, dứt phiền-não và lòng ái-dục.

2—ANAVAJJAKHIDDHĀ VATIHETU DĀNA : Thí những sự chơi vô tội, thì Ngài nguyện chúng-sanh phát lòng hoan-hỉ nghe pháp của Ngài.

3—PUTTA DĀNA : Thí con trai, Ngài nguyện khi chúng được Phật-quả, thì con của Ngài cũng được gặp Ngài.

4—DĀSADĀNA : Thí vợ, thì Ngài nguyện cho đắc pháp vô-thượng bồ-đề.

5—RĀJADĀNA : Thí ngôi vua, thì Ngài nguyện cho thành vị pháp-vương.

6—HATTHA DĀNA : Thí tay, thì Ngài nguyện cho tay Ngài nắm cả pháp báu để tế-độ chúng-sanh và cho Ngài được thoát khỏi 5 đại hồng-thủy (1) nhất là ngũ-dục hồng-thủy.

7—KĀNĀNASĀDI DĀNA : Thí thân thể (tai, mũi) thì Ngài nguyện cho được ngũ-căn thanh-tịnh.

8—CAKKU DĀNA : Thí mắt, thì Ngài nguyện cho được ngũ-nhãn (2) nhất là thiên-nhãn.

(1) Phiền-não ví như nước lụt to, nhận chúng-sanh chìm trong bể khổ : ngũ dục hồng thủy (KAMOGKHA) sắc giới hồng thủy (BHAVOGHA) tà-kiến hồng-thủy (DITTHOGHA) vô minh hồng-thủy (AVIJOGHA)

(2) Thiên-nhãn (DIBBACAKKHU) nhục-nhãn (MAMSACAKKHU) huệ-nhãn (PAÑÑACA-KKHU) phật-nhãn (BUDDHACA-KKHU) toàn-nhãn (SAMANTECAKKHU)



9—MAMSALOHITA DĀNA : Thí máu, thịt, Ngài nguyện cho có thân thể tròn đủ.

10—UTTAMAṄGA DĀNA : Thí bầu, thì Ngài nguyện cho thành bậc Vô-Thượng Đại-Giác.

Các sự bố-thí ấy, chia ra làm 3 hạng :

a)— Pháp dứt bỏ các món dùng của mình (vợ, con, của) mà cho, gọi là bố-thí đến bờ kia (DĀNA PARAMĪ)

b)— Pháp dứt bỏ tay, chơn, mắt, thịt mà cho, gọi là bố-thí đến bờ trên (DĀNA UPAPĀRAMI).

c)— Pháp dứt bỏ mạng-sống của mình mà cho, gọi là bố-thí đến bờ cao-thượng (DĀNA PARAMATTHA-PĀRAMI).

Đức Bồ-tát đã bố-thí các vật ngoài thân của Ngài, mà Ngài chưa vừa ý, nên Ngài thí đến tay, chơn, mắt, mũi, da, thịt, của Ngài. Tuy vậy, cũng chưa mãn nguyện, nên thí đến mạng sống của Ngài, Ngài mới an lòng.

Trong kiếp đầu-thai làm thái-tử VESSANTARARĀJA, lúc lên 8 tuổi Ngài có nguyện rằng : Nếu có người đến hỏi xin trái tim, là nơi nương tựa của tâm, là sanh-mạng của ta, thì ta mở ngực lấy tim đem thí chẳng sai. Nếu họ hỏi xin mắt thì ta dùng dao bén rọc lấy mắt để trên bàn tay mà cho người. Tuy-nhiên, nếu có người hỏi xin thịt, ta sẽ cắt thịt mà cho, với lòng hoan-hỉ của ta.



Các pháp bố-thí (đại hoặc tiểu thí) đã giải trên đều thích trong kinh MĀHĀSŪDASSANA JĀTAKA trang 95, kinh SASA JĀTAKA trang 316, kinh SAMKHABRAHMANA JĀTAKA trang 442, kinh AKITTA BRAHMANA JĀTAKA trang 480, kinh SIVI JĀTAKA trang 499, kinh NIMIJĀTAKA trang 441, kinh VESSANTARA JĀTAKA trang 547. Xin các bậc thiện trí thức, nếu muốn biết thêm, nên xem trong các thứ kinh JĀTAKA ấy.

## II.—TRÌ-GIỚI BA-LA-MẬT

(SĪLA PĀRAMI)

Lời ngay thật mà đức Bồ-tát hằng trao-dồi, do sự sáng trí và thương-xót chúng-sanh (nghĩa là : Ngài hằng thốt lời ngay thật và hữu ích) bởi Ngài có lòng từ-bi đối với chúng-sanh không phân giai-cấp, gọi là trì-giới trong sạch.

Bồ-tát hằng tránh xa tội lỗi và cố tìm làm việc lợi-ích. Bởi đạo-hạnh của Ngài như vậy, nên gọi trì-giới đến bờ kia.

Dầu xuất-gia hay Cư-sĩ, Ngài vẫn trì-giới trong sạch không khi nào để lấm nhơ.

Lúc tại gia, Ngài giữ giới cư-sĩ không vi phạm. Khi xuất-gia Ngài càng hết lòng tinh-tấn, thọ trì tứ thanh-tịnh giới rất trong sạch theo 4 pháp là :

1) — Giới bốn thanh-tịnh vì đức-tin.

2) — Ngũ-căn thanh-tịnh giới vì trí nhớ.



3) — Chánh-mạng thanh-tĩnh giới do tinh-tấn.

4) — Quán-tưởng thanh-tĩnh giới do tuệ-lực.

Trong mỗi kiếp chuyển-sanh đức Bồ-tát đều trì-giới được trong sạch, Cách hành-đạo của Bồ-tát có giải rõ trong kinh GANAVERA JĀTAKA số 318.

Giới Ba-la-mật có chia ra làm 3 hạng :

a) — Dẫu có sự thiệt-thòi đến vợ, con, đức Bồ-tát cũng quyết giữ giới được trong sạch, gọi là trì-giới đến bờ kia (SĪLA PĀRAMI).

b) — Dẫu có sự tai-hại đến thân thể, Bồ-tát cũng chẳng vi-phạm giới-luật mà Ngài đã nguyện thọ-trì, gọi là trì-giới đến bờ trên (SĪLA UPAPĀRAMI).

c) — Nếu có hại đến sanh mạng đi nữa, Bồ-tát quyết không phá giới, gọi là trì-giới đến bờ cao-thượng (SĪLA PARAMATTHAPĀRAMI).

Các bậc thiện-hữu trí-thức muốn biết rõ giới Pa-la-mật, nên tìm xem trong các kinh JĀTAKA, nhất là kinh SĪLAVANAGA số 72, LOMAHAMSA số 94, KURUDNAMMA số 276, BANGĀMALA số 421, RURAMIGA số 482, CAMPEYYA số 506, CHADDANDA số 514 và BHŪRIDATTA JĀTAKA số 543.

### III — XUẤT-GIA BA-LA-MẬT (NEKKHAMMA PĀRAMI)

Đức Bồ-tát hăng có chí xuất-gia, vì lòng từ bi, nhất



là Ngài thường thấy điều tội lỗi của ngũ-dục và suy xét để tránh xa.

Vì thế, nên Ngài quyết-định xuất-gia tu-hành đến bờ kia. Tiếng BABBAJJĀ nghĩa là pháp xuất-gia đi tu-hành, dứt bỏ vợ, con, của cải.

Lại nữa, các công-đức cao-thượng nhất là nhập định, đều là phương-pháp của bậc xuất-gia. Hạng này có thể dứt trừ phiền-não, xa lìa dục-giới. Nếu đức Bồ-tát không xuất-gia ở nhà hành-đạo cư-sĩ, Ngài trì phạm-hạnh pháp (1) (BRAHMACARYA DHAMMA) không sai phạm như đã có giải trong kinh ANANUSO CIYAKALA JĀTAKA số 328) Nhưng cũng có lúc Ngài sa-mê theo ngũ-trần như đã có giải trong kinh DARIMUKKHA JĀTAKA.

Xuất-gia Ba-la-mật chia ra làm 3 hạng là :

a)—Cách dứt bỏ vợ, con, của là nhân-vật yêu-mến mà xuất-gia, gọi là xuất-gia đến bờ kia (NEKKHAMMA PĀRAMI).

b)—Cách dứt bỏ thân thể, tứ chi mà xuất gia, gọi là xuất-gia đến bờ trên (NEKKHAMMA UPAPĀRAMI).

c)—Cách dứt bỏ sự sống mà xuất-gia, gọi là xuất-gia đến bờ cao-thượng (NEKKHAMMA PARAMATTHA-PĀRAMI).

Các bậc thiện-hữu trí-thức, có chí hành-đạo theo pháp xuất-gia Ba-la-mật, nên xem các kinh JĀTAKA nhất là MAKKADEVA JĀTAKA



số 9 HUDDĀLA JĀTAKA số 70, VACHANAKHA JĀTAKA số 135, LAB-HAGARAHA JĀTAKA số 287, SAYHA JĀTAKA số 310.

#### IV.—TRÍ-TUỆ BA-LĂ-MẬT

(PAÑÑĀ PĀRAMI)

Pháp thấy rõ 3 tướng (vô thường, khổ-não, vô-ngả) để trừ diệt tà-kiến mà đức Bồ-tát hằng nguyện đạt đến, gọi là trí tuệ đến bờ kia.

Giải rằng : Các danh sắc đều phải hư-hoại do 3 tướng đã giải trên.

Trí-tuệ thấy chắc như vậy gọi là SAMANĀLALA-KKHANA là pháp thấy rõ sự khổ về danh (1) sắc (2).

Hơn nữa, danh hằng duyên theo trần-cảnh đều phải hư-hoại, vì thời-tiết (nóng và lạnh). Trí-tuệ xét rõ như vậy, gọi là trí-tuệ cao thượng.

Các bậc Bồ-tát hằng ghi nhớ đến 3 tướng ấy, không bao giờ quên, dù là các Ngài chưa đạt đến bậc Toàn-giác.

HỎI.— Tại sao con người và chư-thiên đều hết lòng cầu nguyện cho được đắc đạo quả A-la-hán. Còn đức Bồ-tát thì lại chẳng mong đạo-quả ấy ?

ĐÁP.— Bởi Ngài đã chí hướng theo bậc Chánh-biến-

(1) thọ, tướng, hành, thức.

(2) Sắc thân tứ đại là ; đất, nước, gió, lửa.



tri. Trí-tuệ của các Ngài thường hồi-hướng cho chúng-sanh. Hơn nữa, chư Bồ-tát khi rõ được pháp nào chơn-chánh thì các Ngài hằng đem ra giảng-giải cho thiên-hạ, không giấu-giếm

Trí-tuệ Ba-la-mật chia ra làm 3 hạng :

a) — Đức Bồ-tát ít quyến-luyến vợ con, Ngài hằng lo làm những việc lợi ích đến chúng-sanh, nên gọi là trí-tuệ đến bờ kia (PAÑÑĀ PĀRAMI).

b) — Đức Bồ-tát hằng hy-sinh thân thể của Ngài để tìm sự lợi ích cho chúng-sanh, nên gọi là trí-tuệ đến bờ trên (PAÑÑĀ UPAPĀRĀMI).

c) — Đức Bồ-tát không màn đến mạng sống của Ngài, chỉ mong được sự lợi-ích cho chúng-sanh, nên gọi là trí-tuệ đến bờ cao thượng (PAÑÑĀ PARAMATTHA-PĀRAMI).

Những hàng học Phật, muốn biết rộng thêm về pháp trí-tuệ Ba-la-mật này, nên tìm xem kinh VANNAPATHA JĀTAKA 2 và SEVIVANIJJA JĀTAKA 3, NANDIVISA JĀTAKA 28, PAÑÑĀVUDHA JĀTAKA số 55 TAYODHAMMA JĀTAKA 58, KUDDĀLAPANDITA JĀTAKA 70.

## V.—TINH-TẤN BA-LA-MẬT

(VIRIYA PĀRAMI)

Đức Bồ-tát hằng cố gắng tìm làm những lợi-ích cho chúng-sanh, vì lòng từ-bi của Ngài.

Giải rằng : Đức Bồ-tát hằng có sự tinh-tấn, tìm dịp



làm những lợi-ích cho chúng-sanh, không thối-chuyển. Dầu có việc chẳng lành đến cho Ngài, Ngài cũng vẫn giữ một lòng tu-hành tinh-tấn. Nếu rõ điều nào chon-chánh thì Ngài cố-gắng thực-hành, để chúng-sanh thấy mà xu-hướng theo.

Tinh-tấn đạo-bỉ-ngạn chia ra làm 3 hạng :

1—Dứt bỏ vợ, con cố sức làm những việc lành, gọi là tinh-tấn đến bờ kia (VIRIYA PĀRAMI).

2—Dứt bỏ tứ chi, máu, thịt không than-tiếc, nhất tâm tu hành không gián-đoạn, gọi là tinh-tấn đến bờ trên (VIRIYA UPAPĀRAMI).

3—Cố-gắng tận diệt hoặc nghiệp dù có sự hại đến sanh-mạng, Ngài cũng một lòng bất-thối, gọi là tinh-tấn đến bờ cao thượng (VIRIYA PARAMATTHAPĀRAMI).

Những người tu Phật muốn biết rộng thêm về phép tinh-tấn, nên tìm xem kinh VANAPATHA JĀTAKA số 2, SERIVANIJJĀ JĀTAKA 3, KURUNJA số 21, BHOJĀJANIYA JĀTAKA số 23.

## VI.—NHẪN-NHỤC BA-LA-MẬT

(KHANTĪ PĀRAMI)

Đức Bồ-tát thường tu-hạnh nhẫn-nhục, dẫn lòng sân-hận, vì tâm từ-bi của Ngài đối với chúng sanh. Ngài hằng thương-xót và hiền lành, không oán-giận chúng-sanh, gọi là nhẫn-nhục đến bờ kia.

Đức Bồ-tát hay ghi nhớ rằng : chúng-sanh toàn là



thân bằng quyền-thuộc của Ngài ; Ngài hằng xá tội lỗi cho chúng-sanh vì lòng hỉ-xả của Ngài.

Nếu có kẻ nóng-giận chưởi - mắng Ngài vô cớ, Ngài chẳng chấp-trách ; cho nên Ngài ít hay tỏ ý bất-bình. Dầu có ai đại-nộ muốn đánh hoặc cắt tay chân Ngài, Ngài cũng chẳng đem lòng oán-thù hay nói xấu kẻ ấy. Ngài lại cầu nguyện cho họ được an-vui trường-thọ.

Nhẫn-nhục đáo-bỉ-ngạn chia ra 3 bậc :

a) — Nhẫn-nhục về việc làm lỗi của chúng-sanh đối với vợ, con gọi là nhẫn-nhục đến bờ kia. (Nhẫn-nhục chẳng phải chỉ nín-thinh, mà cần nói lời ôn-hòa cao-thượng và lợi-ích mới gọi là nhẫn-nhục đáo-bỉ-ngạn) (KHANTI PĀRAMI).

b) — Nhẫn-nhục với việc làm sai của chúng-sanh, phạm đến thân thể, gọi là nhẫn-nhục đến bờ trên (KHANTI UPAPĀRAMI).

c) — Nhẫn-nhục với việc quấy của chúng-sanh, phạm đến mạng sống mà Ngài chẳng nóng-giận (oán-thù) gọi là nhẫn-nhục đến bờ cao-thượng (KHANTI PĀRAMATTHA PĀRAMI).

Những người tu-Phật tu-pháp nhẫn-nhục, muốn tìm hiểu thêm nên xem kinh VARĀJOVĀDA JĀTAKA số 151, MAHISA JĀTAKA số 278, KHANTIVADI JĀTAKA số 313 v.v...



## **VII.— CHÂN-CHÁNH BA-LA-MẬT** (*SACCA PĀRAMI*)

Sự tránh xa lời nói không thật vì lòng từ-bi của Bồ-tát, gọi là chân-chánh đến bờ kia.

Lời thật ấy chia ra làm 3 bậc :

1.— Dầu có tai hại đến vợ con, Ngài chẳng nói sai lời, gọi là ngay thật đến bờ kia. (*SACCA PĀRAMI*)

2.— Dù có sự hại đến thân thể, nhưng chẳng nói sai lời, gọi là ngay - thật đến bờ trên (*SACCA UPA-PĀRAMI*).

3.— Dù có tai hại đến mạng sống, cũng chẳng nói sai lời gọi là ngay-thật đến bờ cao thượng (*SACCA PARAMATTHA PĀRAMI*)

## **VIII.— QUYẾT-ĐỊNH BA-LA-MẬT** (*ADHITTHANA PĀRAMI*)

Chí nguyện một lòng bất thối, nghĩa là : nếu Bồ-tát đã quyết-định tu thì Ngài chỉ nhứt tâm hành-đạo, y theo lời nguyện của Ngài không lòng thối-chuyển, gọi là quyết-định đến bờ kia.

Quyết-định chia ra làm 3 bậc :

a) — Nếu vợ hoặc con của đức Bồ-tát có bị sự khó khăn đến đâu, Ngài không bỏ qua lời nguyện. Sự tu-hành tinh tấn như thế gọi là quyết - định đến bờ kia (*ADHITTHANA PĀRAMI*).

b) — Dù có sự thiệt-thòi đến tứ-chi, thân-thể của Ngài, Ngài vẫn nắm giữ lời nguyện, không thoái bộ, gọi



là quyết-định đến bờ trên. (ADHITTHANA UPAPĀRAMI)

c) — Dẫu có sự hại đến mạng sống, Ngài chẳng khi nào thụt lùi bỏ lời nguyện, gọi là quyết-định đến bờ cao-thượng (ADHITTHĀNAPARAMATTHAPĀRAMI).

### **IX. — BÁC-ÁI BA-LA-MẬT** (METTĀ PĀRAMI)

Cách tìm sự lợi-ích an vui cho chúng-sanh và không lòng sân-hận mà đức Bồ-tát hằng thực-hành, gọi là bác-ái đến bờ kia.

Bác-ái Ba-la-mật chia ra làm 3 bậc :

1. — Không làm mất sự lợi-ích an-vui của chúng-sanh, mặc dù có việc dữ đến vợ, con, thì Ngài cũng chẳng sân-hận, gọi là bác-ái đến bờ kia. (METTĀ PĀRAMI).

2. — Dẫu có kẻ làm hại đến tứ chi, thân-thể, Ngài vẫn không bất bình, gọi là bác-ái đến bờ trên (METTĀ UPAPĀRAMI).

3. — Dẫu có kẻ hại đến mạng sống của Ngài, Ngài vẫn thương xót, gọi là bác-ái đến bờ cao-thượng (METTĀ PARAMETTHA PĀRAMI).

### **X. — XẢ BA-LA-MẬT** (UPEKKHAPĀRAMI)

Đức Bồ-tát hằng đè-nén lòng ưa-thích và sự bất-bình theo tình-dục của chúng-sanh, do tâm bác-ái của Ngài gọi là xả đến bờ kia.

Xả Ba-la-mật chia ra làm 3 bậc :



a) — Đức Bồ-tát hằng có lòng không thiên-vị đối với người, nhất là với vợ, con của Ngài, xả như thể gọi là xả đến bờ kia (UPEKKHAPĀRAMI).

b) — Đức Bồ-tát hằng giữ lòng bực trung, với những người ân hoặc vô ân với Ngài, không lòng thiên-vị, gọi là xả đến bờ trên (UPEKKHA UPAPĀRĀMI).

c) — Dầu có kẻ nào hại đến mạng sống hoặc cứu tử Ngài, thì Ngài vẫn giữ tâm điềm nhiên đối với những người ấy, gọi là Xả đến bờ cao-thượng (UPEKKHA PARAMATTHAPĀRAMĪ).

Phép Thập - độ này trong mỗi độ có chia ra làm 3 bậc: đáo bỉ-ngạn đến bờ kia (PĀRAMI), đáo bỉ-ngạn đến bờ trên (UPĀRAMI), đáo bỉ-ngạn đến bờ cao-thượng (PARAMATTHA PĀRAMI) tổng cộng là tam thập-độ.

Thập-độ có thể độ người chứng 3 quả bồ-đề :

1. — Chánh-đẳng Chánh-giác (SAMMASAMBODDHI)
2. — Duyên-giác (PACCEKABODHI)
3. — Thinh-văn-giác (SAVAKABODHI)

— Những người tu - Phật tùy sở thích, nên cầu-nguyện cho được kết-quả một trong ba bậc - giác này.

— Hàng học Phật nếu chẳng thực-hành theo pháp thập-độ, thì chẳng mong đạt đến Niết-bàn.

Vì thế, các bậc thiện-hữu trí-thức tinh-tấn tu-hành theo pháp thập-độ này, không dễ-duôi, thì sẽ ắt đoạt đến bậc tiêu-dao, tự-tại chẳng sai.

DỨT PHÁP THẬP-ĐỘ



## **BODHISATTA — BODHISATVA** **TRUYỆN ĐỨC BỒ-TÁT**

Những người mong hiểu Phật-giáo, nên đọc truyện Bồ-tát. Vì tiếng Phật-giáo có nghĩa là lời Phật dạy, mà người sẽ là Phật, trước tiên, phải tu hạnh Bồ-tát. Hơn nữa, sự thông rõ sử-kinh về Đức Bồ-tát là một phương-pháp phát sanh trí-tuệ, đem đến cho ta nhiều lợi-ích, giúp ta trở nên bậc quý nhân.

Truyện Bồ-tát, hay nói một cách khác là cổ-tích của vị anh-hùng (VIRAPURASA) hoặc bậc đại-nhân (MHĀPURASA) vì là bậc xuất-chúng, đáng làm gương độ đời trở thành người hào-kiệt hoặc đại-nhân được, bằng không cũng khiến cho người đời càng phát tâm trong sạch, xác-nhận trung-thành đối với Tam-bảo. Họ càng thấu rõ chân-lý, tự xét-đoán, quyết-định rồi hoan-hỉ, mát-mẻ thực-hành theo, tâm-linh của người thêm sáng-suốt thanh-cao.

Với tên Bồ-tát, chúng ta nên quan-sát tỉ-mỉ mẫu-chuyện sau đây, rồi đem so-sánh tài-trí của mình với đức-tính của Bồ-tát có danh-hiệu là người anh-hùng và đại-nhân.

### **BODHISATTA** **ĐỨC BỒ-TÁT**

Tiếng Bồ-tát (BODHISATTA hoặc BODHISATVA) dịch là người sẽ giác-ngộ pháp tối-cao, không thể so-sánh được; hoặc là sự thông suốt pháp không cho sanh,



già, bệnh, chết và những khổ-não, dù là một tí ti nào. Các sự hiểu biết khác như là: sáng-tác văn-chương, sáng-tạo máy móc v.v... chỉ có lợi-ích trong đời, không sao sửa được sự sanh, già, bệnh, chết là những điều khổ trọng đại vậy.

Những bậc đặc pháp Ba-la-mật là : DĀNA (Bố-thí) SĪLA (Trì-giới), NEKKHAMMA (Xuất-gia), PAÑÑĀ (Trí-tuệ), VIRIYA (Tinh-tấn), KHANTĪ (Nhẫn-nại), SACCA (Ngay-thật), ADHITTHĀNA (Quyết-định), METTĀ (Bác-ái), UPEKKHĀ (Xả) cả bậc thấp, bậc trung và bậc cao, đều gọi là Bồ-tát. Bậc này sẽ chứng quả Chánh-đẳng Chánh-giác là pháp giác-ngộ thoát-ly sanh-tử luân-hồi, lặn tất cả sự thống-khổ ở đời.

Lại nữa, Bồ-tát có 3 hạng là : PAÑÑĀDHIKA; SADDHĀDHIKA; và VIRIYĀDHIKA.

### CHÚ GIẢI :

1) — PAÑÑĀDHIKA : Hạng có trí-tuệ nhất

Bồ-tát hạng này, có trí-tuệ nhiều hơn các đức-tính khác. Nghĩa là cũng có đức-tin, tinh-tấn v.v... nhưng kém hoặc yếu hơn trí-tuệ.

2) — SADDHĀDHIKA : Hạng có đức-tin nhất

Bồ-tát hạng này, có đức-tin nhiều hơn các đức-tính khác.

3) — VIRIYĀDHIKA : Hạng có tinh-tấn nhất

Bồ-tát hạng này, có tinh-tấn nhiều hơn các đức-tính khác.



**Tóm tắt :** Bồ-tát hạng nhất có trí-tuệ hướng dẫn, hạng nhì có đức-tin hướng dẫn, hạng ba có tinh-tần hướng dẫn.

## **HẠN-KỲ TU HẠNH BA-LA-MẬT (Pāramī) (1) CỦA BỒ-TÁT**

Cả ba hạng Bồ-tát đều phải thực-hành tròn đủ 30 phép Ba-la-mật, nhưng mau hoặc lâu khác nhau.

1.— **PAÑÑĀDHĪKA BODHISATTA :** Bồ-tát có trí-tuệ nhất phải tu 20 A-tăng-kỳ (Asankheyya) và 100.000 kiếp.

Trong thời-đại tu chia ra làm 3 thời-kỳ :

a) — Thời kỳ trù-định (âm-thầm ước nguyện) sẽ cố-gắng cho được thành bậc Chánh-đẳng Chánh-giác, phải trải qua 7 A-tăng-kỳ.

b) — Thời-kỳ thuyết-minh (nguyện ra lời) phải trải qua 9 A-tăng-kỳ,

c) — Thời kỳ được Phật dự-đoán, phải trải qua 4 A-tăng-kỳ và 100.000 kiếp.

2.— **SADDHĀDHĪKA BODHISATTA :** Bồ-tát có đức-tin nhất, phải tu 40 A-tăng-kỳ và 100.000 kiếp

a) — Thời kỳ trù-định, phải trải qua 14 A-tăng-kỳ ;

b) — Thời kỳ thuyết-minh, phải trải qua 18 A-tăng-kỳ

c) — Thời kỳ được Phật dự-đoán, phải trải qua 8 A-tăng-kỳ và 100.000 kiếp.

---

(1) Ba-la-mật (PĀRAMĪ) đến bờ kia  
Sanskrit : (PĀRAMITA).



3.— VIRIYĀDHĪKA BODHISATTA : Bồ-tát có tinh-tấn nhứt phải tu 80 A-tăng-kỳ và 100.000 kiếp.

a)— Thời kỳ trù-định, phải trải qua 28 A-tăng-kỳ ;

b)— Thời kỳ thuyết-minh, phải trải qua 36 A-tăng-kỳ

c)— Thời kỳ được Phật dự-đoán, phải trải qua 16 A-tăng-kỳ và 100.000 kiếp.

### 3 DANH-HIỆU ĐỨC BỒ-TÁT

1)— Bồ-tát có trí-tuệ nhất gọi là UGGHATITĀÑÑŪ : Có thể chứng quả, khi đức Phật vừa khởi đầu thuyết-pháp.

Bồ-tát hạng này, được nghe Phật thuyết-pháp, nếu cần quả Thỉnh-văn-giác phân-tích, khi vừa nghe Phật thuyết đầu đề, thì được chứng quả ngay.

2)— Bồ-tát có đức tin nhất gọi là VIPACITĀÑÑŪ : Có thể chứng quả, khi đức Phật vừa thuyết-pháp xong.

Bồ-tát hạng này, được nghe pháp đức Phật, nếu muốn chứng quả Thỉnh-văn-giác lục-thông sẽ đắc khi vừa nghe xong thời pháp.

3)— Bồ-tát có tinh-tấn nhất gọi là NEYYA : Có thể tiến-dẫn được.

Bồ-tát hạng này, muốn chứng quả Thỉnh-văn-giác lục-thông có lẽ chứng được khi đã nghe Phật thuyết-pháp tỉ-mỉ rõ ràng từ chi-tiết.



## 2 HẠNG BỒ - TÁT

Trong 3 hạng Bồ-tát đã giải rút ngắn lại còn 2 là :  
Bất-định (ANİYATA) và Xác-định (NIYATA).

I.— BẤT-ĐỊNH BỒ-TÁT: Cả 3 hạng Bồ-tát, nếu chưa được Phật dự-đoán gọi là Bất-định Bồ-tát, nghĩa là không định chắc sẽ thành Phật vị-lai, có thể sẽ thành bậc Độc-giác hoặc Thỉnh-văn-giác.

II.— XÁC-ĐỊNH BỒ-TÁT: Khi đã được Phật dự-đoán gọi là Xác-định Bồ-tát, nghĩa là định chắc sẽ chứng quả Chánh-Biên-Tri.

Muốn được đăng Toàn-giác dự-đoán cần phải có đủ 8 chi, là :

### SAMODHĀNADHAMMA

#### 8 LIÊN-HỢP PHÁP

Bồ-tát được Phật dự-đoán, cần phải có đầy đủ 8 liên-hợp pháp là :

- 1) — MANUSSATTAM : Phải là người nam thật
- 2) — KINGASAMPATTI : Phải có đầy đủ hình tướng của người nam.
- 3) — HETU : Phải có đặc sắc đặc Thỉnh-văn-giác, như SUMEDHA đạo-sĩ v.v.. Nghĩa là nếu cần thành Thỉnh-văn-Giác ; thì đặc ngay trong thời đó.
- 4) — SATTHĀRADASSANAM : Phải gặp Phật và được làm điều lành cao-thượng, dâng đến đức Phật như vị đạo sĩ SUMEDHA trải thân làm cầu dâng



cho Đỉnh-Quang Phật (DIPANKĀRA) ngự đi.

5) — PABBAJĀ : Phải là người xuất - gia chơn-chánh (đạo-sĩ cũng được).

6) — GUNASAMPATTI : Phải có đủ đức-tính phi-thường, nhất là ngũ-thông, bát thiên,

7) — ADHIKĀRO : Phải được làm việc tốt cao-thượng là thí sinh mệnh và vợ con, do tác-ý, mong được chứng bực toàn-giác.

8) — CHANDATĀ : Phải có tâm hăng-hái đầy đủ trong sự tu chứng Phật quả, không mong điều chi khác, dù khổ não thế nào cũng không nao núng.

Khi đủ cả 8 đức-tánh trên trong kiếp nào, thì mới được Phật dự-đoán là Xác-định Bồ-tát.

## [ BUDDHABHŪMIDHARMA : TRÌNH-ĐỘ PHÁP

Là pháp chỉ về đạo-đức với tài năng cao, thấp của đức Bồ-tát xác-định Bồ-tát là bực chắc sẽ chứng quả Phật Toàn-giác, phải có trình-độ xuất-chứng phi-thường.

### 4 TRÌNH-ĐỘ PHÁP

1. — USSĀHA : Có nghị-lực

2. — UMMAGGA : Có nhiều trí-tuệ

3. — AVATTHĀNAN : Có sự quyết-định kiên-cố

4. — HITACARIYĀ : Chỉ làm điều lợi-ích.

### CHÚ GIẢI :

1 — USSĀHA : Có nghị-lực



Xác-định Bồ-tát có khả-năng quả-quyết trong khi làm công việc lành, không thối bộ.

**2— UMMAGGA : Có nhiều trí-tuệ**

Xác-định Bồ-tát có sự hiểu biết tình-tường trong nhân quả của mọi việc ; rằng thế nào là lành, dữ, rồi tránh nhân ác, cố tạo điều lành để thọ quả vui.

**3— ĀVATTHĀNAM : Có sự quyết-định kiên-cố**

Xác-định Bồ-tát khi đã làm điều thiện nào, thì nguyện làm cho thành-tựu, không bỏ dở.

**4— HITACARIYĀ : Chỉ làm điều lợi-ích**

Xác-định Bồ-tát chỉ làm điều lợi-ích cho mình và cho người, lánh xa nghiệp ác,

Trong 4 pháp trên, nên sắp theo thứ-tự như vậy :

1)— UMMAGGA : Có nhiều trí-tuệ

2)— HITACARIYĀ : Chỉ làm điều lợi-ích.

3)— ĀVATTHĀNAM : Có sự quyết-định kiên-cố

4)— USSĀHA : Có nghị-lực

**CHÚ GIẢI :**

Khi làm một việc gì cần phải áp-dụng theo thứ-tự của trình-độ pháp. Trước tiên, phải dùng trí-tuệ (trình-độ pháp thứ nhất) quan-sát rồi mới bắt đầu làm (trình-độ pháp thứ nhì), tiếp theo dùng sự quyết-định (trình-độ pháp thứ ba) sau cùng đến nghị-lực (trình-độ pháp thứ tư ).



Đức Xác-định Bồ-tát, mỗi khi hành-dộng một việc gì dù lớn hay nhỏ, Ngài hằng suy-nghĩ, dự-liệu tình-tường, thấy có lợi-ích thật rồi, quyết chú tâm làm cho kỳ được, dù gian lao đến đâu cũng không ngã lòng, bỏ dở.

Hạng phàm nhân, chưa phải là Xác-định Bồ-tát, cũng nên trì chí trụ trong 4 trình-độ pháp như thế, mới mong đem mình ra khỏi bể khổ luân-hồi, khỏi vòng sanh tử, hưởng quả vị siêu-thoát.

Bậc có 4 trình-độ pháp, mới gọi là người thượng-lưu (PANITAPUGGALA). Người chưa có đủ 4 trình-độ pháp, gọi là kẻ hạ-lưu (OMAKAPUGGALA)

## **AJJHĀSAYADHARMA**

### **6 KHUYNH HƯỚNG PHÁP**

Lệ thường Xác-định Bồ-tát hằng có 6 khuynh-hướng pháp là :

- 1) — ALOBHAJJHĀSAYA : Thiên về không tham ;
- 2) — ADOSAJJHĀSAYA : Thiên về không sân ;
- 3) — AMOHAJJHĀSAYA : Thiên về không si ;
- 4) — NEKKHAMMAJJHĀSAYA : Thiên về xuất-gia ;
- 5) — PAVIVEKAJJHĀSAYA : Thiên về an-tĩnh ;
- 6) — NISSARANAJJHĀSAYA : Thiên về thoát-ly.

### **CHÚ GIẢI :**

- 1) — THIÊN VỀ KHÔNG THAM : Là không mong



được riêng về mình, hằng quan tâm đến những lợi-ích cho kẻ khác, tức là sẵn có tác-ý bố-thí.

2) — THIÊN VỀ KHÔNG SÂN : Là chận đứng tâm không cho nóng giận, khi phát sân thì lấy đức từ-bi đè-nén

3) — THIÊN VỀ KHÔNG SI : Là không ngậy đại, có trí-tuệ không vội tin. Xách-định Bồ-tát hay suy nguyên nhân quả rồi mới tin.

4) — THIÊN VỀ XUẤT-GIA : Xách-định Bồ-tát, hằng bỏ nhà đi tu, lìa khỏi sự thương-yêu, quyến-luyến ngũ dục.

5) — THIÊN VỀ AN-TĨNH : Xách-định Bồ-tát, hằng lánh xa chốn huyên-náo, tìm ngụ trong nơi thanh vắng một mình.

6) — THIÊN VỀ GIẢI-THOÁT : Là tìm đường ra khỏi phiền-não, để thoát-ly các sự thống khổ ở đời.

Như thế, chúng ta thấy rõ Bồ-tát có đặc-tính ra sao, có khuynh hướng khác thường thế nào. Chúng ta nên cố gắng hành theo, để hưởng quả vui cho mình và cho kẻ khác.

## **ACCHARIYADHARMA NIYATABODHISATTA PHI-THƯỜNG PHÁP CỦA XÁC-ĐỊNH BỒ-TÁT**

Đức Xách-định Bồ-tát có 7 pháp phi-thường, đáng cho trời, người nhận rằng cao-thượng vượt khỏi thường nhân là :

1) — PĀPAPĀTIKUTHACITTO : Có tâm chán-nản điều ác

2) — PĀSARNĀCITTO : Có tâm truyền thiện



- 3) — ADHIMUTTAKĀLAKIRIYĀ : Có tâm khuynh -  
hướng về sự chết.
- 4) — VISESAJANATTAM : Người đặc - biệt không  
giống kẻ khác
- 5) — TIKALĀÑÑŪ : Biết rõ 3 thời kỳ
- 6) — PASŪTIKĀLO : Khi đản-sinh
- 7) — MANUSSAJĀTIYO : Sinh ra làm người.

### CHÚ GIẢI :

1 — PĀPAPATIKUTHACITTO : Có tâm chán-nản  
điều ác.

Xác-định Bồ-tát, hằng hồ - thẹn (HIRI) và ghê sợ  
(OTTAPPA) tội lỗi. Vừa thấy điều chi xấu xa, thì ngài  
liền ngã lòng, ví như lông gà bị cháy.

2 — PĀSARANACITTO : Có tâm truyền thiện

Xác-định Bồ-tát, hằng có tâm hoan-hỷ với việc lành,  
không thoái bỏ trước lẽ phải. Nếu làm việc gì mà chưa  
toại nguyện, thì không khi nào chán nản, bỏ qua.

3 — ADHIMUTTAKĀLAKIRIYĀ : Có tâm khuynh-  
hướng về sự chết

Xác-định Bồ-tát, sanh trong cõi trời trường-sinh,  
Ngài sợ mất thì-giờ tu pháp Ba - la - mật, nên Ngài  
nguyện rằng : « Xin cho sinh-mệnh tôi đừng tồn tại nữa »,   
Nguyện xong, Ngài đi thọ sanh ngay (điều này nếu chưa  
phải là Xác-định Bồ-tát, thì không thi-hành được ).



4— VISESAJANATTAM : Người đặc - biệt không giống kẻ khác.

Xác-định Bồ-tát trong kiếp chót, thọ-sanh vào lòng mẹ không giống như thường-nhân ;

### THƯỜNG NHÂN :

a)— Khi ở trong thai-bào hết sức là u-tối và vầy-bẩn ;

b)— Phải úp mặt vào lưng mẹ, lưng xoay ra bụng mẹ.

— Trái lại xác-định Bồ-tát ngự trong nơi sạch-sẽ, không chút bợn-nhơ dính mình.

— Ngài ngồi xoay mặt ra phía trước và ngồi bán dả như vị pháp-sư trên pháp tọa.

5— TIKALĀÑÑŪ : Biết rõ 3 thời kỳ

Xác-định Bồ-tát, trong kiếp chót biết rõ 3 thời-kỳ :

a)— Khi giáng-sinh từ cõi trời vào lòng mẹ ;

b)— Khi ngự trong thai bào 10 tháng ;

c)— Khi đản-sinh.

Đức Độc-giác và 2 thủ đệ-tử Phật là DVIKĀLĀÑÑŪ chỉ biết 2 thời-kỳ : khi sanh vào lòng mẹ và lúc ở trong thai-bào.

80 vị đại Thịnh-văn-giác là EKAKĀLĀÑÑŪ chỉ biết một thời-kỳ là khi thọ-sanh vào lòng mẹ.

Ngoài ra, phàm-phu chẳng có ai biết như ba hạng trên

6— PASŪTIKĀLO . Đản-sinh

Xác-định Bồ-tát trong kiếp chót, giờ đản sanh, Ngài duỗi 2 tay theo 2 chân, trong thoáng mắt, Ngài ra khỏi



thai-bào ; hình như vị pháp-sur đang xuống pháp-tọa, trong khi bà mẹ Ngài đang đứng. Mẹ Ngài và Ngài không thọ khổ chi cả.

Ngày đức Bồ-tát đản-sinh vạn vật trong vũ-trụ đều rung-rinh.

**7— MANUSSAJĀTIYO :** Sinh ra làm người

Xác-định Bồ-tát trong kiếp chót, Ngài có thể-lực sinh ra theo 3 nhân là :

- a)— Dời vựa cho Ngài truyền-bá Phật-pháp ;
- b)— Hân hạnh có người xuất-gia để thừa hành giáo pháp của Ngài ;
- c)— Nơi có dịp để lưu-truyền Xá-lợi, sau khi Phật nhập Niết-bàn.

Sự phi thường của Xác-định Bồ tát trong kiếp-chót, chỉ có 3 là pháp thứ 5, 6, 7.

**DỨT TIẾNG BỒ - TÁT**



TEMIYA JĀLAKA

## TRUYỆN TEMIYA

### BỒ-TÁT TU HẠNH XUẤT-GIA BA-LA-MẬT

MĀ PATICCA YAM VIBHANEYYA IDAN SAT-  
THĀ JETAVANE VIHARANTO MAHABHINEKAK-  
KHAMMA PARAMĪNĀRABBHA KATHESI.

Thuở Đức Thế-tôn là đấng giáo-chủ của trời người. Ngài ngự nơi Kỳ-Viên Tịnh-Xá, có đề-xương hạnh tu xuất-gia Bà-la-mật của Ngài trong tiền kiếp như dưới đây :

Ngày nọ, chư Tăng hội-họp trong giảng-đường, tán-dương oai-lực của đấng cứu-thế. Nhờ nhĩ-thông, đức Thế-Tôn hiểu rõ, rồi ngự đến giảng-đường hỏi chư-tăng rằng : «Các người luận về điều chi ?»

— Có vị Tỳ-khuru bạch : Chúng tôi không nói chi khác hơn là bàn về đức Thế-Tôn từ bỏ ngôi vàng xuất-gia tìm đạo.

— Như-lai chẳng phải chỉ có xuất-gia trong kiếp cuối cùng này đâu, trong các kiếp trước cũng có xuất-gia vậy, nói đến đây rồi Ngài nín-thinh.

Chư Tăng bèn bạch xin đức Thế-Tôn từ-bi diễn-giải các tiền-kiếp cho chúng-tôi nghe.

Đức Phật bèn gọi các thầy Tỳ-khuru : BHIKKHAVE này các thầy ! ATITE KĀLE trong thời quá khứ có



một hiền-vương danh-hiệu là KĀSIKARĀJA trị vì trong xứ BĀRĀNASĪ, hoàng hậu là CANDADAVI. Không bao lâu hoàng-hậu thọ thai và đến ngày mãn nguyệt khai-hoa.

Đây nói về đức Bồ-tát giáng-sinh từ cung trời Đao-Lợi vào lòng mẹ là Hoàng-hậu của vua BĀRĀNASĪ. Ngày ấy gió mưa tầm-tả khắp mọi nơi, khiến cho toàn dân đều mát mẻ hoan-hỉ.

Nhà chiêm-tinh của vua vào tâu rằng : « Hoàng-tử có đủ tướng tốt, có thể làm cho đời được an-vui ». Vì thế, ngày đức Bồ-tát đản-sanh vua, hoàng hậu, hoàng thân quốc-thích đồng đặt tên là TEMIYAKUMĀRA.

Trước khi giáng-sanh, TEMIYA Bồ-tát đã là một vị Hoàng-đế trị vì trong xứ BĀRĀNASĪ 20 năm ; khi thăng-hà, Ngài bị sa trong địa-ngục đồng sôi (Ussudana-raka) 80.000 năm, bởi nghiệp ác đã tạo. Khi hết kiếp, Ngài được sanh lên cung trời Đao-lợi, rồi giáng-sanh làm Hoàng-tử của vua BĀRĀNASĪ tên TEMIYA như đã giải.

Sinh ra được một tháng, nhũ-mẫu bỗng Hoàng-tử đến hầu vua cha, được vua ẵm vào lòng nâng niu, yêu-mến. Khi đó, có quân dẫn 4 tội nhân vào tâu để vua cha phân-xử. Đức vua tùy tội nặng nhẹ mà phán-đoán tử hình và phạt tù 4 tội nhân. Được nghe vua cha phán-đoán, hoàng-tử rất ghê-sợ đối với hình phạt, rồi Ngài liền hồi-tưởng rằng : « Ta từ đâu mà sanh lên đây », nhờ có trực-giác Ngài biết được tiền kiếp (1) (JĀTISASARA-

---

(1) Có kiếp Ngài biết được như thế.



NĀNA) Kiếp kể, ta từ đạo - lợi thiên-cung giáng-sanh xuống. Ngai xét nghĩ thêm : « Trước kia, ta ở đâu mà đến Đạo-lợi thiên-cung ». Ngai biết rằng từ địa - ngục đồng sôi. Trước khi sa địa-ngục là một Hoàng-đế tại thủ-đô BĀRĀNASĪ này. Ngai bèn nghĩ rằng : rồi đây, khi ta trưởng-thành sẽ kế-vị vua cha, lên án tội nhân (xử trảm, hay gông cùm, xiềng-xích v.v.) Như thế, ta sẽ sa địa-ngục, như kiếp trước chẳng sai. Xét thấy vậy, làm cho Ngai phát tâm chán-nản, rất ghê sợ sự-nghiệp đế-vương.

Sau khi, nhũ-mẫu bỗng Ngai về cung nội, ngai quá lo sợ và nghĩ : thế nào cho ta khỏi làm vua. Do tâm lành của Ngai, nên có vị thiên-nữ, là mẹ của Ngai trong kiếp trước, hiện xuống khuyên nhũ (chỉ cho hoàng-tử nghe biết mà thôi) :

— Này TEMIYA con ôi ! nếu con muốn lánh ngôi vàng, con phải là người liệt, câm và điếc đi, như thế, mới mong thoát khỏi được. Chỉ rõ phương-pháp cho hoàng-tử, rồi vị thiên nữ liền biến mất. Hoàng-tử rất vui mừng. Khi nhận được lời giáo-huấn của vị thiên nữ, Ngai bèn thực-hành y theo lời dạy, cho đến ngày ra khỏi đền vàng.

Từ đó, hoàng-tử không cử-dộng, không khóc la, kẻ nào kêu gọi, trêu-chọc, Ngai tỏ ra như không hay, biết. Vì thế, các nhũ-mẫu lấy làm lo sợ, buồn rầu, bèn tâu vội hoàng-hậu. Hoàng-hậu khám xét rõ tự sự rồi tâu lên đức vua. Vua cho ngự-y đến khám, tìm không ra căn bệnh của hoàng-tử. Ai ai, cũng lấy làm ngạc-



nhiên. Đến giờ ăn, các nhũ-mẫu cho hoàng-tử dùng như thường, nhưng Ngài không cử-động, la khóc, như đáng-diệu người tê-liệt, cảm điếc. Không hiểu vì sao lại như thế ? Do đó, mới bày ra 17 cách thử-thách là : thử bằng sữa, bánh, trái cây, đồ chơi, thực-phẩm, lửa, voi, rắn, diễn-kịch, múa dao, tiếng tù-và, tiếng trống, đèn, ruồi, nước tiểu và phân, than lửa, thanh - nữ theo thứ-tự của mỗi cách.

1) — CÁCH THỬ BẰNG SỮA. — Không cho Hoàng-tử bú, để xem Ngài có phải liệt, cảm, điếc thật chăng ? Nếu không, Ngài phải la khóc trong khi đói-khát.

Nhưng, lúc đói nhiều, Hoàng-tử có trí-nhớ tự-hóa rằng : « Này TEMIYA ! sự đói này không bằng thuở người bị hình phạt đói khổ trong địa-ngục đồng sôi dầu. Nếu người bất thường, làm cho thất nguyện mà cử-động, la, khóc, người sẽ không thoát khỏi ngôi vàng, là nhân gây nhiều tội ác, rồi phải sa địa-ngục nữa ». Được tự khuyên mình như thế, Ngài nhẫn-nại với sự đói khổ, rồi nằm yên.

2) — CÁCH THỬ BẰNG BÁNH. — Các nhũ-mẫu để Hoàng-tử nằm trên long - sàng, xung-quanh có những đồng nam ; rồi đem bánh trưng bày trước mặt gần Hoàng-tử, cho các trẻ con dành nhau ăn, để rình xem Hoàng-tử có tranh lấy bánh chăng. Nhưng không thấy Ngài động-đậy.

3) — CÁCH THỬ BẰNG TRÁI CÂY. — Thừa lúc Hoàng-tử đói, dùng trái cây để trước mặt Ngài, cho trẻ



con tranh nhau như trước. Hoàng-tử cũng vẫn an-tĩnh, tự nhiên.

4) — CÁCH THỬ BẰNG ĐỒ CHƠI. — Thông thường trẻ con thích đồ chơi (voi, ngựa, xe v.v.) Một hôm, các nhũ-mẫu đem các vật chơi như : xe, ngựa, voi đến dâng cho Hoàng-tử, để xem cử-chỉ của Ngài, song cũng vô-ích.

5) — CÁCH THỬ BẰNG THỰC-PHẨM. — Để quá giờ ăn, đem thực-phẩm cho các trẻ con ăn trước mặt Hoàng-tử, mà chẳng thấy Ngài đòi hỏi chi cả.

6) — CÁCH THỬ BẰNG LỬA — Hoàng-tử đã lên 5 tuổi, các nhũ-mẫu bồng Ngài để nằm giữa đám trẻ đang chơi đùa. Bỗng nhiên, họ đốt lá cây, lửa cháy xung-quanh làm cho các trẻ em sợ, la hoảng chạy trốn. Nhưng Hoàng-tử vẫn im-lặng.

7) — CÁCH THỬ BẰNG VOI. — Các nhũ-mẫu ẩm Hoàng-tử để nằm nơi đồng trống, có cả trẻ nhỏ tùy-tùng chơi tại đó. Đoạn, họ thả voi chạy ngay lại chỗ Hoàng-tử, các trẻ kinh-hãi kiếm đường lánh nạn ; mà Hoàng-tử làm như không hay, biết chi cả.

8) — CÁCH THỬ BẰNG RẮN. — Vua cho người đem rắn cuốn khoanh dẫn thân Hoàng-tử. Rắn cũng không đủ làm cho Ngài lo sợ chi cả.

9) — CÁCH THỬ BẰNG KỊCH VUI. — Vua cho bọn hát múa đến diễn-kịch, có cả trẻ nhỏ tùy-tùng cùng xem. Đến lúc giễu-cợt, các nhi-đồng vỗ tay, reo cười cổ trêu ghẹo Hoàng-tử, mà Ngài vẫn bất-động.



10)— CÁCH THỬ BẰNG DAO.— Hoàng-tử lên 9 tuổi ; Vua cho đao-phủ múa gươm vào ngay Hoàng-tử, dường như muốn sát hại Ngài, để xem cử-chỉ của Ngài, nhưng vô hiệu quả.

11)— CÁCH THỬ BẰNG TIẾNG TÙ-VÀ. Vua cho bồng Hoàng tử đề ngồi giữa đám đông. Thành-linh, họ đồng thời tù-và một lượt nghe rất rùng-rợn, để xem coi Hoàng-tử có thật diếc chẳng ?

Lệ thường, khi chúng ta ngồi hoặc nằm, mà ngẫu-nhiên nghe tiếng vang động, thì giựt mình hoảng hốt. Song, Hoàng-tử làm như chẳng nghe chi cả.

12)— CÁCH THỬ BẰNG TRỐNG.— Thừa lúc Hoàng-tử đang yên giấc, vua cho đánh trống vang rền, rất huyền-náo. Nhưng, Hoàng-tử vẫn nằm im.

13)— CÁCH THỬ BẰNG ĐÈN.— Hoàng-tử lên 12 tuổi. Vua cho đem đèn rất nhiều đề xung-quanh giường của Hoàng tử, rồi đồng thời đốt lên sáng lòà ; đoạn từ-từ họ cho đèn cháy lu xuống đều nhau, sau cùng tắt hết, chỉ chừa một ngọn đèn to, vặn tim lên cho cháy thật sáng, để xem cử-chỉ của Hoàng-tử, coi Ngài có liếc xem chẳng ?

Lệ thường ta có thái-độ bất thường trước nghịch cảnh, song Hoàng-tử không động-dậy chi cả.

14)— CÁCH THỬ BẰNG RUỒI.— Hoàng-tử lên 13 tuổi. Vua cho thị-vệ lấy nước mía thoa vào khắp thân-thể Hoàng-tử, rồi bồng Ngài đem đề chỗ trống cho ruồi bu nút.



Hoàng-tử vẫn chiến-thắng với sự khổ, không chút than-phiền.

15)— CÁCH THỬ BẰNG NƯỚC TIỂU VÀ PHẦN.—  
Trải qua 2 ngày, Hoàng-tử đại, tiểu tiện không ai tắm rửa  
Trước cảnh bẩn thỉu, hôi thúi như thế, nhưng Hoàng-tử  
không chút than phiền.

16)— CÁCH THỬ BẰNG LỬA.— Vua cho đem  
than lửa, để chung quanh gần mình Hoàng-tử. Theo  
người thường không ai chịu nổi, mà ngài vẫn điềm-nhiên.

17)— CÁCH THỬ BẰNG THANH-NỮ.— Hoàng-  
tử lên 16 tuổi. Vua cho các công-chúa, tiểu-thư trang-  
điểm, xinh-lịch vào kêu-gọi tình ái của Hoàng-tử. Hoàng  
tử vẫn bất-động. Đây là cách thử cuối cùng của vua cha,

Sau khi đã thi-hành 17 cách thử-thách, làm cho  
Đức vua cùng triều-thần đều hết phương-kế, đồng cho  
Hoàng-tử là liệt, câm, điếc thật, là kẻ bất hạnh không  
nên dưỡng-sinh (1) trong đền nữa. Vua cha định cho  
người đem đi hạ-sát, mặc dù Hoàng-hậu hết sức khẩn-  
cầu, cũng không chuẩn cho. Vua bèn truyền đao-phủ  
đem Hoàng-tử lên xe, ra cửa tây thành đưa vào rừng  
chôn sống. Vào đến rừng bọn đao-phủ ngừng xe, đào hầm  
để chôn sống Hoàng-tử.

Trong khi ấy, Hoàng-tử thấy là dịp may được lìa  
khỏi ngôi vàng mà từ lâu Ngài đã mong muốn. Ngài nghĩ  
rằng : « Đây là cơ-hội thuận-tiện và cũng vừa lúc cho  
ta bày tỏ sự thật. Vừa nhận xét như thế, Ngài liền  
duỗi tay, chân để thử sức mình. Thấy rằng có đủ lực-  
lượng như thường, Ngài bèn xuống, nắm gọng xe đưa  
lên khỏi đầu quay nghe vụt-vụt.

(1) nuôi giữ sức-khỏe



Lúc đó, bọn đao-phủ xem thấy kinh hồn, cho là phi-thường, họ đến quì trước Hoàng-tử mà tạ tội, rồi phi báo cho Vua và Hoàng-hậu hay. Vua cùng triều thần đồng ngự đến nơi, thỉnh cầu Hoàng-tử trở về kế-vị Vua cha. Hoàng-tử từ tạ và tâu cho Vua cha rõ nguyên-nhân mà Ngài phải nhẫn-nhục với những thử-thách đến 16 năm. Ngài mong thoát-ly đế-vị, để được xuất-gia và xin Vua cha cho phép tu đạo-sĩ. Thấu rõ nguồn-cơ về chí-nguyện cao cả của Hoàng-tử, Vua cha không thể ép-uòng và bắt đắ-dĩ phải phê-chuẩn.

Chẳng bao lâu, nhờ sự tinh-tấn tu hành, đức Bồ-tát tham-thiền đắ-định phi-thường. Ngài hiện thần-thông, biến hóa cho mọi người thấy và thuyết về tội ngũ-dục, khiến cho quần thần nhất là Vua cha và mẫu-hậu của Ngài đều phát tâm hoan-hỉ trong sạch xin xuất-gia tu theo rất đông.

Khi mệnh chung Ngài được sanh lên cõi Phạm-thiên. Những người đã tu theo giáo-pháp của Ngài cũng đều tùy định-lực mà được sanh lên cõi Dục-giới và Sắc-giới cả.

Khi chúng ta được xem truyện TEMIYA Bồ-tát đã giải tóm-tắt, quý đọc-giả nên tự hỏi mình rằng : « Sự hành động của TEMIYA Bồ-tát có chi là quan-trọng hay cao-thượng chẳng ? ». Nếu chỉ xem sơ-thiểu thì quý-vị chỉ nghĩ rằng Bồ-tát TEMIYA vì quá mong được xuất-gia, nên mới rần chịu bao thử-thách đến 16 năm ; có khi cũng dám chê-trách Ngài sao quá nông-nổi.



Quý vị nào có nhiều duyên lành mong sự giải-thoát, xem rồi thăm-sát mới thấy rõ chân-lý mà phát tâm trong sạch. Vì sự-tích của TEMIYA Bồ-tát có đầy đủ 4 trình-độ pháp và 6 khuynh-hướng pháp, phân tích như sau :

— Đức TEMIYA Bồ-tát cam-tâm chịu với bao thử-thách trọn 16 năm trường (thuộc về trình-độ pháp thứ nhất «có nghị-lực».)

— Đức TEMIYA Bồ-tát quán-tưởng thấy tội khổ trong địa-ngục và đê-vị là nguyên-nhân cầu-thả, có thể gây nghiệp-ác to-tát. Ngài chán-nản, ghê sợ, ngôi vua sẽ đến cho Ngài, ví như người ghê-tởm vật ô-trược. Ngài quá sợ địa-ngục hơn các cách thử-thách mà vua cha đã ban-hành đối với Ngài (thuộc trình-độ pháp thứ nhì «có nhiều trí-tuệ»).

— Đức TEMIYA Bồ-tát, từ khi được nghe vị thiên-nữ khuyên phải nên Ngài quyết-chỉ làm người liệt, câm, điếc cam-chịu với các thử-thách cho đến khi ra khỏi đèn vàng, được như ý nguyện, dù là phải nhẫn-nhục đến 16 năm (trình-độ pháp thứ ba «quyết định kiên-cố» ).

— Đức TEMIYA Bồ-tát cam chịu nhiều điều cực-nhọc với chí xuất-gia. Ngài tinh-tấn tu chứng bát-thiền và hướng-dẫn phần đông, nhất là Vua cha và mẹ Ngài cũng xuất-gia theo giáo-pháp của Ngài. Tất cả Đạo-sĩ hành.



đạo theo Ngài, từ thấp lên cao đều được sanh lên cõi trời (thuộc về trình-độ pháp thứ 4 «chỉ làm những điều lợi-ích».)

— Nói về bām-tính của TEMIYA Bō-tát, chúng ta thấy rằng Ngài «khuyñh-hướng không tham». Như lúc họ bỏ, không cho Ngài thọ-thực, trọn 1, 2 ngày, mà Ngài vẫn điềm-nhiên, không cử-động. Chỉ cho ta thấy rằng Ngài có khuyñh-hướng không tham ăn, nhất là không tham ngôi-vàng, thật là một bậc phi-thương vậy. Những điềm áp cũng chưa cực-kỳ quan-trọng hơn là cách thử cuối cùng là Vua cho đem các thanh-nữ trang-điềm xinh đẹp, toàn là con dòng vua, quan trong triều, đến kêu-gọi tình-ái, mà Ngài vẫn lãnh-đạm. Ngài rất sợ về tình trường (1). Điều này chứng tỏ rằng Ngài có khuyñh-hướng không tham trong xúc-thực-phām (PHASSĀHĀRA) tức là vật ăn mê-mẩn tinh-thần của phām-nhơn.

Đây chỉ cho ta thấy rằng : Xác-định Bō-tát hằng «khuyñh-hướng không tham» dù là đối với thực-phām và ngũ-dục.

— Đức Xác-định Bō-tát hằng «khuyñh-hướng không sân» là đối với các cách thử-thách. Nếu kẻ khác bị bỏ không cho ăn 1, 2 ngày thì phát sân, kêu la, than-khóc là thường

---

(1) cuộc ái-tình trai gái



tình ; hoặc có người đem nước mía thoa khắp mình, bỏ cho ruồi bu nút, thử hỏi mình có chịu được chăng ?

Đây là đức tính phi-thường của Xác-định Bồ-tát

— Đức Xác-định Bồ-tát có « khuynh-hướng không si » Với sự khích động tình-ái của thanh-nữ, Ngài chẳng mản và cũng không ưa-thích lời thỉnh-cầu của Vua cha để trở về, lên ngôi cửu-ngũ tại BĀRĀNASĪ. Ngài không thất-nguyện, vẫn cố-gắng chịu bao gian-lao thử-thách trọn 16 năm, cho đến khi được xuất-gia hành đạo.

— Đức Xác-định Bồ-tát, hằng « khuynh-hướng xuất-gia » bởi ngũ-dục là nhân-sanh tội lỗi, nhiều khổ hơn vui, là những điểm ám-ảnh người đời phải chìm đắm trong bể khổ.

-- Đức Xác-định Bồ-tát, hằng « khuynh-hướng an-tĩnh ». Là người hoan-hỉ cho đao-phủ chở Ngài vào rừng để chôn sống. Ngài không vừa lòng ở chốn huyên-náo, ồn-ào, rất trở ngại cho Ngài tu chứng bát-thiền được. Cần phải ngụ trong nơi thanh vắng, mới có thể làm được những điều thanh-cao mau chóng và hướng-dẫn kẻ khác làm điều lợi-ích được dễ-dàng. Đây là đức tính phi-thường của Xác-định Bồ-tát.

Sự an-tĩnh có 2, là :



a) An-tĩnh bên ngoài : Là lánh xa náo-nhiệt;

b) An-tĩnh bên trong : Là yên-lặng phiền-não

Đức Xác-định Bồ-tát, hằng «khuyñh-hướng thoát-ly» để quyền, xuất-gia tu đạo-sĩ.

Ngài cố gắng thực-hành Chánh-pháp, từ bỏ những vui-thích thế-sự, mộng-ảo, vô-thường bằng pháp thiên-định, ấy là chỉ hướng phi-thường của Xác-định Bồ-tát.

Chữ Xác-định Bồ-tát, cũng như TEMIYA Bồ-tát, đều phải luôn luôn hành 30 pháp Ba-la-mật, 4 trình-độ pháp và 6 khuyñh-hướng pháp. Những pháp ấy hằng in-sâu vào tâm-não của các Ngài.

Truyện TEMIYA Bồ-tát, đã diễn-giải tóm-tắt trên đây, chỉ cho ta thấy rằng : Chữ Xác-định Bồ-tát hay có tâm quả-quyết trong sự xuất-gia. Dù là một việc phước thiện nào, các Ngài cũng nhất-định thực-hành đầy đủ 4 trình-độ, là : nghị-lực, trí-tuệ, quyết-định, chỉ làm những lợi-ích đến mình và cho kẻ khác. Khi làm một việc gì, các Ngài hằng dùng trí-tuệ trước tiên, để tìm xét theo nhân-quả, thấy rõ có hiệu-nghiệm, mới quyết-định kiên-cố thực-hành cho đến khi mãn-nguyện.

Hơn nữa ; các Ngài có đủ pháp khuyñh - hướng không tham ; không sân ; không si ; xuất - gia tìm nơi an-tĩnh và thoát-tục ; không say đắm trong bả lợi-danh của cuộc đời mộng-ảo, cố công tu luyện cho đến khi chứng quả Phật.

Quan-sát cho tỉ-mỉ, ta thấy rằng : Xác-định Bồ-tát là



bậc xuất chúng xứng đáng với lời mà đức SIDDHATTHA tuyên-bổ trong lúc Ngài đản-sanh rằng :

AGGOHAMASMI SETTHO

AGGOHAMASMI JETTHO

AGGOHAMASMI ANUTTARO

AYAMANTI MĀ JĀTI-NATTHI DĀMI

PUNABBHAVO

Ta là bậc cao nhất trên đời

Ta là người quý nhất trên đời

Ta là bậc chí tôn trên đời

Sự sinh ra của ta kiếp này ; là kiếp cuối cùng

Nay ta chẳng còn sinh nữa

SATTHĀ IMAM DHAMMADESANAM ĀHARITVĀ :

Đức Thế-tôn thuyết xong, gọi chư-tăng mà rằng :

BHIKKHAVE : Này các thầy ! chẳng phải Như-lai chỉ từ bỏ ngôi vàng trong kiếp này đâu ; kiếp sanh ra làm TEMIYA, Như-lai cũng bỏ để-vị vậy.

SAMODHĀNESU Ngài họp các tiền kiếp lại rằng :

BHIKKHAVE : này các thầy ! DEVADHITĀ : nàng thiên-nữ khuyên hỏi ta đó, sau là Tỳ-khuru-ni UPALAVANNA-THERĪ ; SARATHĪ : Xa-phu sau là Xá-lợi-Phất tỳ-khuru ; SAKKO : trời Đế-thích sau là A-nậu-lưu-Đà tỳ-khuru ; MĀ-TĀPITARO : cha mẹ của ta sau là Tịnh-phạm-Vương và MAYĀ hoàng-hậu. SESAPARISA những bộ-hạ tùy tùng, sau toàn là hàng Phật - tử . TEMIYA PANDITO : bậc hiền - minh TEMIYA sau là (ĀHAMEVA) Như-lai vậy.

DỨT TÍCH BỒ-TÁT TEMIYA TU HÀNH XUẤT-GIA



MAHĀJANAKA JATAKA  
TRUYỆN MAHĀJANAKA  
BỒ-TÁT TU HẠNH TINH-TẤN BA-LA-MẬT

ATITE KĀLE : Trong thuở quá-khứ có một vị Hoàng đế danh là MAHĀJANAKA, trong kinh-đô MITHILĀ. TASSA RANNO DEVAPUTTA : Đức Hoàng-đế đó có 2 Hoàng-tử là : ARIKHAJANA và POJANA. Vua cha phong con trưởng (ARIKHAJANA) làm đông-cung, con thứ (POJANA) làm Đại-tướng.

Không bao lâu Hoàng-đế thăng-hà, đông-cung lên kế-vị, rồi phong cho em POJANA làm thứ-vương.

Vì vua quá tin lời sàm-tấu của nịnh-thần, nên bắt em là thứ-vương hạ ngục. Sau thứ-vương vượt ngục trốn khỏi, chiêu-binh mãi-mãi (1) trở về tranh ngôi báu, giết được vua anh (ARIKHAJANA) rồi đoạt-vị.

Hoàng-hậu của vua ARIKHAJANA ; khi hay tin chồng tử-trận, bà bèn tìm đường tẩu-thoát. Lúc đó, nhờ đức Bồ-tát vào thọ sanh trong thai bào ; nên khiến trời Đế-thích hiện xuống, giả làm xa-phu thỉnh Hoàng-hậu lên xe, đưa bà đến kinh-đô KĀLACAMPAKA tỵ-nạn, rồi từ-biệt biến mất. Hoàng-hậu tìm chỗ an-nghỉ, nường-nấu trong một phước-xá. Khi ấy có một vị Bà-la-môn trú danh, giáo-sư (DĪSĀPAMOKKHA) trong thành KĀLACAMPAKA dẫn 500 đồ-đệ đi tắm, thấy Hoàng-hậu liền phát tâm thương hại như em ruột (do phước báu

---

(1) Một binh tập ngựa



của đức Bồ-tát trong thai bào) nhìn làm em gái, rồi đem về cho vợ chăm-nom như em ruột.

Không bao lâu, Hoàng-hậu sanh được một Hoàng-nam diện-mạo khôi ngô, xinh đẹp, màu da như vàng, đặt tên là MAHĀJANAKA. Lớn lên đùa giỡn với trẻ con, Bồ-tát có nhiều sức mạnh nên lũ trẻ rất kiên nể. Bữa nọ, vì bất-bình, Bồ-tát đánh bọn trẻ chạy, chúng mách cha mẹ chúng hay, rồi chỉ Bồ-tát mà rằng : « Đấy, nó là đứa không cha ». Bồ-tát nghe qua lòng chẳng yên, về hỏi mẹ : Cha con đâu ? Hỏi nhiều lần Hoàng-hậu khó giấu được, nên nói rõ tự-sự.

Từ đó, Bồ-tát an lòng thủ-phận, trầm-tu suy-nghĩ. Lên 16 tuổi, Ngài rất thông-minh, trong 500 đồ-đệ của vị trú-danh giáo-sư chẳng ai sánh bằng.

Một hôm, Bồ-tát MAHĀJANAKA hỏi : Mẹ có vật chi quý giá chăng ?

— Hoàng-hậu đáp : Khi ra khỏi thành, mẹ có đem theo nhiều báu vật để làm của cho con.

— Bồ-tát xin phân nửa dùng làm vốn buôn bán lấy lời, với mục-đích là chiêu-binh mái-mã trở về phục-nghiệp.

Ngài xin phép mẫu-hậu, xuống thuyền qua biển về kinh-đô MITHILĀ (xứ phụ vương của Ngài đã trị-vì) không may, thuyền ra biển đến ngày thứ 7, bị trận bão to phải chìm. Lúc bấy giờ, các thủy-thủ sợ chết, khóc la, khẩn cầu ông này bà nọ bảo hộ. Trái lại, Bồ-tát tìm thực-phẩm độ cho họ, rồi lấy y-phục nhúng dầu, mặc vào, xong, leo lên cột buồm, nhảy ra xa khỏi bầy cá đang ăn các



thủy-thủ. Ngài lịm mải như thế, đến ngày thứ 7, thấy trăng tròn, biết là rằm, Ngài bèn dùng nước mặn súc miệng rồi nguyện thọ trì Bát-quan-trai và không quên sự cố-găng. Trong kiếp ngài là Bồ-tát MAHĀJANAKA này, gọi là Bồ-tát tu hạnh tinh-tấn đến bờ kia (VIRIYA PĀRAMĪ).

Thuở đó, có một nàng thiên-nữ tên là MANĪMEKHALĀ lãnh trách-nhiệm cứu vớt nạn nhân trong biển, song nàng mắc đi dự hội với các thiên-nữ nên không hay biết (do tiền nghiệp của Bồ-tát). Đến ngày thứ 7 thiên-nữ mới rõ có Bồ-tát mắc nạn trong biển đã 7 ngày. Nàng liền bay đến ngay trên chỗ Bồ-tát đang lịm, rồi cất tiếng gọi: Người thanh-niên này! vì sao ngươi đến chịu chết trong biển to như vậy?

— Bồ-tát nghĩ rằng đây chắc là thiên-nữ đến cứu ta, rồi đáp: Mẹ ôi! xin mẹ từ-bi ra ơn cứu độ con với!

— Nàng thiên-nữ nghe những lời khẩn-cầu như thế rất cảm-động, liền hỏi tiếp: Do nguyên-nhân nào, mà con phải lâm-nạn trong biển này?

— Vì tôi mong đi buôn lấy lời, để tìm dịp chiêu-binh mãi-mã về phục-hồi đế-nghiệp vua cha tôi. Ngài kể hết cho nàng thiên-nữ nghe.

— Thôi, con đừng lo ngại, mẹ đến đây để cứu con được đặc kỳ sở nguyện. Nàng vớt Bồ-tát, bay đến kinh-đô MITHILĀ, rồi trở về. Bồ-tát vào ngự-uyền của đức vua MITHILĀ nằm nghỉ mê mang, vì quá cực nhọc trọn 7 ngày đêm trong biển.

Thuở đó, đức vua trong thủ-đô MITHILĀ đã thắng



hà 7 ngày, mà chưa có người xứng đáng lên kế vị. Công-chúa SIVALĪ của vua thành tâm khẩn cầu người có trí-tuệ lên ngôi vàng, thay thế vua cha, thì nàng cũng hoan hỉ làm hoàng-hậu, để kế-thừa đế-nghiệp. Công-chúa cho đòi vị cố-vấn nào, cho ông biết ý-thức của nàng.

Vị cố-vấn bèn tâu : Để hạ thần cầu-khẩn chư-thiên, rồi cho xe rồng chạy vòng quanh kinh-thành MITHILĀ, long-xa ngừng ngay một nhân-vật nào, hạ-thần sẽ thỉnh vị ấy lên ngôi-báu trị-vì thiên-hạ.

— Công-chúa hoan-hỉ nhận lời.

Sáng ra, triều thần cho long-xa nhiều (1) 3 vòng thành, rồi ra cửa đông chạy về hướng ngự-uyền. Xe chạy rất nhanh, không ai theo kịp. Vị cố vấn ra lệnh, không cho chặn xe, dù xe chạy đến 100 do-tuần (2) cũng được, chúng ta cứ theo sau. Xe chạy đến chỗ Bồ-tát nằm, quay 3 vòng rồi ngừng bên cạnh Bồ-tát, dường như mong thỉnh Ngài lên xe. Vị cố-vấn chạy đến, chờ các quan hội họp đông - đủ, bảo cùng nhau rằng : Vị nằm trên tảng đá có tướng-mạo đoan-trang, không biết có đáng lên ngôi-báu chẳng ? Nếu thật là người có trí-tuệ xứng-đáng với ngôi rồng, dù là nghe tiếng ngựa xe, tiếng trống, kèn cũng không vội ngồi dậy ; nếu thường nhân, thì giục mình chỗi dậy, xem bên này, ngó bên kia rồi chạy đi.

— Các người hãy đánh trống, thổi kèn mau lên, như thế mới thấy rõ là người có phước hay bất hạnh. Khi

---

(1) đi xoay quanh

(2) một do-tuần 16 cây số



đó, kẻ đánh trống, người thổi kèn một lượt nghe vang rền. Nghe trống kèn, Bồ-tát ngồi dậy xem thấy đám người, đoán biết ngôi vàng đã đến ; Ngài bình tĩnh nằm trở lại như cũ, nằm nghiêng bên mặt. Vị cố-vấn lại gần quan-sát 2 chân của Bồ-tát rồi tâu rằng : « Thật là bậc quý nhân, thỉnh Ngài ngồi dậy, ngôi trời đã đến cho Ngài rồi ».

— Bồ-tát hỏi : Chúa của các người đi đâu ?

— Tâu : Hoàng-thượng của chúng tôi đã thắng-hà 7 ngày.

— Đức Hoàng-tử, thứ-vương của đức vua không có sao ?

— Tâu : Không. Chỉ có một công-chúa mà thôi.

Bồ - tát ngồi dậy và nhận lời cầu-thỉnh. Triều-thần đồng đến làm lễ, mặc long-bào cho Ngài theo lễ tôn-vương, xong, thỉnh Ngài ngự lên long - xa, hộ - giá về thành MITHILĀ, thống trị quốc dân hiệu là MAHĀJANAKA Hoàng-đế. Ngài phán rằng : « Tất cả triều-thần, trước ở trước vị nào, nay giữ như cũ ».

Khi công-chúa nghe vua ngự vào cung nội, bèn sai hoạn-quan đến thỉnh vua, thử coi Ngài có trí-tuệ thế nào.

Hoạn - quan tâu rằng : « Công-chúa thỉnh hoàng-thượng vào lập tức ». Đức vua nghe cũng tự-nhiên, như không nghe biết, rồi tỏ lời rằng : « Tòa lầu này đẹp ». Hoạn-quan không biết làm cách nào cho vua nghe lời tâu của mình được, rồi trở vào tâu với công-chúa : « Những lời mà lệnh bà dạy, hạ thần đến tâu, vua không



đề ý đến ». Công-chúa nghe qua hiểu rằng, đây là bậc đại phước. Công-chúa sai hoạn quan đi tâu với đức vua 2, 3 lần như thế. Đức vua cũng vẫn lãnh-đạm như trước, Ngài từ từ bước đi như thường, uy-phong lẫm liệt, khác nào như chúa sơn lâm. Công-chúa xem thấy lấy làm kính-phục, không dám chường mặt để được gặp Ngài và rất kính sợ. Nàng chỉ dám đưa tay lên làm dấu hiệu cho đức Bồ-tát dừng chân.

Khi lên ngôi vàng, đức vua dạy cất các phước-xá tại các cửa thành cho Ngài bố-thí mỗi ngày, có trữ đủ các vật-dụng cho những kẻ bệnh tật, nghèo nàn đói khổ.

Đức Bồ-tát không quên cho triều-thần đi rước mẹ và vị trú-danh giáo-sur tại xứ KĀLACAMPAKA, về đền dâng đủ báu vật để báo hiếu và đền đáp ơn dày của vị giáo-sur.

Từ ngày lên ngôi thống-trị trong nước, Bồ-tát ban-bố phóng-thích tội nhân, chiêu-an bá tánh, chần-bần dân nghèo. Quốc-dân hằng được an-cư lạc-nghiệp. Thật là đời thái-bình thịnh-trị.

Thuở đó, Bồ-tát là dòng-dối của chư Phật, thấy dân gian an-hòa, Ngài nhớ đến lúc bị nạn 7 ngày trong biển, Ngài phát tâm hoan hỉ, phỉ lạc, tuyên bố rằng :

ĀSINSATTHEVA PURISO NA BANDEYYA  
PANDITO PASSĀMIROHAM ATTĀNAM...

« Người có trí-tuệ hay cố-gắng trong mọi phương-diện. Sự tinh-tấn là một đức-tánh thanh-cao, đem đến nhiều lợi-ích cho mình và cho kẻ khác ».



Ta đã được thấy rõ điều đó trong lúc ấy rồi. Những người lười biếng đi cùng ta, đã phải làm mồi cho cá. Còn ta nhờ sự tinh-tấn, không để đuôi, lội đến 7 ngày, gặp được nàng thiên-nữ MANIMEKHALĀ cứu-độ đến kinh-đô MITHILĀ. Do đó, bậc trí-tuệ, dù gặp phải khổ thân-tâm đến đâu, cũng không bỏ sự tinh-tấn, hãy đạt đến hạnh-phúc tối cao, mới vừa với danh hiệu là bậc trí-tuệ. Sanh ra có ngũ-uẩn, trong vòng sanh-tử luân-hồi, có hạng được vui, kẻ lại chịu khổ, người được giàu sang mà vui, kẻ nhiều của cải mà khổ cũng có, vì bị tử-thần giết hại, như 700 thủy-thủ đi cùng ta.

Hơn nữa, chẳng phải người muốn chỉ được nấy, mong vật này lại được món khác, có lúc không cầu mà được. Như ta, nào ngờ hôm nay mà được ngôi-báu như vậy, cũng do sự tinh-tấn của ta vậy.

Khi lên ngai vàng, Bồ-tát tinh-tấn thực-hành 10 pháp vương (1) (DASA DHAMMARĀJA) bổ-thí, trì-giới trong sạch. Ngày nọ, đến mùa trái cây, quan giữ ngự-uyển đem dâng các thứ quả và hoa thơm, Ngài bèn dạy dọn dẹp ngự-uyển, để Ngài đi ngoạn cảnh. Đến ngự-uyển, Bồ-tát thấy xoài chín mong được dùng. Nơi đây có một cây có trái và một cây không trái. Quan giữ ngự-uyển bẻ xoài chín dâng đến đức Bồ-tát. Đức thứ-vương «DĪGHĀVU KUMĀRA» (con Ngài) và các quan thấy thế, họ tranh nhau bẻ ăn, làm cho cây xoài có trái trở nên trơ-trụi. Sau khi ngắm cảnh vật ngự-uyển xong, Bồ-tát trở về

---

(1) pháp dành cho vua.



ngang qua cây xoài có trái chín lúc nấy, bây giờ rụng lá, gãy nhành, còn cây không trái vẫn sum-sê tươi tốt.

Đức Bồ-tát hỏi : Vì nhân nào mà trong 2 cây xoài, một cây trơ-trụi, còn một cây thì cành lá xanh tươi ?

— Các quan tâu : Cây xoài có trái, sau khi Hoàng-thượng đã thọ trái rồi, quan quân đồng nhau tranh-giành hái bẻ, nên phải bị trụi-lụi, cây kia không trái nên còn nguyên.

Được nghe như thế, Bồ-tát bèn than rằng : « Ôi ! cây xoài có trái khác chi sự nghiệp đế-vương. Ta ngồi trên ngai vàng, cũng như cây xoài có trái, biết bao kẻ nghịch đã chực sẵn giết hại ta. Nếu ta muốn khỏi người thù oán, thì nên xuất-gia tìm đạo, mới được an nhàn như cây xoài không trái, nhành lá vẫn xanh tươi.

Xét vậy, đức Bồ-tát liền cho đòi quan đại-thần vào, rồi phán rằng : Từ nay, chỉ cho một người, mỗi bữa đem thực-phẩm, nước dùng và tắm rửa răng cho trăm mà thôi ; về việc triều-chính, các người đảm-đương như cũ. Chẳng nên cho ai vào chầu ta, vì ta định tu hành».

Đáng thương-xót cho triều - thần lẫn dân - gian, không được gần thiên-nhan, họ than-van hoài-cảm. Họ đồng nhau hỏi thăm người dâng cơm cho Bồ-tát mỗi ngày, có thấy Ngài nói lời chi chẳng ?

— Quan hầu đáp : « Phần nhiều chỉ thấy Ngài nín thinh».

Đôi khi Ngài nhớ đến đức Độc-giác là một vị Sa-môn ngụ trong lâm-sơn thanh-vắng, mới là hạnh-phước cao-thượng. Các Ngài không còn



bạn lòng lo đến thể-sự ảo-huyền, cũng không bị phiền-não cuống-lô trong đường tội-lỗi. Các Ngài chỉ tham-thiền, quán-tưởng...

Ôi ! tôi xin hết lòng thành kính lễ-bái các Ngài.

Ngẫm nghĩ đến cuộc đời vô thường, thật là đáng chán.

Ôi ! bao giờ ta mới được xuất-gia, ra khỏi đèn vàng, vào tu trong non tuyết-lãnh, cho tâm-thần được an-tĩnh.

Ôi ! bao giờ ta mới thoát-lý ngôi-rồng các-tía, quan quân, Bà-la-môn, cung-phỉ mỹ-nữ, họ làm cho ta phải bận lòng mệt trí. Bao giờ sự đi đứng, đó, đây một mình, không người ràng buộc sẽ được kết-quả đến ta !

Ôi ! giờ nào ta mới được xuất-gia, cạo tóc, mặc y cà-sa, mang bát, đi khất-thực tự-do theo ý-chí ta !

Ôi ! bao giờ ta được đi trì-bình khất-thực trong mùa mưa liên-tiếp 7 ngày, dù y bị ướt, ta cũng không quên đi khất-thực !

Ôi ! khi nào ta mới có sự tri-túc, không thương-tiếc sự-vật ; lìa cây này, đến bóng cây khác, ra khỏi rừng kia, sang rừng nọ ; từ thạch động này tìm đến hang đá khác, chỉ trải đi một mình, không còn lo-sợ chi cả ! Dù ngũ-dục



hoặc cuộc giàu-sang đến đâu ta cũng chẳng màn !

Đức Bồ-tát ngự trong cung cấm tu-hành được 4 tháng như vậy. Một hôm, Ngài dạy quân-hầu đến chợ mua y cà-sa và bình-bát đem về dâng Ngài, đừng cho một ai hay biết. Ngài mặc y, mang bát lấy làm thỏa-thích và tuyên-ngôn rằng : « AHO SUKHAM PARĀMAM SUKHAM ». « Sự xuất-gia này là hạnh-phúc thực, hạnh-phúc cao-thượng thật ». Trọn đêm mặc y Cà-sa, đến sáng sớm Ngài ngự ra khỏi thành ».

Hoàng-hậu SĪVALĪ, vì quá thương nhớ vua, liền cho đòi cả 700 phi-tần, dạy phải trang-diễm xinh-đẹp, để vào hầu vua sáng mai này. Các nàng ráng làm thế nào, để cám-dỗ đức vua ở trong đời. Sáng ra, Hoàng-hậu và các phi-tần đồng nhau vào thành-nội ; đang lên thì đức Bồ-tát ngự xuống. Thấy mặc y, mang bát, tưởng là đức Độc-giác đến dạy đạo, nên các bà không để ý. Khi lên tận tầng trên, thấy tóc cạo bỏ đó và long-bào, ngọc-báu cỗi để tại long-sàng, mới rõ khi này không phải là đức Độc-giác, mà là đức vua. Hoàng-hậu cùng cung-phi lập-tức chạy theo, để nài-nỉ, cầu-khẩn Bồ-tát trở lại. Thương thay ! Hoàng-hậu cùng cung-phi theo sau khóc than rằng : « Hoàng-thượng ôi ! Ngài nở nào đành bỏ chúng tôi, không nơi nương tựa, không còn ai dạy bảo lẽ phải lời ngay, hết lòng thương-xót, cứu-vớt như Hoàng-thượng ! Muôn tâu Hoàng-thượng ! khẩn lạy Ngài trở về cùng chúng tôi, tội-nghiệp. Nếu mất Ngài chúng tôi không an-thân được ! Khóc than, kể lẽ làm ớn ào não-dộng cả



xứ. Chúng dân hay rõ câu chuyện, cũng đều cảm-động khóc theo các cung-phi Hoàng-hậu và các cung-phi theo kịp vua, đồng quì lạy khẩn-cầu, than khóc trước mặt Ngài « Xin Hoàng-thượng trở lại » Nhưng, đức Bồ-tát không đáp, cũng không ngó đến ai, vẫn tiến-hành tự nhiên.

Hoàng-hậu nghĩ ra kế, bảo các quan trở về cho quân gom cỏ khô, vật cũ, đốt cháy tung bùng trong đền, rồi kêu la cầu-cứu rằng : « Đền vua bị cháy ». Hoàng-hậu từng dịp ấy, quỳ tâu rằng : « Tâu Hoàng-thượng, xin Ngài nhìn xem, lửa cháy đỏ trời tại hoàng-cung. Cầu Hoàng-thượng từ-bi trở lại coi chữa lửa rồi sẽ ngự đi » Than van thế nào, Bồ-tát vẫn làm ngơ không đáp, không hỏi thăm, cũng không liếc xem. Thấy vậy, dân gian đồng chê trách Bồ-tát rằng : « Lửa cháy thành như thế, mà đức vua đành lãnh-đạm, không nghĩ tưởng thương-xót chúng-dân đau khổ ; dù Hoàng-thượng có ngự đi nơi nào chẳng nữa, cũng nên trở về chữa lửa rồi sẽ đi, cũng không trở-ngại ». Tiếng la khóc càng vang rền ; lửa cháy đến kho vàng, kho báu, kho lương-thực, mà đức-vua cũng không dừng bước. Triều-thần và dân-chúng đồng khẩn cầu, nhất là Hoàng-hậu và cung phi lẫn theo chơn, vật mình than khóc rất thảm-đạm rằng : « Xin Hoàng-thượng từ bi thương-xót, trở về cứu-độ chúng tôi ». Đức Bồ-tát rằng : YE TAN NO NATTHI KINCĀNAN...

« Người nào không có phiền não, không bị phiền-não.

« Dục và vật-dục chi phối, kẻ ấy sống được hạnh-phúc »

Như ta, không bận vì phiền-não, ta đây là người xuất gia, chẳng có chi là của-cải, dù thành nội kia bị cháy tiêu



tan, cũng chẳng can chi đến ta, chẳng có một vật gì là của ta bị cháy cả. Nói xong, Bồ-tát ra cửa Bắc rồi tiến hành.

Hoàng-hậu bèn bày kế : dạy các quan đục quân giã làm giặc đến cướp phá hoàng-cung, rồi cho quân phi-báo rằng : «Tâu Hoàng-thượng nay có quân cướp giết người, đoạt của rất nhiều ». Hoàng-hậu đến quỳ tâu : « Bây giờ, có nhiều kẻ cướp, suy-muru làm loạn, đoạt kho-tàng sát hại lương dân, lấy ngọc ngà châu báu, thành phố phải hư hại, nhân dân chịu nạn cướp bóc khổ sở vô cùng, Hoàng-thượng đành lòng nào sống một mình, mà để nhân-dân phải chịu khổ. Xin Hoàng-thượng mở lượng từ-bi thương-xót, trở về trừ bọn cướp trước, rồi sau sẽ ngự đi cũng chẳng muộn » Bồ - tát biết rõ là mưu-kế của Hoàng hậu, Ngài ngâm câu kệ rằng :

SUKHAM VAJAVĀPA YESAM NO NATTHI  
KINĀCANAM ...

«SĪVALĪ này ! người không bị phiền-não đục và vật-đục chi phối, người ấy hằng sống được an-vui »

Như hôm nay, ta không bận vì phiền-não, đá là kẻ xuất-gia vô tài sản, dù kẻ cướp đoạt hết thành MITHILĀ, cũng chẳng có một vật gì là của ta cả. Chúng cũng chẳng cướp được một vật gì của ta, bởi ta thường được phỉ-lạc, dùng phỉ-lạc làm thực-phẩm, như các vị Phạm-thiên no lòng nhờ phỉ-lạc. Chư phạm-thiên nhập-định và ở được an vui nhờ thiền-định, thế nào, ta cũng ở được an-vui như thế ấy. Bồ-tát giảng-giải thế nào, cũng không một



ai chịu bỏ Ngài, họ vẫn theo bèn gót, không ngừng nghỉ. Khỏi kinh đô lối 2000 thước, Bồ-tát muốn cho quần thần và Hoàng-hậu, cung-phi trở về, nên ngài lấy cây gạch một đường ngang qua con lộ làm dấu, xong, Ngài phán hỏi các quần thần : Đây là đất của ai ?

— Tâu, của Hoàng-thượng.

— Vậy, kẻ nào qua khỏi, hoặc làm mất dấu-hiệu này, trăm sẽ chịu theo luật-hình mà trị tội. Nghe như thế, không ai dám vượt qua khỏi, hay làm mất dấu gạch ấy. Mọi người thấy vậy, nhào lảng, khóc-than thảm-đậm tại nơi đây. Còn Hoàng-hậu không dám theo vì quá nể lệnh vua, nhưng lại sợ mất người đáng kính-mến, nên bà gieo mình, vật-vả khóc than, thật đáng thương hại. Vì quá quý mến, Hoàng-hậu không còn sợ chi, liền đứng dậy chạy riết theo đức Bồ-tát ; quần thần cho rằng Hoàng-hậu đã lấp mất dấu gạch rồi, nên đồng chạy theo sau. Bồ-tát nhắm hướng Bắc đi ngay vào núi tuyết-sơn. Hoàng-hậu dẫn đường quan quân đi theo Bồ-tát đến 20 do tuần.

Thuở đó, có một vị đạo-sĩ danh là NARADA đạo-sĩ, ngụ trong thạch-dộng tuyết-sơn ; khi xuất định đạo-sĩ tuyên-minh rằng : « Ôi ! thật là hạnh-phúc cao-thượng, hạnh-phúc thật ». Đạo sĩ nghĩ rằng : trong đời này ai có chí-hướng tìm hạnh-phúc như vậy chẳng ? Đạo-sĩ biết có đức Bồ-tát MAHĀJĀNĀKA là dòng-dối của bậc toàn-giác, đang xuất-gia tìm đạo thanh cao, nhưng khó làm cho Hoàng-hậu và đại-chúng trở về được, sợ Ngài thối-chuyển. Vậy, ta nên đến đó, giúp cho Ngài càng phát đức-tin trong



sạch. Vị đạo-sĩ bèn vận thần-thông bay đến, ngồi trên hư-không, trước mặt Bồ-tát, rồi thốt rằng :

KIM MAHESO MAHĀGHO SO KANUGĀMEVA  
KIRIYĀ

SAMANATANEVA PUCCHĀMI HATTHESO  
BHISATO JANOTI.

« Nầy thầy Samôn thọ trì phạm-hạnh pháp ! tôi xin  
« hỏi : do nhân chi mà đại-chúng theo dính người,  
« có cả tiếng ngựa, xe, rộn rục như cuộc đại-lễ trong kinh  
« thành ? Nầy thầy Samôn ! quần chúng theo hộ-vệ đến  
« đây là thế nào ? ».

— Bạch đạo-sĩ, Ngài đã rõ rồi, tiếng họ than-van vì  
đức vua MAHĀJANAKA bỏ ngôi vàng, xuất-gia hành-  
đạo. Bạch Ngài, nay tôi lìa để-vị để tu phạm-hạnh. Bậc  
trí-tuệ không ưa thích sự huyên-náo, không thương-tiếc  
chỗ ăn ngon, ngũ kỹ, để tìm trí-tuệ sáng suốt, tôi đây  
cũng thế. Nay tôi cũng chưa hoàn-toàn xuất-gia, vì còn  
bị đại chúng ràng buộc, họ muốn cho tôi trở về trị-vì như  
trước, nên họ mới theo khăn-cầu tôi.

Nầy thầy Sa-môn ! Người không nên cho  
mình đã vượt khỏi phiền-não. Bậc xuất-gia  
chẳng phải chỉ mặc y cà-sa, cạo tóc đố đầu ;  
chưa lìa được lưới phiền-não đâu. Phiền-não  
làm hư-hại đường trời, người.

— Bạch Ngài, tôi từ bỏ ngôi vàng, chẳng  
mong được ngũ-dục ở cõi người và trời, như  
thế, còn có chi nguy-hiểm đến tôi nữa chẳng ?



— Nầy thầy Sa-môn ! điều nguy-hiểm trong thân thể của người, sẵn chờ cảm - động người chẳng ít :

1) — Tình-trạng ngũ-ngũ, thức-thức là điều nguy-hiểm.

2) — Lười-biếng là điều nguy-hiểm.

3) — Tình-trạng mơ-màng, ưa thích ngũ-dục là điều nguy-hiểm.

4) — Tình-trạng ưa thích nhục-dục là điều nguy-hiểm.

5) — Tình-trạng ham ăn là điều nguy-hiểm.

Nầy Sa-môn ! người có tướng-mạo đẹp như vàng, khi cho họ hiểu rằng ta là vua, bỏ ngôi tìm đạo, họ dâng thực phẩm quý đầy bát, thọ thực no đủ, xong, ngủ mê và ngây, đến lúc thức lại không ngồi dậy, trở ngủ nữa ; ngủ rồi thức, thức rồi ngủ như vậy là điều nguy-hiểm, làm cho thối bộ sự xuất-gia. Ngủ-ngủ thức-thức như vậy là nhân sanh lười biếng, không quét chỗ ngủ, không xách nước để dùng, dần dần sẽ sanh dục tư-duy (1) là nhân chán-nản trong sự xuất-gia. Tất-cả điều nguy-hiểm đó, đều phát sanh do ăn no, ngủ kỹ.

Nầy Sa-môn ! không nên cầu-thả, tưởng rằng có tăng tướng rồi là vượt khỏi hẳn phiền-não đâu.

---

(1) là suy-ngĩ ngũ dục.



— Bạch Đạo-sĩ, ngài đến đây thức-tỉnh tôi, thật là hân hạnh vô cùng. Bạch Ngài, xin cho tôi biết quý danh của Ngài ?

— Pháp-danh tôi là NARADA đạo-sĩ.

Vì thấy thầy là bậc cao-quí, sẽ đem những lợi-ích đến chúng-sanh sau này, nên tôi đến gặp thầy. Này Samôn ! chẳng nên ưa-thích nhục-dục, chẳng nên chán-nản trong sự xuất-gia, hãy cố-gắng tinh-tấn, phát tâm hoan-hỉ thực hành Chánh-pháp cho đến ngày mãn nguyện.

Này Sa-môn ! thầy nên tinh-tấn tu pháp «Tứ-vô-lượng-tâm» (1) đừng bỏ qua. Nên bồ-túc giới, định, tuệ cho viên-mãn, chẳng nên ngã-mạng rằng ta là vị vua xuất-gia tu-hành, cần phải thọ-trì pháp nhẫn-nại, quan-tâm về sự dập-tắt phiền-não, không nên tự-cao mà hạ người, phải thực-hành thập-thiện nghiệp, ngũ-thông, bát-thiền cho hoàn-bì. Như thế, sự xuất-gia của thầy mới đem lại nhiều kết-quả tốt, không thối-bộ và hối-hận về sau. Giảng-giải xong, vị Đạo-sĩ từ-giã trở về núi.

Sau đó, có một vị Đạo-sĩ nữa là MITĀJĀNA ; khi vừa xuất định như đạo-sĩ NARADA, cũng đến khuyên-giáo đức Bồ-tát. Đạo-sĩ hỏi : Do nhân nào mà Ngài xuất-gia ?

---

(1) từ, bi, hỷ, xả.



— Bạch, tôi là Hoàng - đế tại kinh - đô MITHILĀ, vì xét thấy đời là khổ, chúng sanh mê đời, không thấy tình-trạng vô-thường của vạn-vật, cho đời là vui-thú hơn cả, nên say đắm cuộc đời mộng-ảo. Họ gây biết bao nghiệp ác, vì lòng tham, sân thúc-dẩy, rồi phải chịu hình phạt trong kiếp hiện tại, sau khi chết còn phải sa-đọa trong 4 ác-đạo, không biết đời kiếp nào mới ra khỏi được. Bởi thấy thế, tôi phát tâm chán nản, ghê-sợ không tiếc ngôi-vàng, của báu, vợ đẹp, hầu-xinh, để tìm đường đạo-đức, thoát-ly thống khổ. Nếu còn quuyến-luyến, tôi không sao tránh khỏi như quần-chúng.

Đạo-sĩ MITĀJINA được nghe như thế, bèn hỏi những lời Ngài nói đó, ai là thầy của Ngài ? hay là nhờ nghe đức Độc-giác chỉ dạy ?

— Bạch, tôi chưa được nghe ai giáo-huấn. Vì, khi còn ở ngôi báu, cớ ngày nọ, tôi đi ngoạn cảnh, đến ngự-uyển thấy hai cây xoài : cây có trái bị trơ-trụi, cây không trái còn nguyên.

Tôi xét nghĩ rằng : sự nghiệp đế - vương của tôi, ví như cây xoài có trái, sẽ bị nhiều người tranh giành mai hậu. Kẻ vô tài sản như bậc xuất-gia, tam y, quả bát, không nhà không cửa, thì hằng được an-vui như cây xoài không trái, vẫn được xanh tươi. Tôi đem mình so-sánh với 2 cây xoài, nên sanh lòng chán-nản



xuất-gia như vậy, Bạch Ngải người giết còp vì muốn được da, sát voi mong được ngà, hại người mong đoạt của. Gia-chủ không trí-tuệ, ở một mình ắt bị kẻ nghịch sát-hại, bằng có pháp trí-tuệ thì hẳn được vui, như cây xoài không trái; của cải nhiều thì lo nhiều, bị nhiều người ganh ghét oán-thù. Hạng xuất-gia chơn-chánh là hạnh-phúc thật. Vì thế, tôi mới bỏ để quyền, tìm tu một mình trong nơi thanh-vắng. Bạch Ngải, hai cây xoài đó là thầy tổ của tôi, dạy tôi thực-hành theo bậc xuất-gia như vậy.

Nầy Sa-môn ! thầy không nên cầu thả, hãy tinh-tấn thọ-trì pháp xuất-gia cho đến kỳ cùng. Khuyên Bồ-tát rồi, Đạo-sĩ trở về chỗ ngụ.

Liền khi ấy, Hoàng-hậu quý tâu nài-nỉ Bồ-tát trở về, vì chúng-dân khóc-than, kể-lẽ không ai nương nhờ ; xin Hoàng-thượng hồi trào tôn vương cho Hoàng-tử, rồi sẽ ngự đi xuất-gia.

— Bồ-tát đáp: Nay ta đã từ bỏ ngôi-vàng, quan quân thân-quyển không còn bận lòng một cái gì cả.

— Hoàng-hậu vật mình nhào lặn khóc than rằng : « Ôi ! kiếp trước tôi đã tạo nghiệp chi, mà nay phải chịu phân-ly chồng vợ như vậy. Hoàng-thượng xuất-gia bỏ tôi một mình biết nương-cậy vào đâu ! »

Nầy SĪVALĪ ! nên nghe ta chỉ giáo, người ở trong của-cải là nhân khiến mình gây nghiệp



ác. Khi nàng trở về thành tôn vương cho Hoàng tử, rồi nàng phải giúp con trị-vì trăm họ, gây thêm nghiệp thân, khẩu, ý ác, vì quyền-luẩn trong sự nghiệp. Ta đã dứt được tình-thương nhỏ hẹp, trải đi khát-thực nuôi mạng, do sự bố-thí của mỗi nhà chút ít. Xuất-gia là điều thoát-khổ, của cải là nhân sanh những nghiệp tội.

— Này SĪVALĪ ! nàng nên suy xét . . .

Bồ-tát và Hoàng-hậu tranh luận nhau, dài theo đường cho đến tối. Quan quân che trại cho Bồ-tát và Hoàng-hậu nghỉ. Nhưng Bồ-tát ngủ đi tìm ngủ dưới bóng cây một mình.

Sáng ra, Bồ-tát vẫn tiến-hành, Hoàng-hậu cùng quần-chúng theo sau. Đi gần đến chợ, có người nướng thịt, để sơ-ý nên chó tha, chạy đến thấy Bồ-tát và Hoàng-hậu đang đi, nó sợ hoảng chạy bỏ miếng thịt lại. Bồ-tát nghĩ rằng miếng thịt này chó đã bỏ, không còn mền tiếc, như vật vô chủ, thế là vô-tội, đáng cho người xuất-gia dùng. Ta hãy thọ miếng thịt này. Ngài bèn lượm miếng thịt, phui bụi rồi đặt vào bát, đến nơi có nước Ngài tìm chỗ để thọ thực.

— Hoàng-hậu xem thấy, kể-lẽ khóc than rằng : « Hoàng-thượng không biết góm, thịt của chó tha mà lượm đem dùng. Ôi ! thật là thô-thảm ».

— Bồ-tát đáp : Nàng vô trí-tuệ, đây là vật-thực cao-quí, rồi Ngài tìm ngồi nơi khuất mắt Hoàng-hậu mà ngộ thực.



— Hoàng-hậu trách Bồ-tát ăn thịt của chó tha không nhồm-gồm.

— Bồ-tát đáp: Này SĪVALĪ ! vật vô chủ là món trong sạch, đáng cho bậc xuất-gia dùng. Trái lại, vật không hợp-pháp dù có giá-trị đến 100.000 bạc, thì ta nhồm gồm và hồ-thẹn, không ước mong.

Đi đến trước, gặp nhóm trẻ đang chơi cát, có một em gái, một tay đeo một chiếc xuyến, tay kia đeo 2 chiếc. Tay đeo một chiếc không nghe khua động, tay đeo 2 chiếc thì chạm nhau nghe lạch cạch. Bồ-tát liền nghĩ rằng : nàng SĪVALĪ theo sau ta, không tốt, vì phụ-nữ là phiền não của xuất-gia. Người đời xem thấy họ gièm-siêm. Bồ-tát liền hỏi thử đứa bé :

— Này cháu ! vì nhân nào mà tay cháu đeo một chiếc xuyến không nghe kêu, còn tay đeo 2 chiếc lại nghe tiếng?

— Đứa bé đáp : Vì có 2 vật mới có chạm nhau ra tiếng, như có hai người sẽ có lời qua tiếng lại. Bạch ! Ngài là bậc xuất-gia, tại sao lại có phụ-nữ xinh đẹp theo sau ? Lệ-thường, dù là em gái, người xuất-gia cũng chẳng nên đi chung, chỉ đi một mình mới được trong sạch.

Bồ-tát nghe qua rất thỏa-thích, bèn nói với nàng SĪVALĪ : Nàng có nghe lời trẻ em nói y như ta chẳng ? Này SĪVALĪ ! ta đã bị trẻ nhỏ chê-trách, vậy nàng chẳng nên theo ta nữa. Đây là con đường rẽ hai, mỗi người đi mỗi ngã. Nàng vừa lòng đường nào thời cứ dời bước, ta đi đường khác. Nàng đừng theo sau tỏ ý chồng vợ



cho người đời chê-trách. Hoàng-hậu nghe Bồ-tát nói như thế, rất đau lòng xót dạ, nhưng cũng vẫn theo sau Ngài luôn. Đi đến một dặm đường nữa, gặp một người thợ vót tên lấy cây vót rồi ngắm xem bằng một mắt. Bồ-tát lại gần hỏi: Nhân chi người nheo mắt lại mà nhắm cây tên?

— Bạch, nếu xem cả 2 mắt, thì thấy không ngay, vì hai mắt sẽ thấy cây tên khum queo, thế nào, người xuất-gia cũng chỉ nên tu một mình mới có kết-quả nếu tu-hành mà dẫn vợ trang-diễm như thế kia, hằng có tai hại và vô-hiệu.

Bồ-tát nói với Hoàng-hậu rằng: «Nàng SĪVALĪ này! có nghe thợ vót tên nói chẳng? Họ là người tay sai của ta, mà còn tỏ lời chê-trách ta như thế, nàng không nên đi chung cùng ta nữa, hãy đi ngã khác đi. Hoàng-hậu vì quá nể, vâng lời cố-gắng đi riêng một đoạn đường, đau lòng chịu không nổi, liền dắt đại-chúng trở lại theo sau Bồ-tát nữa. Đến gần núi, Bồ-tát bèn ngồi xuống nhổ một cọng cỏ, cho Hoàng-hậu xem và thốt rằng: «Cọng cỏ này, không còn dính liền với gốc nữa được, thế nào, nàng với ta cũng chẳng phải là vợ chồng nữa, như cọng cỏ ấy. Nàng đừng theo gót ta mà luống công, hãy trở về ở một mình đi, ta cũng chỉ ở riêng một mình mà thôi. Như thế, mới mong thoát khổ được. Muốn giải-thoát nàng hãy tu-hành như ta vậy». Nghe Bồ-tát nói những lời tuyệt-vọng, Hoàng-hậu khóc nức-nở, từ đây ta và MĀHAJANAKA (Bồ-tát) chẳng còn là vợ chồng nữa, hẳn rồi. Nàng nhào lảng ra khóc thảm-thương vô cùng



khô-nảo, đến bất-tĩnh. Thừa dịp Hoàng-hậu hôn mê, Bồ-tát đi nhanh vào rừng sâu tuyết-lạnh, tham-thiền, đắc định được an-vui như ý-nguyện. Khi hết kiếp, Ngài được sanh lên cõi Phạm-thiên.

Quan quân đến nơi, thấy Hoàng-hậu nằm mê trên đất, vội-vả dạy người đến cứu-cấp. Khi tỉnh dậy Hoàng-hậu xem tứ phía không thấy Bồ-tát bèn hỏi : Có ai thấy Hoàng-thượng đi nơi nào chẳng ?

— Tâu lệnh bà, chúng tôi theo sau lệnh bà, nào thấy được. Hoàng-hậu liền sai người tìm đủ các hướng, cũng không một ai gặp Bồ-tát cả. Hoàng-hậu vật mình, kêu la khóc kể, thật là đau đớn, thiết-tha, không sao tả xiết, ai nghe cũng đều xúc-dộng thương tâm ; cung-phi, triều-thần ; chí dân-gian đều khóc và theo bà.

Hoàng-hậu bèn dạy xây tháp để kỷ-niệm và dâng hương hoa cúng-dường trong các chỗ như :

- 1/— Nơi đức Bồ-tát đứng trong giờ chót.
- 2/— Nơi đức Bồ-tát hỏi người thợ vót tên.
- 3/— Nơi đức Bồ-tát hỏi đứa bé đeo xuyến,
- 4/— Nơi đức Bồ-tát nghe vị đạo-sĩ NARADA giảng đạo.

Về thành, vào đến cung nội, thấy các nơi mà Bồ-tát thường đến ngoạn-thưởng (ao sen, vườn hoa, hồ tắm v.v..) Hoàng-hậu càng nghĩ tưởng, càng khóc than thảm-đạm. Sáng ra, lâm trào, Hoàng-hậu truyền cho bá-quan văn-võ làm lễ tôn vương cho đông-cung lên kế-vị ; xong,



Hoàng-hậu cạo tóc xuất-gia tu trong ngự-uyển, thực-hành theo lời dạy của Bồ-tát, tham thiền, đặc-định.

Sau khi mệnh-chung, bà được sanh trên cõi trời Phạm-thiên.

— Đức Phật-Tổ Thích-Ca chúng ta, khi đã giảng-thuyết xong tích đức Bồ-tát MAHĀJANAKA, gọi chư tăng rằng: Này các thầy ! Như-lai chẳng phải bỏ ngôi vàng đi xuất-gia trong kiếp cuối cùng này đâu.

Thuở Như-Lai là MAHĀJANAKA được đễ-vị rồi cũng bỏ đi tu như đã giải...

Ngài thuyết thêm pháp Tứ-Diệu-Đế rồi họp bốn sanh truyện như vầy :

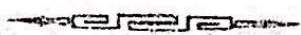
TASĀ SAKKO UNUMIDDHO AKOSI, SAMUDARAKKHITĀ DEVADHITĀ UPALAVANÑĀEVA, NARADO SĀRIPUTTO, MITĀJINO MAGGALĀNO, KUMĀRIKĀ KHEMĀ BHIKKHUNĪ, USUKĀRO ĀNANDOCEVA, QESAPURISĀ BUDDHAPARISĀ, SĪVA-LIDEVĪ RĀHULOMĀTĀ, DĪGHAVUKUMĀRO RĀHULO, MĀTĀPITARO MAHĀRĀJAKULĀNI AHESUN MAHĀJANAKARINADO ĀHA MEVA SAMMĀSAMBUDDO AKOSĀTI.

TADĀ — Thuở đó, Đức Đế-thích nay là Tỳ-Khưu A-Nậu-Lầu-Đà ; nàng thiên-nữ cứu-vớt nạn nhân trong biển, nay là Tỳ-Khưu UPALAVANNATHERĪ ; Đạo-Sĩ NĀRADA nay là Đại-Đức Xá-Lợi-Phất, Đạo-Sĩ MITĀJANA nay là Đại-Đức Mục-Kiền-Liên ; trẻ gái đeo



xuẩn nay là Tỳ-Khưu Ni KHEMĀ; người thợ vót tên nay là Đức ANANDA. Tất cả những người thừa lại (Đã có trong câu chuyện) nay là hàng Phật-tử. Hoàng-hậu SĪVALĪ nay là mẹ RĀHULA, vị thứ vương DĪGHĀVUKUMĀRA nay là RĀHULA; cha mẹ của Đức MAHĀJANAKA nay là Đức Tịnh-Phạn-Vương và Hoàng-Hậu MĀYĀ. Còn MAHĀJANAKA nay chính là đấng Chánh-Đẳng Chánh-Giác tức là Như-Lai đây.

#### DỨT TÍCH BỒ-TÁT MĀHAJANAKA





# SUVANÑASĀMAJĀTAKA

## TRUYỆN SUVANÑASĀMA

### BỒ-TÁT TU HẠNH BÁC-ÁI BA-LA-MẬT

---

Thuở nọ, đức Thế-tôn ngự tại kỳ-viên tịnh-xá của trưởng-giả Cấp-Cô-Độc, vì lòng từ-bi về lời thỉnh-cầu của chư-tăng mà giảng-thuyết rằng :

ATITE KĀLE BHIKKHAVE . . . Nầy các thầy Tỷ-khưu ! trong kiếp quá-khứ, thủ-đô BĀRĀNASĪ, có đức vua KARALYAYAKSA trị-vì, quốc-dân được an - cư lạc-nghiệp.

Thuở ấy, có 2 ngư-ông ngụ 2 bên bờ một con sông kết bạn thân cùng nhau, hằng ngày thường lai vãng thăm viếng và có hứa cùng nhau rằng, nếu một bên sanh con trai, một bên sanh con gái, thì sẽ làm thông-gia. Không bao lâu, 2 người vợ của 2 bạn ngư-ông, một người sanh con trai, một người đẻ con gái. Cha mẹ bên gái đặt tên con là PĀRIKAKUMARĪ ; bên trai đặt danh con là DUKURAKUMĀRA.

Khi hai con đến tuần cập-kê, cả hai đều có nhan sắc xinh-đẹp. Một hôm, cha mẹ cô PĀRIKĀ, hỏi con rằng : « Cha mẹ đã hứa từ lâu sẽ làm suôi với người bạn bên kia sông. Nay con đã lớn khôn, cha mẹ định gả con cho cháu DUKURAKUMĀRA là con của ngư-ông ấy, con nghĩ thế nào ? »

- Nàng PĀRIKĀ nghe cha mẹ dạy như thế, bèn



nghĩ rằng : Cha mẹ ta là dồng-dối làm nghề sát-sanh để nuôi sống, không hồ-thẹn và ghê-sợ tội, nếu ta nghe theo, ta cũng sẽ là hạng ngư-ông, sau chết không khỏi sa trong ác-đạo, phải chịu khổ nhiều đời kiếp. Nàng thưa rằng : « Con không ưa thích làm nghề sát-sinh đâu ». Cha mẹ nàng thấy vậy nín thinh.

— Về DUKURAKUMĀRA, cha mẹ chàng cũng khuyên chàng cưới cô PĀRIKĀ; DUKURAKUMĀRA nghĩ rằng : Cha mẹ ta chỉ biết làm nghề ác, nếu ta nghe theo ắt không tránh khỏi chịu quả khổ trong địa-ngục. Vạn vật trong đời toàn là vô-thường vắn-vỏi, ta ưa-thích phụ-nữ làm gì. Ta hãy xuất-gia tu-hành thoát-ly phiền-não. Chàng thưa với cha mẹ, xin cho phép chàng xuất-gia tìm đạo.

Sáng hôm sau, vị thanh-niên DUKURAKUMĀRA dậy sớm suy-nghĩ rằng : Ta không vừa lòng thương-tiếc trong phiền-não dục, theo lời chỉ giáo của cha mẹ ta. Nhưng không rõ tâm của nàng PĀRIKĀ ra sao, vậy ta nên gửi thư hỏi thử ý-kiến nàng xem, rồi chàng liền viết thư như vậy :

« Này nàng thanh-nữ PĀRIKĀ, nàng có sắc-lịch thiên hương. Cha mẹ nàng vui lòng gả nàng cho ta. Ta không ưa-thích tình-dục, mong dứt bỏ phiền-não để tránh khỏi địa-ngục. Vậy nàng nghĩ thế nào ? »

Viết xong bảo kẻ ở chuyển-giao đến nàng PĀRIKĀ.

— Xem qua thư của DUKURAKUMĀRĀ nàng khen rằng : Chàng thanh-niên này cũng có chí-hướng như ta,



Vậy sau khi làm lễ thành-hôn ta sẽ tu-hành, được dễ dàng hơn. Vị DUKURAKUMĀRĀ được thư trả lời như ý muốn, hết lòng hoan-hỉ.

Sau khi đã hành lễ cưới rồi, mỗi người đều giữ bốn phận ngủ riêng khác với thường-nhân. Ngày nọ, vợ chồng bèn bàn cùng nhau, nếu ta ở chung với cha mẹ ta là người sát-sanh như vậy, ta phải tùy cha mẹ, rồi bị sa địa-ngục. Vậy ta hãy xin phép cha mẹ cho chúng ta vào non tu luyện, mới mong thoát-ly ác-đạo được.

Sáng ra hai vợ chồng DUKURA đến lạy xin phép cha mẹ đi xuất-gia vào rừng. Cha mẹ không vui lòng và nói rằng : « Hai con nên ở nhà rán tập rèn nghề-nghiệp cho thuần-thục, để nuôi mạng như cha mẹ, có hay chăng ? Hai con không phải là kẻ tê-bại chân tay mà bỏ nghề của cha mẹ ».

DUKURA nài-nỉ rằng : Chúng con không dám hành nghề sát-sanh, vì sự giết hại sanh-linh rất là tội lỗi, sau khi chết phải chịu khổ trong địa-ngục, không ai cứu-vớt được.

Nghe con nói như vậy cha mẹ càng nổi giận mà mắng rằng : « Hai con là kẻ lười-biếng. Vậy hai con muốn đi thì cứ đi, và từ đây đừng trở lại nhà này nữa ». Được cha mẹ cho phép, vợ chồng DUKURA rất hoan-hỉ, lạy từ tạ cha mẹ rồi đồng nhau vào rừng hành-đạo.

Sự xuất-gia của DUKURA và nàng PĀRIKĀ rất trong sạch, phát sanh lễ cảm ứng đến Đức Đế-Thích ngài biết rõ tự sự bèn sai một vị trời xuống tế độ vợ



chồng DUKURA. Vị trời ấy xuống phía trước gần nơi đó, biến ra hai tịnh-thất nhỏ, rồi đề chữ trước thất rằng : « Nếu người nam nữ nào, đã phát nguyện làm đạo-sĩ, hãy vào đây ngụ được tự-do như của mình ». Xong, vị trời ấy bay về tàu cho Đức Đế-Thích rõ.

Vợ chồng DUKURA đi đến hai tịnh-thất, có đủ vật phụ-tùng, nhìn lên thấy bảng đề lấy làm vui thích, rồi nguyện làm đạo-sĩ, tu phạm-hạnh không nhớ tưởng đến vật-dục phiền-não dục nữa.

Thời gian qua, trời Đế-thích xét thấy không bao lâu vợ chồng Ông Đạo-sĩ sẽ bị mù. Ngài từ-bi hiện xuống đề tế-dộ, Ngài khuyên hai đạo-sĩ nên xả giới ở với nhau cho có con, để sau này nhờ con phụng-dưỡng, trong khi già yếu, bệnh tật. Vợ chồng đạo-sĩ không thuận theo lời khuyên, vì mong thọ-trì phạm-hạnh cho được trong sạch, mặc dù bị nghiệp dữ đến cho quả. Đức Đế-thích bèn khuyên rằng : « Ngài có thể rờ bụng cô đạo-sĩ ba lần, được chăng ? » Ông đạo-sĩ đồng ý, nên làm thỉnh.

Đức Đế-thích hiểu ý ông đạo-sĩ khứng chịu, bèn trở về Đạo-lợi thiên cung, thỉnh Đức Bồ-tát giáng-sinh.

Vị đạo-sĩ nhớ làm theo lời dạy của đức Đế-thích, thì cô đạo-sĩ thọ thai. Đến kỳ khai-hoa sanh ra được Bồ-tát, có chư-thiên hiện xuống hộ-trì săn-sóc ; tắm rửa cho đức Bồ-tát mỗi ngày. Bồ-tát lên 7 tuổi, đạo-sĩ đặt tên là SUVANNASĀMA. Mỗi ngày, đạo-sĩ vào rừng hái trái về nuôi Bồ-tát. Lúc sau, Bồ-tát xin theo, để giúp đỡ cha mẹ, được 7 ngày, đạo-sĩ dạy Bồ-tát ở nhà, không cho theo nữa.



Một ngày nọ, vợ chồng đạo-sĩ vào rừng hái trái, bị cơn mưa to, nên tìm chỗ đụt nơi một gò mối cao-ráo. Lúc ấy có con rắn độc, xit nọc ra nhằm mắt của 2 đạo-sĩ đều mù cả. Không thấy đường về, phải bơ vơ trong rừng; Đây là cái quả của tiền nghiệp mà 2 đạo-sĩ đã tạo, từ kiếp trước cho thuốc trị mắt bệnh nhân, khi mắt đã lành, mà họ nói là chưa vì không muốn trả tiền-công. Hai vợ chồng thầy thuốc bất-bình, chế thuốc độc nhỏ vào mắt, làm cho bệnh nhân phải mù. Do tiền nghiệp đó mà phải chịu quả khổ, mù mắt cả vợ lẫn chồng.

Thấy trời chiều mà cha mẹ chưa về, Bồ-tát đi tìm gặp mẹ cha bị mù-lòa, đang bối-rối trong rừng; biết rõ nguồn cơn, Ngài than-van kể-lẽ, thương-xót cha mẹ vô cùng, xong dẫn 2 thân về tịnh-thất.

Từ đó, Bồ-tát hết lòng phụng-dưỡng cha mẹ. Ngài cất nhà tắm, cầu xí, gánh nước sẵn cho cha mẹ cần dùng và luôn luôn Ngài niệm pháp bác-ái. Mỗi ngày vào rừng hái trái ngon ngọt dâng đến cha mẹ. Những loài thú, thấy Bồ-tát có tính hiếu đạo, nhất là từ-bi đối với mọi loài, nên hằng theo chung-quanh Ngài; khi vào rừng, lúc đi gánh nước, chúng không lìa Ngài.

Thuở đó, đức vua KARALIYAKSA trị-vì trong kinh đô BĀRĀNASĪ, nhân dân được an-cư lạc-nghiệp, nước giàu, dân mạnh, nên đức vua cầu-thả, chỉ biết sa mê tửu sắc quên nghĩ đến tội-phước chánh-tà. Đức vua nghĩ rằng trăm ngự trong đền không có chi là phi thường, để trăm vào rừng bắn thú cho mọi người rõ tài năng của trăm. Ngài vào tâu xin phép vua cha và mẫu-hậu. Được lệnh



phụ-vương phê - chuẩn, đức vua KARALIYAKSA vào rừng săn bắn. Đi đến gần một con rạch nước trong có rất nhiều thú rừng, Ngài thấy có các loài thú, lần quần theo một thanh-niên, mang thùng đi gánh nước. Đức vua lại gần thấy Bồ-tát rất đẹp trai, định hỏi thăm, song nghĩ rằng nếu ta lên tiếng, bày thú chạy tan thì bắn sao được, khi trở về đền vua cha hỏi, có thịt thú lạ đâu mà dâng. Nghĩ thế Ngài liền dương cung bắn trúng Bồ-tát té nhào. Vì tên có tẩm thuốc độc, làm cho Bồ-tát rất đau-đớn, khổ sở. Ngài nghĩ phải chịu quả-khổ của nghiệp-ác đã tạo, Ngài không nên oán trách ai và cất tiếng mời người nào đã bắn tôi xin lại đây cho tôi tỏ vài lời.

Đức vua KARALIYAKSA nghe lấy làm lạ, người bị nạn đã không oán giận, mà lại còn mời ta đến để nói chuyện. Vậy ta nên đến đó xem.

Đức vua nghe Bồ-tát than rằng : Ai là người giết tôi ? từ khi tôi sanh ra đến nay được 16 tuổi, cha mẹ tôi và tôi chẳng bao giờ làm điều ác. Nay tôi phải chịu chết đã đành, nhưng rất thảm thương, cha mẹ tôi đều mù quáng biết lấy ai nương nhờ. Ông là ai mà đến đây hại tôi thế này ?

— Ta là Hoàng-đế trong thủ-đô BĀRĀNARĪ, vì ham việc săn-bắn, mong tìm thịt thú, mà lỡ tay nhắm cháu, thật trăm không cố ý đâu.

— Đại vương đã bắn trúng tôi, bây giờ lại chối, tôi đâu tin được. Ôi ! tôi phải chết, bỏ cha mẹ mù-lòa biết lấy ai phụng-dưỡng, thật là đáng thương-xót cha mẹ tôi vô cùng.



— Đức vua nghe mấy lời than van của Bồ-tát, lấy làm động lòng, chưa xót nói rằng : Thôi ! cháu an tâm, để ta tìm đến chỗ ở, phụng-sự 2 vị đạo-sĩ thay thế cháu, đến trọn đời của ta.

— Bồ-tát nghe đến đây phát tâm hoan-hỷ, bèn tỏ lời SĀDHU (1) rồi tắt hơi.

Lúc đó, có nàng thiên-nữ tên SUNADARĪ ngự trên cây gần đấy. Nàng thường hộ-trì Bồ-tát, song lúc Bồ-tát bị tên nàng mắc đi dự-hội nên vắng mặt. Khi trở về nàng thấy Bồ-tát chết, liền trách đức vua bằng nhiều lời rằng : Đức vua sao không ghê sợ tội-lỗi, Ngài sẽ sa địa-ngục chẳng sai. Bồ-tát đây là người rất hiếu-thuận, hết lòng phụng sự mẹ cha, là 2 vị đạo-sĩ, không rời. Đức vua phạm tội như vậy. không sao tránh thoát quả khổ.

Đức vua KARALIYAKSA nghe tiếng mà chẳng thấy người, biết rằng là chư-thiên, tinh-thần hoàn-hốt và cảm-động thương hại Bồ-tát. Ngài đến gần thi hài Bồ-tát mà khóc than, rải hoa cúng-dường. Ngài nguyện phải phụng-dưỡng hai Đạo-sĩ ấy thế Bồ-tát. Đức vua gánh nước về đến tịnh-thất và thừa cho hai đạo-sĩ rõ tự-sự. Hai đạo-sĩ kể-lẽ khóc than, rồi yêu-cầu đức vua dẫn đến chỗ Bồ-tát chết. Đến nơi, hai đạo-sĩ vuốt ve con và phát nguyện rằng :

YENA SACCENA YAN SĀMO DHAMAMACĀRĪ  
PURE AHU ETENA SACCAVAJJENA, VISANSĀMA-  
SSA HAÑÑATŪ-TI :

---

(1) SĀDHU : đúng rồi



Con chúng tôi thực-hành phạm-hạnh pháp trong sạch, gồm có bác-ái pháp, là người hiếu-đạo, là nơi thương-yêu của cha mẹ, thật là bậc tu hạnh bác-ái. Do lời thành-thật này, xin cho thuốc-độc tiêu-tan khỏi mình SUVANNA-SĀMA con chúng tôi lập-tức.

Vị thiên-nữ cũng nguyện :

NA ME PIYATARO KOCIAÑÑO SĀMEHI  
VIJJATI, ETENA SACCAVAJJENA VISAN SAMASSA  
HANÑATŪTI.

Tôi ngụ trên núi GANDHAMĀDANA đã lâu Đạo-sĩ SUVANNASĀMA người của tôi vừa lòng thương mến, không ai bằng. Do lời chân-thật này, xin cho thuốc-độc tiêu-tan khỏi mình đạo-sĩ tức khắc.

Nhờ đức tu trong sạch và tiền-nghiệp đã hết, nên khi đó thuốc độc không làm hại được. Tức thì Bồ-tát sống lại, luôn cả mắt của 2 đạo-sĩ cũng được sáng tỏ như xưa, thật là hạnh-phúc biết bao.

Sau khi đó, bèn đem nhau trở về tịnh thất. Đức vua cũng về theo và xin thọ-giới tu theo Bồ-tát và 2 đạo-sĩ.

TAMATTHAN PAKASENTO TATTHĀ ĀHA ;

Khi đức Thế-tôn dẫn tiền-tích DUKURA, rồi Ngài giảng tiếp rằng : Đạo-sĩ DUKURA nay là đức KASSAPA (1) cô đạo-sĩ PĀRIKĀ nay là VADHAKĀPILĀ tỳ-khuru, SUNADARĪ thiên-nữ nay là UPAVANNA tỳ-khuru, Ngài SUVANNASĀMA Bồ-tát tức là Như-lai đây.

DỨT TRUYỆN BỒ-TÁT SUVANNASĀMA



## NEMIRĀJA JĀTAKA

### TRUYỆN NEMIRĀJA

## BỒ-TÁT TU HẠNH QUYẾT-ĐỊNH BA-LA-MẬT

Thuở nọ, đức Thế-tôn ngự nơi vườn xoài của đức vua MAGHADEVARĀJĀ tại kinh-đô MITHILĀ. Ngài phán rằng : « Này ANANDA ! đây là chỗ mà ngày xưa Như-lai đã sanh ra là Hoàng-đế MAGHADEVARĀJĀ, rồi Ngài nín-thinh.

— Đức ANANDA bèn quì bạch, cầu đức Thế-tôn từ-bi giảng tiếp cho chúng tôi nghe.

— Đức Phật thuyết rằng : ATĪTE KĀLE BHIKKHAVE . . . Này các thầy Tỷ-khưu ! trong thời quá-khứ, Như-lai sanh ra là Hoàng-đế MAGHADEVARĀJĀ, thống-trị tại thủ-đô MITHILĀ này, tuổi thọ rất lâu. Nhưng Hoàng-đế đó không say-mê danh-lợi, có bảo người thợ cạo nhổ, khi thấy có một sợi tóc bạc thì cho trăm hay.

Một hôm, thợ cạo nhổ tóc bạc trình bày, Ngài bèn ban-thưởng thợ cạo, rồi dạy đòi Hoàng-tử vào để truyền ngôi-báu. Trước khi ra đi xuất-gia hành đạo, Ngài dặn dò Hoàng-tử rằng : « Khi thấy có tóc bạc, con nên xuất-gia ngay, đừng quên, con chớ bỏ qua tục-lệ nhà ta ». Vua cha dạy xong cạo tóc mặc y, tu đạo-sĩ, tham-thiền Tứ vô-lượng-tâm. Sau khi tan-rã ngũ-uẩn Ngài được sanh lên cõi Phạm-thiên.

Hoàng-tử nối ngôi, khi được biết có một sợi tóc bạc,



cũng xuất-gia theo lời vua cha dặn bảo. Các con cháu, phụ truyền tử-kế như vậy được 8.400 vị.

Đức vua xuất-gia trước hết là MAGHADEVARĀJA, khi đã sinh lên cõi Phạm-thiên, xét thấy dòng-dối ta đã tu hành theo tục-lệ, trải qua được 8 400 vị. nay còn 2 vị nữa sẽ không theo thói cũ, như thế, sẽ mất dòng họ nhà vua và mất cả điều hạnh-phúc. Vậy ta nên giáng-sanh để nối dòng ngỗ-hầu tiếp độ quần-sanh. Lập tức, Ngài xuống thọ-thai vào lòng Hoàng-hậu. Đến ngày khai hoa là một vị Hoàng-tử xinh đẹp khác thường, màu da như vàng. Nhà chiêm-tinh của vua cha xem tướng và tâu rằng : «Hoàng-tử có tướng rất quý, sau này sẽ nối dòng vua được lâu dài, là nơi chí ông cha xuất-gia tìm đạo». Vì thế mà vua đặt tên là NEMIRĀJAKUMĀRA.

Khi được lên ngôi cửu ngũ, đức NEMIRĀJA Bồ-tát dạy cất 5 phước-xá (tại 4 cửa thành và một giữa đền) trữ sẵn vật-dụng thí cho mọi người cần dùng, mỗi ngày 5.000 lượng. Ngài thọ-trì ngũ-giới và bát-quan-traí giới rất trong sạch. Ngài dạy về tội-phước, chánh-tà, làm lành được vui gây dữ chịu khổ. Dân-gian đều hoan-hỉ hưởng-ứng theo lời dạy của Ngài nên sau khi mệnh-chung đều sanh lên thiên-cung cả.

Những người được sanh lên cõi trời nhiều vô số, và thường hội-hợp nhau, tán-dương công-đức của vua NEMIRĀJA Bồ-tát rằng : «Tất cả chúng ta đều nhờ đức Bồ-tát chỉ dạy tu hành, nay mới được hưởng quả vui như vậy. Thật, hiếm người có đức tính như Hoàng - đế MEMIRĀJA Bồ-tát này ».



Đến ngày Bát-quan-trai g'ới, đức NEMIRĀJA Bồ-tát nguyên thọ-trì rất trong sạch, Ngài hằng suy-nghĩ không biết giới với bổ-thí điều nào cao-quí hơn. Ngài tìm hiểu mãi không ra, khiến cho đức Để-thích khó chịu, rồi xét biết. Đức Để-thích bèn hiện xuống, ngự trên hư-không cho đức NEMIRĀJA Bồ-tát thấy. Bồ-tát bèn hỏi : Ngài là ai xin cho trâm rõ ?

— Ta là vua trời, đến đây để giải đáp câu hỏi của đại-vương.

— Tâu đại-vương, giới và bổ-thí cái nào cao-quí hơn ?

— Tâu, giới cao-quí hơn.

Kẻ trì-giới được làm người, không tà dâm gọi là giới thấp, có thể sanh vào nhà vua, được quả người như ý nguyện. Nếu đã trì-giới mà đắc cận-định, gọi là bậc trung sẽ sanh lên dục-giới thiên. Tham-thiền đắc định, là bậc thượng, sẽ sanh lên cõi Phạm-thiên.

Tỳ-khuru trong Phật-giáo, hành đạo trì-giới trong sạch, mong lên dục-giới-thiên, gọi là giới thấp. Vị nào đã có giới trong sạch, cố-gắng tham-thiền đắc định, sẽ thọ sanh trong Phạm-thiên, gọi là giới bậc trung. Những bậc trì giới, tham thiền và quán-tưởng pháp minh-sát sẽ thấy rõ Niết-Bàn gọi là giới bậc thượng..

Còn những người bổ-thí trong sạch cũng sanh lên dục-giới thiên, nhưng khó lên cõi Phạm-thiên được. Song, hạng cư-sĩ cần phải bổ-thí, trì-giới mới trong sạch được.

Có tích 7 vị vua là : SĀGARA, SELA, BHĀJJA, BHĀGISARA, USINARA, ATTHAKA, ASSAKA,



PUTHUJANA, cả 7 vị vua cố-gắng bố-thí rất nhiều, sau khi thăng-hà đều được sanh lên 6 cõi dục-thiên, không thể lên Phạm-thiên giới được. Ngoài ra có nhiều vị vua tinh-tấn bố-thí cũng không qua khỏi đời ma-quỉ, tức là lục-dục giới-thiên.

Có lời chú-giải rằng : Điều mà đức Đế-thích gọi lục-dục giới-thiên và nhân-gian chỉ danh là «Cõi ma-quỉ (PETA LOKA) » thật là đúng lắm. Vì chư-thiên và người đều có tâm mong mỏi ưa-thích tình-ái trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu đã ước mong trong ngũ-dục rồi, dù không phải là lia nơi nương-tựa cũng gọi là cô-ái-tử. (con mồ-côi cha mẹ) trong đời này. Nếu không có nơi nhờ cậy, mà không phải là ma-quỉ, thì lục-dục giới-thiên và nhân-gian cũng đáng gọi là đời ma quỉ thật.

Đúng theo Phật ngôn như vậy :

YE ADUTIYĀ NARAMANTI... NA SUKHĀVARAGĀ...

«Người nào ưa thích, cố-gắng tìm phụ-nữ, khi kiếm được đem về làm bạn trăm năm cùng nhau thì vừa lòng, nhược bằng không thì râu-rỉ. Người hạng này, dù có của cải như trời Đế thích, được vui nhờ kẻ khác cũng đáng gọi là bồ-côi thật.

Hơn nữa, kẻ nào không gặp, không thấy, không được, không tìm hương vị của phỉ-lạc phát sanh từ cái tâm an tĩnh, tức là nhập-định. Người như đây, dù có tài-sản nhiều như đức Đế-thích, cũng đáng gọi là Cô-ái-tử thật».



Đức Đế-thích giảng thuyết nhiều sự tích, đem so-sánh để phá-nghi đức vua NEMIRĀJA cho thấy rõ rằng : quả báo của giới, cao-quí hơn phước bố-thí. Song, muốn trì-giới được trong sạch, cần phải bố-thí để dứt lòng tham-lam, bôn-xén.

Đức Đế-thích lại dẫn thêm tích như sau :

Thuở trước, có vị Hoàng-đế trong thủ-đô BĀRĀ-NASĪ, hằng ưa thích bố-thí.

Có một đạo-sĩ thường đến trì-bình tại nhà vị cố-vấn (PUROHITA) của đức vua. Vị PUROHITA thấy đạo-sĩ, có giới-hạnh trang-nghiêm bèn tín-thành thỉnh vào nhà để bát luôn 3 ngày. Vị cố-vấn nghe được giáo-lý, xin xuất-gia. Đạo-sĩ dạy phải chờ lệnh vua. Vị cố-vấn vào đền xin, vua cho phép và dặn dò, nên trở lại tế-độ trăm với. Vị cố-vấn theo đạo-sĩ tu hành chẳng bao lâu cũng đắc-định, được tự-do đi khắp thực. Bữa nọ, vị đạo-sĩ mới này, nhớ đến lời yêu-cầu của đức vua, bèn xin phép thầy vào thành trì-bình. Đức vua nhìn biết rồi thỉnh vào đền nội. Khi cúng-dường xong, đức vua bạch hỏi : Bạch đạo-sĩ, Ngài ngụ trong rừng một mình hay sao ?

— Tàu đại-vương, trong rừng có cả 10.000 vị.

— Cầu ngài thỉnh các vị đạo-sĩ ấy đến cho tôi cúng-dường.

— Không tiện. Các ngài không mong hưởng thực-phẩm quí, nên khó thỉnh. Nếu đại-vương vào rừng gần đó, tôi sẽ thỉnh cho.

Đức vua hoan-hỉ vâng lời, liền dạy quan quân sắm



sửa đầy đủ thực-phẩm quý, để vào rừng dâng cúng đến 10.000 đạo-sĩ.

Sáng hôm sau, vua đồng cùng triều-thần vào đến rừng, được cúng-dường như nguyện. Đức vua phát tâm trong sạch thỉnh tất cả 10.000 vị đạo-sĩ cúng-dường mỗi ngày, như thế đến một muôn năm. (1)

Tâu đại-vương, mặc dù đức vua ấy có tâm trong sạch bố-thí không chọn vị cao hoặc trung hay thấp hạ, cũng không phân giai-cấp xã-hội, cho rằng vị này trước nghèo, giàu hay sang hèn chi cả. Như thế, mà sau khi đức vua đó thăng-hà, chỉ được sanh lên cõi dục-giới thiên mà thôi. Còn 10.000 vị đạo-sĩ toàn là hạng xuất-gia, song có giới trong sạch, tham-thiền, đặc định. Sau khi mệnh chung, các Ngài đều thọ sanh lên cõi Phạm-thiên cả.

Tâu đại-vương, đức vua trong thủ đô BĀRĀNASĪ thuở đó, chính là tôi đây. Giải cho đức NEMIRĀJA biết rõ giới có phước cao quý hơn bố-thí như thế, đức Đế-thích liền trở về Đạo-lợi thiên cung.

Khi về đến, thấy chư-thiên hội-hợp đông đủ tại phước xá, đức Đế-thích bèn phán rằng : Các ông tỳ-hội nơi đây nên chú-ý nghe trăm giảng thuyết. Trăm xuống cõi người, để phá nghi cho đức vua NEMIRĀJA. Đức NEMIRĀJA thật là một vị Hoàng-đế đạo-đức, bố-thí, trì-giới và khuyên nhân-dân lánh dữ làm lành vô số kể. Ngài là một bậc trí-tuệ hiếm người sánh kịp. Ngài không phân biệt giới với bố-thí điều nào cao-quý hơn. Trăm đã

---

(1) thời kỳ này nhân-loại sống trên muôn tuổi.



giải phân-minh cho đức NEMIRĀJA hiểu rồi, nên mới trở về đây.

Chư thiên đồng tâu rằng : Đức NEMIRĀJA là thầy của chúng tôi, nhờ Ngài khuyên-bảo, chúng tôi mới tạo được nhiều nghiệp lành, nên sau khi thác đều được lên Đạo-lợi thiên cung này, hưởng phước cõi trời như mong muốn.

Tất cả chúng tôi đồng khẩn-cầu Hoàng-thượng từ-bi cho vị trời MĀTALĪ xuống rước đức vua NEMIRĀJA lên đây cho chúng tôi thấy mặt, vì chúng tôi nhớ ân-đức của Ngài lắm.

Đức Đế-thích hoan-hỉ nhận lời yêu-cầu của chư-thiên đòi vị MĀTALĪ đến phán rằng : Người hãy đem xe rồng xuống rước đức vua NEMIRĀJA.

Khi xe trời xuống gần tới, nhằm ngày rằm trăng tỏ, chúng dân thấy rõ xe trời bay xuống, rất lấy làm lạ, rồi chờ xem xe ấy đến. Họ tin chắc là xe trời xuống rước đức vua, vì đức vua chúng ta bố-thí, trì-giới trong sạch, trong đời chưa ai sánh bằng.

Xe trời xuống tới đền vua, vị trời MĀTALĪ tâu thỉnh đức vua NEMIRĀJA, theo lời dạy của đức Đế-thích.

Đức NEMIRĀJA liền từ-giã và dặn-bảo triều-thần, ân-cần xem xét việc triều-chính và thay thế Ngài làm việc bố-thí mỗi ngày, rồi lên xe trời đi cùng MĀTALĪ. MĀTALĪ tâu rằng : bây giờ Hoàng-thượng muốn đi ngả nào, nếu Hoàng-thượng muốn xem địa-ngục, cho biết trong đó tội nhân bị hành-phạt cách nào, tôi xin hộ-giá đưa Ngài đi xem.



Đức NEMIRĀJA đáp : Như thế, nên đi xem địa-ngục trước, rồi sẽ lên thiên-cung.

Vị trời MĀTALĪ liền lái xe đi qua những địa-ngục như :

1) — ĐỊA-NGỤC CƯỜNG THỦY (1) trong địa-ngục này nước vẫn sôi hoải. Tội nhân bị quỷ-xử dùng đủ thứ vũ khí cháy đỏ (gươm, dao, đao, búa, rêu, v. v...) đâm, chém, đập, bửa tội nhân té nhào trong địa-ngục. Khi ở trong địa-ngục, cũng có các khí-giói chém đâm. v...v... và bị nước chua sôi thấm vào mình, chịu muôn vàn-lần đau khổ, không kể xiết, cả ngày lẫn đêm chỉ nghe tiếng kêu la, than khóc không dứt.

Tâu Hoàng-thượng, những tội nhân đó, ở thế-gian ỷ mạnh hiếp yếu, chưởi, mắng, đánh, đập, hành-hạ người, nên nay phải sa địa-ngục này, thọ khổ như vậy.

2) — ĐỊA-NGỤC CHÓ DỮ. Trong địa-ngục này có chó to bằng voi trắng, đen, đỏ, vàng, đủ màu, chúng rọc cắn và xé tội nhân la khóc vang-rền. Tội nhân chạy trốn đường nào cũng không khỏi, chó cắn xé thịt, ăn đến xương lại bị lửa cháy hỏa hào thiêu-đốt, rồi quờn-hình sống lại liền, để chịu hình phạt như thế nữa, vì nghiệp duyên chưa hết.

Tội nhân trong địa-ngục này, vì kiếp-trước bòn xén, không bố-thí giúp đỡ kẻ đói-khát tật-bệnh và khinh-rẻ chưởi mắng bậc tu-hành, lại còn khuyến-dụ kẻ khác làm theo họ, nay phải chịu trị tội như vậy.

---

(1) một thứ nước chua rất mạnh.



3) — ĐỊA-NGỤC SẮT LỬA CHÁY ĐỎ. — Tội-nhân trong địa-ngục này bị quỷ-xứ đánh bằng cây sắt cháy đỏ và đâm bằng lao trước mặt thấu đến lưng, đầu đến trôn, té ngã trong địa-ngục, toàn thân thể bị cháy đỏ.

Tội nhân trong địa-ngục này, kiếp trước hay chưởi mắng đánh-đập, hà-hiếp người vô tội.

4) — ĐỊA-NGỤC THAN LỬA — Tội nhân bị quỷ xứ đánh bằng cây sắt đỏ, rồi liệng trong địa-ngục than lửa. Quỷ-xứ lấy búa, rều búa đầu, chẻ thân hình ra nhiều đoạn, bị lửa than đốt cháy. Tội nhân la khóc kêu vang không xiết kể ;

Tội nhân trong địa-ngục này, kiếp trước giả-dối quyền tiền để cất chùa, xây tháp cúng dường Tam-bảo, nhưng đem tiền về nuôi sống, nên phải sa-đọa địa-ngục này.

5) — ĐỊA-NGỤC ĐỒNG SÔI. — Tội nhân bị bỏ vào đó, trôi qua, lại, chìm xuống tận đáy, bị nước đồng sôi, chịu khổ kêu la thảm-đạm.

Tội nhân trong địa-ngục này, trước kia chưởi-mắng, khinh rẻ bậc tu hành, Sa-môn, Bà-la-môn, nên nay phải thọ quả khổ như thế.

6) — ĐỊA-NGỤC NƯỚC SẮT CHÁY ĐỎ. — Quỷ-xứ bắt tội-nhân vắn cổ bằng giây sắt cháy đỏ, rồi liệng vào địa-ngục này.

Tội nhân trong địa-ngục này, kiếp trước bắt chim vắn cổ, nhổ lông, bẻ giò, nên nay phải sa-đọa trong địa-ngục này.



7) — ĐỊA-NGỤC TRẤU. — Trong địa-ngục này có đầy nước trong, tội nhân bị hành đốt nóng, thấy nước trong muốn uống cho mát, khi uống vào, nước thành trấu cháy nóng thiêu thân-mình.

Tội-nhân trong địa-ngục này, kiếp trước dùng trấu trộn lộn với lúa để bán cho kẻ khác, nên nay phải bị hành-phạt như vậy.

8) — ĐỊA-NGỤC LAO. — Quỷ-xứ dùng lao, đâm, chém, đứt làm nhiều đoạn.

Tội nhân này, trước kia trộm, cướp của, tiền, gạo, lúa, trâu, bò để nuôi sống, nên nay phải bị hành phạt như vậy.

9) — ĐỊA-NGỤC VŨ KHÍ CHÁY ĐỎ. — Quỷ-xứ trói tội-nhân bằng dây sắt cháy đỏ khi tội-nhân té nằm, quỷ-xứ dùng các khí giới đâm, chém, đập, bửa v. v . . .

Tội-nhân trong địa-ngục này, bởi kiếp-trước giết thú, heo, gà, vịt, tôm cá . . v . . v . . đem bán, nên nay phải sa vào địa-ngục này.

10) — ĐỊA-NGỤC PHẦN VÀ NƯỚC TIÊU. — Tội-nhân khi quá đói khát, quỷ xứ liệng vào địa-ngục này cho ăn phần và uống nước tiêu.

Người nào kiếp trước quên ơn thầy, phản bạn và trộm của ân-nhân, nên phải sa trong địa-ngục này.

1) . — ĐỊA-NGỤC MÁU VÀ MŨ. — Quỷ-xứ, bỏ tội-nhân trong địa-ngục này, cho ăn máu và mũ làm cơm.

Địa-ngục này, dành cho kẻ giết mẹ cha, chưởi mắng Tỷ-khưu.



12)— ĐỊA-NGỤC HÀNH NGƯỜI GIAN-XẢO.—  
Quý-xứ dùng móc lưỡi cho chảy nước miếng, rồi lấy  
búa đập tay, chân tội nhân.

Tội nhân trong địa-ngục này, trước kia gian-xảo  
bán đồ quá giá, miệng nói lời dịu ngọt cho họ mua lầm.

13).— ĐỊA-NGỤC NÚI SẮT.— Quý-xứ liệng tội-  
nhân trong địa-ngục đồng sôi hoặc bị núi sắt ép, thân  
hình toàn là máu mủ.

Những phụ-nữ nào, mất trinh thất tiết với chồng,  
thông - dâm với kẻ khác, nên phải sa trong địa - ngục  
này.

14)— ĐỊA-NGỤC HẦM THAN LỬA.— Quý-xứ  
hành tội nhân bằng vũ-khí đâm, chém v . . v . . . rồi liệng  
trong địa-ngục than lửa cháy đỏ.

Địa-ngục này, dành cho người tà-dâm vợ con kẻ  
khác.

15)— ĐỊA-NGỤC TÀ-KIẾN.— Những người thấy  
không chơn-chánh là hiểu rằng : Bồ-thí không có quả-  
phước, cúng-dường, làm lành, gây dữ không có quả-báo,  
mẹ cha không phải là mẹ cha, đời này đời sau không có,  
v.v... phải sa địa-ngục này.

Vị trời MĀTALĪ tâu với đức vua NEMIRĀJA rằng :  
Chúng-sanh vì vô-minh ái-dục không rõ đời là tội khổ,  
gây biết bao nghiệp-ác, nên phải chịu muôn vàn khổ-não  
như thế, Hoàng-thượng đã xem thấy rõ, khi trở về thế-  
gian nên tỏ bày cho nhân-gian biết.

Nói về đức Đế-thích, dùng nhãn-thông xem thấy



MĀTALĪ đang đưa đức NEMIRĀJA quan-sát địa-ngục. Ngài nghĩ rằng địa-ngục rất nhiều, nếu xem cho đều đủ, thì vua NEMIRĀJA phải thăng-hà trước khi lên thiên-cung, nên Ngài sai vị trời MAHĀJAVANA đến triệu về.

Khi MĀTALĪ được lệnh đức Đế-thích, bèn tâu với đức NEMIRĀJA rằng lệnh Hoàng-thượng đã xem sơ-lược địa-ngục rồi, tôi xin đưa Ngài lên cõi trời.

Vị trời MĀTALĪ lái xe đến một dinh-thự có hào-quang sáng ngời rực-rỡ. Vị trời MĀTALĪ tâu rằng : đây là dinh của một thiên-nữ. Thuở Phật KASSAPA ra đời, nàng là một nô-tỳ của một triệu-phú Bà-la-môn. Ông Bà-la-môn này, muốn trai-tặng bố-thí đến chư sư, bèn lấy 1.000 lượng bạc dạy vợ con đi mua thực-phẩm. Vợ con không vừa lòng làm theo, ông Bà-la-môn liền bảo người nô-tỳ ; cô tớ gái này rất hoan-hỉ, đi chợ sắm đủ các thức ăn, đem về làm ra bữa trai-tặng, có đủ thực-phẩm quý. Cô tớ rất vui thích với sự bố-thí đó, đến khi mạng-chung, được sanh lên là vị thiên-nữ trong dinh-thự này, có các thiên-nữ tùy-tùng hầu hạ.

Vị trời MĀTALĪ, liền lái xe chạy tới nữa, thấy 7 tòa lầu chiếu ánh sáng đủ 7 báu, có rất nhiều thiên-nữ hầu-hạ. Đức vua NEMIRĀJA xem thấy rất thỏa-thích bèn xin vị trời MĀTALĪ giảng cho biết sự-tích.

— Tâu lệnh Hoàng-thượng : Hồi Phật KASSAPA, có một vị trưởng-giả, tên SONADINNA, ngụ xứ KĀSI-KARĀJA, phát tâm trong sạch cắt 7 chánh-diện dâng đến chư-tăng và cúng-dường đủ 4 vật-dụng. Ông trưởng



giả tín-thành lo sẵn sóc 7 Chánh-diện đó cho đến khi thác, sanh lên làm chủ 7 tòa lầu đài này, thật là sang-trọng.

Vị trời MĀTALĪ, lái xe đến trước gặp một tòa lầu to lớn, cao 25 do-tuần toàn là ngọc pha-ly sáng rỡ, có cả thiện-nam, thiên-nữ, ca-xang thật là vui thú.

Đức NEMIRĀJA xem thỏa-mãn, cầu MĀTALĪ giảng cho biết.

— Tâu : Chư-Thiên ở trong tòa lầu to bằng toàn ngọc pha-ly, có rất đông chư-thiên hầu-hạ vui thú đó, là do tiền-kiếp đã tạo nhiều nghiệp-lành : bố-thí, trì-giới và thọ bát-quan-traí cho đến ngày cùng, nên được sanh lên ở tòa lầu quý-báu như thế.

Vị trời MĀTALĪ lái xe chạy tới trước cho đức NEMIRĀJA xem các dinh-thự của chư-thiên bằng ngọc pha-ly, sa-cừ, mã-não, san-hô, hổ-phách, v . v . . . có hào-quang chiếu diệu xem rất ngoạn-mục.

Đức NEMIRĀJA hỏi về tiền-kiếp của chư-thiên này.

— MĀTALĪ tâu : Chư-thiên đó, thuở làm người trong thế-gian, đời Phạt KASSAPA có bố-thí, trì-giới, dâng vật dụng đến chư tăng hằng ngày và thọ Bát-quan-traí trong sạch, lập chùa, cất tịnh-thất. Sau khi bỏ ngũ uẩn, được sanh về cõi này, ngự trong các tòa lầu cao đẹp toàn bằng bảy báu, có nhiều ngọc-nữ hầu-hạ, ca-xang múa-hát ngày đêm, như thế.

Đức Đế-thích dùng nhãn-thông thấy MĀTALĪ đang lái xe cho đức NEMIRĀJA xem các dinh thự chư-



thiên, Ngài bèn nghĩ rằng : Nếu MĀTALĪ cho đức NEMIRĀJA xem hết các lầu đài của chư-thiên, thì tuổi thọ của Ngài phải hết trước. Đức Đế-thích liền sai vị khác đến triệu MĀTALĪ về gặp.

MĀTALĪ được lệnh, liền quày xe lên Đạo-lợi thiên cung. Xe đang bay trên hư không, đức NEMIRĀJA xem thấy 7 tầng núi chập-chồng, chung quanh tu-di sơn vương (MERURĀJA PABBATO) ; có biển SĪDHANTARA nước rất trong và rất sâu, không có thể dùng vận tải gì mà qua biển đó được cả, vật chi sa trong biển phải chìm ngay.

— Đức NEMIRĀJA muốn biết rõ, bèn hỏi vị trời MĀTALĪ rằng :

— Biển và núi đó tên là gì ?

— Tàu 7 lớp núi cao từng bậc theo thứ-tự, từ thấp đến cao, nhất là núi SUDASSANA, KHOKĀRA v... v...

1) — SUDASSANA

2) — KHOKĀRA

3) — VIKAYUGUNADHARA

4) — NEMINADARA VINANTAKA

5) — HASSAKANNA.

Nước biển SĪDHANTAVA chảy theo các khoảng, núi đó là nơi du-lãm của GANDHABBA (1) và dạ xoa là nơi cư ngụ của các đạo sĩ SĪDHIVIDYĀDHARA và

---

(1) Càng-thất-bà.



các KINNARA (mình chim đầu người).

Lên đến Đạo-lợi cung, vua NEMIRĀJA thấy nhiều hình ảnh của đức Đế-thích chung quanh Tu-di sơn vương.

— Đức NEMIRĀJA hỏi do nhân nào như thế ?

— MĀTALĪ tâu : đó là đề ngừa, không cho bọn nghịch đến phá, nhất là hạng A-tu-la thiên, khi lên núi thấy ảnh của đức Đế-thích thì sợ.

Vào đến phước-xá SUDHAMMĀ DEVASABHĀ có cả chư-thiên sẵn chờ đón tiếp và thỉnh đức NEMIRĀJA xuống xe vào trong phước-xá.

Đức Đế-thích mời ngồi và tâu rằng : « Xin thỉnh đức vua ở lại hưởng ngôi-vàng chung với trăm, đừng trở về nhân-gian làm gì ».

— Đức NEMIRĀJA tâu : Tôi không dám ; Vì chẳng phải là phước tôi tạo. Người không làm phước mà thọ của kẻ khác, ví như người ăn xin. Tôi chỉ mong cố-gắng tạo phước báo, bố-thí, trì-giới, tham-thiền, rồi quả lành sẽ đến cho tôi, mới là chánh-đáng.

— Đức Đế-thích và chư-thiên thỉnh-cầu đức NEMIRĀJA thuyết-pháp.

— Thuyết-pháp xong, Ngài tán-dương ân-đức của MĀTALĪ ; nhờ vị MĀTALĪ nên Ngài thấy rõ địa-ngục là nơi hành-phạt những kẻ đã gây nghiệp-ác và được xem các dinh-thự chư-thiên có hào-quang chói lợi, mong chỉ được nấy, cũng do các Ngài tạo đủ phước nơi kiếp trước.

Ngự tại Đạo-lợi thiên cung 7 ngày (tính theo ngày



ở thế-gian) rồi đức vua NEMIRĀJA từ biệt đức Đế-thích và chư-thiên trở về nhân-gian.

Đức Đế-thích cho MĀTALĪ lái xe đưa đức NEMIRĀJA về đến thành MITHILĀ.

Các triều-thần vào lạy mừng và tâu hỏi thăm về cõi trời Đạo-lợi.

Đức NEMIRĀJA giảng thuyết khen cõi trời rất là hạnh phúc, cùng là cảnh đẹp an vui v.v..

Nếu ai mong được sanh về cõi trời, cần phải tu hành tinh-tấn, nghe pháp, bố-thí, trì-giới, thọ Bát-quan-trai cho trong sạch, khi chết nhờ cái phước đã tạo, chắc sẽ thọ sanh trên dục-giới thiên.

Đức NEMIRĀJA không say mê sự nghiệp đế-vương Ngài dặn thợ cạo, khi thấy một sợi tóc bạc của trâm, thì cho trâm hay. Không bao lâu, thợ cạo nhổ một sợi tóc bạc dâng lên cho Ngài xem thấy sợi tóc bạc, Ngài giựt mình, biết là già yếu rồi, ta không còn sống bao lâu nữa, tử-thần sẽ đến tìm ta. Vậy ta phải xuất-gia hành đạo.

Hoàng-tử quì tâu: phụ-vương, do nhân nào mà phụ-vương đành bỏ con đi xuất-gia. Cầu phụ-vương từ-bi cho con biết trước.

Đức NEMIRĀJA phán rằng :

UTTAMAN GARUKĀMEYHAN . . . . . PABBAJĀ  
SAMAJO MANANTI.



Nầy con ! phụ-vương nay đã già rồi, tóc bạc nầy là kẻ đem tin thứ nhì, đã phát-sanh rõ-rệt, cha đã qua khỏi tuổi trung-niên rồi. Cha đang vào thời kỳ đến tay tử-thần, không sao cầu-thả như trước được. Nay đến thời kỳ cho cha xuất-gia tu-hành, con hãy ở lại an-vui Ngài bèn làm lễ tôn-vương cho Hoàng-tử. Chỉ dạy, dặn-dò xong, Ngài xuất-gia làm đạo-sĩ, ngự tại ngự-uyển tham-thiền pháp « Tứ vô lượng-tâm » đến khi mạng-chung được lên cõi trời Phạm-thiên.

Dòng dõi đế-vương nầy, phụ-truyền tử-kế và xuất-gia liên-tiếp được 8.400 vị.

Đức Cáo chủ Thích-Ca Mau-Ni đã dẫn cổ-tích, giảng thuyết như thế, Ngài bèn gọi chư-tăng và giảng tiếp rằng : Chẳng phải Như-lai chỉ xuất-gia hành-đạo Ba-la-mật trong kiếp nầy mà thôi. Trong các tiền kiếp, Như-lai cũng có xuất-gia tu Thập-độ vậy.

Ngài hợp tiền-kiếp lại như vậy . Thuở ấy, Đức Đế-thích nay trở lại là ANURUDDHO (A-nậu lâu đà) vị trời MĀTALĪ nay là ANANDA, tất cả 8.400 vị vua nay là hàng Phật tử. Đức NEMIRĀJA nay là AHAM EVA Như-lai SAMMĀSAMBUDDO giác ngộ Chánh-biến-tri như thế.

DỨT TRUYỆN BỒ-TÁT NEMIRĀJA



MAHOSATHA JĀTAKA  
TRUYỆN MAHOSATHA  
BỒ-TÁT TU HẠNH TRÍ-TUỆ BA-LA-MẬT

---

PAÑCĀLO SABBASENĀYĀTI IMAN DHAMMA-  
DESANAN SATTHĀ JETAVANE VIHARANTO  
PAÑÑĀPĀRAMĪ ARABBHA KATHESI.

Thuở đức Giáo-chủ ngự trong Kỳ-viên tịnh-xá, Ngài thuyết về tích MAHOSATHA Bồ-tát tu hạnh trí-tuệ Ba-la-mật, nhất là :

PAÑCĀLO SABBASENĀYA ITI...

Hi — Giảng-thuyết rộng ra rằng : EKADIVASAM.  
Một ngày nọ đức Thế-Tôn gọi : Nầy các tỷ-khuru rằng :

Trong thời quá-khứ có một vị Hoàng-đế danh là  
VIDEHARĀJA thống-trị trong thủ-đô MITHILĀ. Đức  
vua có 4 vị giáo-sư là : SENAKA, KAMINA, DEVINDA,  
và PAKU.

Một đêm kia, đức vua nằm mộng thấy như có 4 đám  
lửa cháy lên ngọn bằng nhau. Có một tia lửa nhỏ bằng  
con đôm-đốm, ở giữa 4 đám lửa ấy, phực cháy lên ánh  
sáng rực-rỡ chiếu-diệu 4 phương trời (chỉ cõi phạm-thiên)

Chúng dân đều đem lễ-vật đến cúng-dường, đi dập  
trên ngọn lửa đó, nhưng không bị phỏng. Khi vua tỉnh giấc  
cho đòi 4 vị giáo-sư vào dạy đoán điềm mộng của Ngài.

Bốn vị giáo-sư tâu : Bốn đám lửa to, tức là 4 chúng  
tôi, thường hầu hạ lệnh Hoàng-thượng mỗi ngày đây.



Còn tia lửa nhỏ chiếu sáng 4 hướng, cao tột trời che án 4 chúng tôi là bậc có nhiều trí tuệ.

Nói về đức Bồ-tát từ cung trời Đạo-lợi giáng-sanh vào lòng bà SUMANADEVĪ vợ ông triệu-phú SIRIVADDHANASETTHI ở phía đông thành vua. Lúc ấy, cũng có 1.000 vị trời cùng giáng-sanh với đức Bồ-tát, làm con của 1 000 tiểu-phú gia ở gần đó.

Đến kỳ khai hoa, đức Đế-thích xuống để một hoàn thuốc vào tay đức Bồ-tát. Sanh ra khỏi lòng mẹ, đức Bồ-tát có cầm hoàn thuốc, mẹ Ngài thấy vậy hỏi con cầm vật chi trong tay ?

— Bồ-tát tuy mới sanh mà biết nói, đáp : Thừa mẹ đây là vị thuốc, ai có bệnh chi uống cũng mạnh. Lập tức, mẹ Ngài cho mài thuốc, bảo đem chõng uống, vì ông triệu-phú mang bệnh đã 7 năm mà chữa không lành. Khi uống vào thì ông triệu phú bình-phục như xưa. Do đó mà đặt tên Bồ-tát là MAHOSATHA.

Từ đấy tiếng đồn ai có bệnh chi đến xin uống đều lành cả.

Lên 7 tuổi, đức Bồ-tát thường hiệp chơi với 1.000 trẻ nhỏ, con của tiểu-phú gia. Một ngày nọ, đang cùng nhau chơi ngoài trời, bị trận bão to, các trẻ đều sợ chạy tìm đục mưa gió, đức Bồ-tát có sức mạnh hơn nên chạy đến trước mấy trẻ nhỏ kia chạy sau, bị mưa gió to, té khóc. Sau lúc đó, đức Bồ-tát bèn nói với các trẻ kia rằng: Chúng ta hãy nên dậu tiền mỗi người một lượng để cắt



phước-xá, các trẻ đồng-ý. Được 1.000 lượng luôn cả đức Bồ tát, rồi muốn thợ cắt 5 phước-xá.

- 1/— Phước-xá dành cho các thầy Sa-môn, Bà-la-môn;
- 2/— Phước-xá dành cho người thương-mãi ;
- 3/— Phước-xá dành cho kẻ nghèo đói và phụ-nữ mang thai ;
- 4/— Phước-xá để giảng-đạo phá nghi những điều khó hiểu ;
- 5/— Phước-xá cho các diễn-kịch viên.

Cắt xong, cho thợ vẽ nhiều bức tranh ảnh rất có mỹ-thuật (có ao sen trồng đủ thức cây, vườn hoa, hồ tắm) trông thật ngoạn-mục, như trên thiên-cung.

Những hành-khách được đến đó đều ghé vào nghỉ mát, ngắm cảnh như ý muốn. Đức Bồ-tát thường chăm-nom, săn sóc và có trữ đủ các thức ăn, uống, tắm rửa cho hành-khách. Ai có điều chi nghi ngờ, đều được đức Bồ-tát giảng-giải phá nghi, theo ý-nguyện.

Nói về đức vua VIDEHARĀJA, hằng tưởng nhớ đến lời dự-đoán của 4 vị giáo-sư, nên cho quan-quân đi xem xét 4 phương, để tìm nghe tin-tức bậc trí-tuệ. Các thám-tử, dò xét đến hướng Đông, gặp các phước-xá của đức Bồ-át, muốn thợ cắt thật là đẹp. Hỏi han thì chúng dân cho biết những phước-xá này, không phải tự-nhiên mà thợ làm được. Nhờ MAHOSATHA KUMĀRA (1) mới lên 7 tuổi, có nhiều trí tuệ, dạy cho thợ cắt và vẽ

---

(1) trẻ MAHOSABHA



tranh ảnh đó. Vị thám-tử nghe qua, rồi tính từ ngày đức vua năm mộng đến nay là 7 năm, nên định chắc rằng đây là bậc trí-tuệ ứng-nghiệm theo điềm-mộng của vua. Vị thám-tử bèn viết số tau lên vua rõ.

Đức vua hỏi ý-kiến 4 vị giáo-sư, các vị này sợ có bậc trí-tuệ đến thì mình sẽ mất lợi, nên tau rằng: «Xin đề cho quan-quân xét nét rồi sẽ hay. Chớ sự cất phước-xá dù tốt đẹp đến đâu ai cũng có thể tạo được ».

Đức vua nghe theo nên truyền cho thám-tử ở lại trong nơi đó, chờ xem coi có chi lạ nữa chẳng.

1. — Một ngày kia, có người lái bò ở gần đấy thả bò cho ăn, còn anh chàng thì nằm nghỉ dưới bóng cây rồi ngủ quên. Kẻ trộm thấy vậy dẫn bò đi. Người chủ thức không thấy bò, tìm xem biết kẻ trộm dắt bò đi. Anh chủ bò rước theo kịp, đòi bò lại. Kẻ trộm cũng đành là bò của y. Hai người cãi nhau đến gần phước-xá của đức Bồ-tát, Ngài nghe biết rõ là của ai, nhưng, muốn cho công chúng phân-minh, Ngài bèn hỏi kẻ trộm rằng :

— Bò này anh mua từ đâu ?

— Thưa, bò này của tôi, sanh ra tại nhà ;

— Anh cho nó ăn vật chi ?

— Thưa, tôi cho nó ăn cháo hoặc đậu.

Ngài hỏi đến chủ bò :

— Anh được bò này tại đâu ?

— Tôi đã mua nó tại làng kia, có nhiều người nghe thấy.



— Anh cho nó ăn vật chi ?

— Thưa, tôi nghèo chỉ cho nó ăn cỏ.

Đức Bồ-tát dạy người đem cháo đậu và cỏ để coi bò ăn vật nào. Thấy rõ, nó chỉ ăn cỏ, theo lời khai của chủ bò, nên chủ được trả bò lại. Phần đông bèn đánh đập kẻ trộm rồi đuổi đi.

2.— Có một phụ-nữ nghèo đến hồ tắm của đức Bồ-tát, thay y-phục để trên bờ hồ, rồi xuống tắm. Có cô nọ thấy vậy phát tâm tham, đi ngay đến hỏi thăm rồi lấy áo quần mặc thử, xong, mang đi luôn. Người nữ đang tắm, bèn lên đuổi theo nắm kéo lại la rằng : Cô này lấy đồ của tôi. Cô trộm y-phục cái rằng là của y. Phần đông nghe đều hội lại xem coi. Đức Bồ-tát đang chơi với 1.000 trẻ em, nghe cãi nhau như thế liền hỏi :

— Hai cô bằng lòng cho tôi xử-đoán dùm cho chăng ?

— Thưa, chúng tôi vừa lòng lắm.

Bồ-tát bèn hỏi cô trộm rằng : Vật này cô ướp bằng mùi gì ?

— Thưa tôi ướp bằng các mùi hoa thơm.

Bồ-tát hỏi cô chủ, cô thăm y bằng vật gì ?

— Thưa tôi chỉ thăm bằng mùi hoa thường.

— Đức Bồ-tát bèn dạy nhờ người nữ khác, biết mùi ngửi thử coi, rõ thật chỉ có mùi hoa thường.

— Bồ-tát dạy trả âu-phục lại cho cô chủ và Ngài khuyên cô trộm y chẳng nên làm nghiệp xấu xa như vậy nữa.



Từ đó, tiếng đồn đức Bồ-tát, là bậc trí-tuệ phi-thường.

3— Có một phụ-nữ ẵm con đi tắm, rồi để con nằm trên y, cô xuống tắm trong hồ sen.

Trong lúc đó, có một dạ-xoa nữ thấy, muốn bắt đứa bé để ăn thịt, nên biến làm một cô gái đến hỏi đứa bé ngộ-nghĩnh, rồi ẵm nựng, chốc-lát bỗng đứa bé đi luôn.

— Thấy vậy, người mẹ lên đuổi theo kiếp la rằng :  
Tại sao bỗng con tôi đi đâu ?

— Đây là con của tôi, nào phải con của cô. Khi cả hai phụ-nữ cãi nhau, đến trước phước-xá của đức Bồ-tát. Bồ-tát mời vào, rồi thấy cử-chỉ của phụ-nữ, Ngài biết rõ tự-sự, Ngài bèn hỏi rằng : Hai cô có muốn tôi phán-đoán dùm cho chăng ?

— Cả hai cô đồng bằng lòng.

— Bồ-tát dạy để đứa bé nằm xuống, rồi bảo dạ-xoa nắm tay trẻ, mẹ thiết nắm chân trẻ. Ngài tuyên-bố người nào dành được là mẹ của đứa trẻ này. Hai phụ-nữ kéo qua niu lại, làm cho đứa trẻ đau đớn, khóc la, Người mẹ thấy con khóc, động lòng từ-bi buông con ra, đứng dậy than van không nỡ làm cho con đau-khổ.

Khi ấy, đức Bồ-tát tuyên-bố rằng : Lệ thường phụ-nữ không phải là mẹ thì không lòng thương xót con trẻ. Phụ-nữ bắt được đứa trẻ là kẻ trộm. Cô kia là mẹ thực vì cố tâm tội-nghiệp con.

Đức Bồ-tát hỏi dạ-xoa nữ vì sao mà cô lại trộm con của người ?



— Thưa, tôi mong ăn thịt nó.

— Này phụ-nữ ác, từ đây người không nên tạo nghiệp-dữ nữa. Vì kiếp trước người là kẻ ác, nay mới luân-hồi làm dạ-xoa. Người làm như vậy có nên chăng? Đức Bồ-tát khuyên bảo dạ-xoa rồi dạy thọ-trì ngũ-giới.

Người mẹ đưa trẻ hết lòng cảm tạ đức Bồ-tát, rồi từ biệt ẵm con ra về.

4 — Có một thanh-nam tên là AGOTRAKĀLA lùn, đi làm thuê 7 năm mới cưới được vợ, trang điểm xinh đẹp, dẫn vợ về quê hương. Đến một con sông, cả hai vợ chồng đều sợ, không dám lội qua, Lúc đó có một anh nhà nghèo danh DIGHAPITTHĪ lưng dài, cũng vừa đến nơi ấy. Anh lùn bèn hỏi: Anh ôi! Sông này sâu hay cạn?

— Biết là người sợ nước, nên dối rằng: Sông này sâu lắm, có cả cá dữ.

— Anh có thể qua sông này được chăng?

— Tôi thường qua lại, sấu và cá dữ đã quen nhau với tôi rồi, không làm gì tôi đâu.

— Vậy, anh có thể đưa chúng tôi qua bên kia bờ được chăng?

— Được, không sao đâu, mà thầy và cô muốn tôi đưa ai qua trước?

— Đưa vợ tôi trước.

— Được, rồi DIGHAPITTHĪ liền khò m công vợ anh lùn xuống sông, lúc ra xa bờ, anh này giả bộ rùng xuống làm cho anh kia thấy là sông sâu; rồi khuyên vợ anh



lùn nên lấy anh làm chồng, vì anh giàu sang, có tài tở đông đủ. Bị gặt như vậy, vợ anh lùn hoan-hỉ ưng thuận. Khi qua đến bờ rồi, bèn dắt nhau đi luôn. Thấy thế, sợ mất vợ, anh lùn liền lội đại xuống sông, nhưng rồi lại sợ, trở lên đôi ba lần như vậy. Cuối cùng, vì quá yêu vợ nên liều chết, ra đến giữa sông mới rõ rằng cạn, anh chàng lên rượt theo kịp, la bảo anh lưng dài phải trả vợ lại. Hai bên cãi cọ nhau đến phước-xá của đức Bồ-tát.

— Bồ-tát dạy kêu hai bên vào, rồi hỏi anh lưng dài trước :

— Anh tên họ gì, cha mẹ vợ tên gì, làm nghề gì, vợ anh tên chi ?

— Rồi Ngài hỏi đến anh lùn vợ anh tên gì, cha mẹ vợ tên gì ?

Kế Ngài hỏi đến người phụ-nữ, biết rõ phía nào phải.

Đức Bồ-tát xin công-chúng nghe và hiểu giùm coi ai phải ai quấy.

Ngài hỏi DĪGHAPITTHI rằng : Có phải anh là người cướp vợ người chẳng ?

— Dạ phải.

— Anh chẳng nên làm việc xấu như vậy nữa ? Bồ-tát dạy giao vợ lại cho anh ĀGOTRAKĀTA. Công-chúng rất khen-ngợi đức Bồ-tát là bậc trí-tuệ.

Vị thám-tử vâng lệnh vua ở lại quan-sát hành-vi của Bồ-tát, có dâng sớ về đền tâu cho vua rõ tất cả những phán-đoán của đức Bồ-tát. Đức vua được tin như thế,



bèn hỏi ý 4 vị giáo-sư. Họ đồng tâu: Xin đức vua nên chờ xem đã.

5.— Có một người chủ xe, đem xe đi gần vườn rồi đi tắm. Đức Đế-thích xem thấy nghĩ rằng để ta làm cho trí-tuệ của đức Bồ-tát (là dòng-dõi của Phật) rõ-rệt trong đời. Ngài hiện xuống trộm chiếc xe, đem khỏi nơi ấy. Người chủ xe sau khi tắm xong, không thấy xe. Xem kỹ thấy người trộm đang đem xe đi. Đuổi theo kịp, người chủ đòi xe lại. Hai bên đều viện lẽ là xe của mình, cãi nhau đến phước-xá của đức Bồ-tát. Đức Bồ-tát dạy mời người vào, rồi Ngài xem qua, rõ chắc ai là chủ xe. Ngài hỏi hai người có vui lòng cho tôi xử-đoán chăng?

— Thưa, chúng tôi chịu

— Bồ-tát dạy ai chạy theo kịp xe là của người đó.

— Chủ xe theo kịp một lúc rồi một theo nữa không nổi.

— Về phần đức Đế-thích đuổi theo kịp xe, chẳng thấy một nhọc chi cả.

Đức Bồ-tát cho công-chúng biết rằng: người theo kịp xe mà không mệt nhọc chi cả, đó là đức trời Đế-thích trên Đạo-Lợi thiên-cung, rồi Ngài hỏi lại đức Đế-thích rằng: Có phải Ngài là đức Đế-thích hiện xuống đây chăng?

— Này cháu là bậc trí-tuệ, thật vậy, ta là trời Đế-thích

— Do nhân nào mà ngài đến đây làm như thế?

— Vì ta muốn cho trí-tuệ của Bồ-tát thêm rõ-rệt.



Xong ngài bay lên hư-không, tuyên-bố khen ngợi trí-tuệ Ba-la-mật của Bồ-tát, rồi Ngài trở về trời.

Về phần vị đại-thần trở về trào tâu với đức vua VIDEHĀRĀJA rằng : Tâu Hoàng-thượng, em MAHO-SETHAPANDITA xử-đoán thật là phân-minh theo công lý, cho đến đức Đế-thích hiện xuống thứ cũng cho là bậc trí-tuệ phi-thường.

Đức vua VIDEHĀRĀJA bèn phán hỏi 4 vị giáo-sư rằng : Nên mời em trí-tuệ đến hay thế nào ?

— Tâu, để chờ xem thêm nữa đã.

Đức vua VIDEHA cũng mặc-tưởng (1)

Ngày nọ, đức vua muốn thử thách MAHOSATHA-PANDITA, dạy người chuốc cây bằng thặng 2 đầu, rồi gọi đến hỏi dân trong làng Bồ-tát, ai biết đầu nào là gốc ngọn. Người biết phân-biệt rõ-rệt, trăm sẽ ban thưởng 1.000 lượng. Nhân-dân trong làng không một ai phân-biệt được, bèn đem đến cho triệu-phú SIRIVADDHANA (cha Bồ-tát) Vị triệu-phú gọi Bồ-tát đến, rồi trình-bày khúc cây đó. Bồ-tát đem khúc cây thả trong nước, đầu chìm trước, đầu chìm sau và Ngài hỏi công-chúng rằng : Lệ thường, (cây) đầu gốc nặng hay đầu ngọn nặng ?

— Thừa phía gốc nặng hơn.

— Phải rồi, gốc nặng hơn ngọn.

Cha của Bồ-tát tâu lên đức vua rõ. Đức vua rất thỏa-thích.

---

(1) nín thỉnh



6.— Lần này, đức vua gọi hai cái đầu người, dạy dân-chúng quan-sát coi đầu nào của phụ-nữ, đầu nào của người nam.

Chúng dân tìm không ra, nên đem đến đức Bồ-tát. Ngài giải rằng : Lệ-thường đầu của phụ-nữ có đường tóc rẽ cong, còn đầu của người nam thì đường tóc rẽ ngay. Các người trả lời như thế đi.

Đức vua được nghe rất khen và hỏi ý-kiến 4 vị giáo-sư, họ cũng tâu vua để chờ xem nữa đã.

7.— Đức vua dạy dân làng Bồ-tát phải nạp bò có sừng nơi chun, có đuôi ở đầu,, kêu mỗi ngày 3 lần. Nếu kẻ nào không nạp sẽ bị phạt 1.000 lượng.

Đức Bồ-tát dạy : Điều nói có sừng ở chân tức là cựa gà, có đuôi ở đầu tức là mõng gà, kêu mỗi ngày 3 lần không gì tức là gà gáy,

Đức vua nghe được rất hoan-hỉ

Đã nhiều lần thấy Bồ-tát MAHOSATTHA trả lời đứng đắn theo câu hỏi, đức vua hết lòng hoan-hỉ, chỉ mong mau được gặp mặt Bồ-tát, nên bàn với 4 vị giáo-sư. Họ cũng ngăn cản nữa. Phen này không cần hỏi nữa, Ngài dạy dọn long-xa cho Ngài ngự đi rước Bồ-tát. Ra khỏi thành không bao xa, ngựa bị vấp chân té, đi không tiện nên phải trở về. Bốn vị giáo-sư vào chầu thăm vua và tâu rằng : Vì không nghe lời tâu của hạ-thần, nên hoàng-thượng mang tai-nạn như thế. Tâu lệnh hoàng-thượng, không cần hoàng-thượng phải ngự xe khỏi đền, Ngài chỉ gọi câu đố rằng : Ngày trước trăm ngự đi tìm



cháu, ngựa bị vất té, nên phải hồi trào. Cháu phải gởi ngựa tốt hoặc ngựa hay hơn cho trăm ». Nếu cháu MAHOSATHA vào châu hạ, bằng không sẽ có ông triệu-phú cha MAHOSATHA đến châu. Ngựa tốt tức là cháu MAHOSATHA ; ngựa hay hơn tức là thân-sanh của MAHOSATHA. Nếu cháu MAHOSATHA là bậc trí tuệ thật cháu sẽ đến, bằng không cũng cho thân-sanh vào châu. Bốn vị giáo-sư tâu như vậy, đức vua bèn làm y theo.

Khi Bồ-tát MAHOSATHA được lệnh vua như thế, liền hiểu rằng đức vua muốn cho Ngài vào đến. Ngài bèn đến thưa với thân-sanh rằng : Thưa, cha nên cầm hộp trăm đựng đầy sữa và mật ong vào châu vua cùng với 1.000 tiểu-phú-gia. Khi vào châu, vua mời ngồi rồi, lúc cha thấy con ngó cha, cha nên đứng dậy, tránh khỏi nơi ấy, rồi gọi con đến ngồi nơi ghế của cha đã ngồi trước đó, ấy là câu thai cao-thượng.

Khi vào châu, đức vua mời ngồi xong, hỏi thăm đến Bồ-tát.

Vị triệu phú tâu : con hạ-thần sẽ vào sau. Đức Bồ-tát diễm-trang rất đẹp, đi đến đâu dân chúng đều ngoạn-mục. Vì ngài còn bé mà trí-tuệ nhất trong đời, có cả 1.000 thiếu-nam tùy-tùng. Ngài thấy một con lừa ăn cỏ gần thành nội. Ngài dạy người bắt, buộc miệng không cho nó la được, lấy chiếu đắp trên mình nó và dẫn theo sau Ngài.

Đến sân rồng, Bồ-tát liếc xem cha Ngài, vị triệu-phú thấy, liền đứng dậy nhường chỗ cho đức Bồ-tát. Bồ-tát



bền đến ngồi chỗ cha Ngài, những người thiếu trí-tuệ, nhất là 4 vị giáo-sư bền vỗ tay cười nhạo rằng : đó là bậc trí-tuệ nhất của Hoàng-thượng. Xem coi cha đứng dậy nhường chỗ để mời con ngồi có đúng chẳng ? thật là một trẻ ngu ngốc, như thế phần đông có đáng khen là bậc trí-tuệ chẳng?

Đức vua nghe thấy nhiều người nhạo báng, Ngài rất hổ thẹn ngó xuống.

Đức Bồ-tát tâu hỏi đức vua vì sao lệnh Hoàng-thượng hồ-ngươi ?

— Trước kia trăm hăng khen cháu là bậc trí-tuệ trong đời. Nay thấy cháu làm những chuyện không hay như vậy, nên trăm buồn ; vì cháu bảo cha cháu đứng dậy, rồi cháu lên ngồi trên ghế của cha cháu, bởi cha là cao quý hơn con đủ cả mọi phương-diện.

— Tâu, lệnh Hoàng-thượng có ra lệnh phải đem ngựa tốt hoặc ngựa hay nhất chẳng ? rồi Bồ-tát dạy người dẫn con lừa lúc này đem vào cho nằm gần chân đức vua rồi tâu rằng :

Lừa này đáng giá nào ?

— Này cháu trí-tuệ, con lừa này chỉ dùng được để kéo xe, chở đồ mà thôi đáng giá 8 đồng hoặc 8 lượng.

— Tâu, ngựa tốt sanh ra từ lừa cái, đáng giá nào ?

— Này cháu trí-tuệ ! ngựa đó vô-giá.

— Tâu : trước, lệnh Hoàng-thượng phán rằng cha cao quý hơn con đủ mọi phương-diện, thật vậy, con lừa này phải quý hơn ngựa hay. Vì con lừa này, là cha của



con ngựa hay. Nếu cha cao quý hơn con đủ mọi phương diện, thật như thế rồi, con lừa này cũng quý hơn ngựa hay, phải vậy chẳng lệnh Hoàng-thượng ? Nếu lệnh Hoàng-thượng cho rằng cha cao quý hơn con xin Hoàng-thượng dùng cha tôi đi. Nếu con quý hơn cha thì Hoàng-thượng dùng tôi.

Trước lệnh Hoàng-thượng ra lệnh, dạy tôi phải đem ngựa hay dâng.

Nay lệnh Hoàng-thượng thấy rõ rằng cha quý hơn con, lệnh Hoàng - thượng bắt con lừa này để dùng đi, vì lừa này là cha của ngựa hay nhất, quý hơn ngựa tốt. Nếu lệnh Hoàng-thượng cho rằng ngựa hay hơn lừa thì lệnh Hoàng-thượng dùng tôi.

Bốn vị giáo-sư của Hoàng-thượng đây, Hoàng-thượng chọn từ đâu ? Câu thái dễ dàng như thế mà tìm không ra, lại còn nhạo cười toe-toét.

Đức vua nghe lấy làm cảm-phục và rất vui thích. Các quan đại-thần đều nhìn nhận Bồ-tát là bậc trí-tuệ thật, đồng vỗ tay hoan-hô vang rền, có vị lại đem vật quý đến cúng-dường.

Bốn vị giáo-sư tỏ vẻ buồn thiu, hồ-ngươi, gục đầu.

LỜI HỎI.— Đức Bồ-tát là bậc hiền đạo, do nhân nào lại làm như thế ?

ĐÁP.— Không phải bồ-tát làm bị mặt cha ngài đâu. Vì đức vua có ra lệnh dạy phải đem ngựa tốt bằng không thì ngựa hay nhất. Như thế, nên đức Bồ-tát phải làm như vậy. Hơn nữa, là phải làm cho 4 vị giáo-sư biết mình.



Từ đó, đức vua ban - thưởng cho ông triệu - phú SIRIVADDHANASETHĀ và 1.000 tiểu-phú gia, được trọn quyền hưởng lộc trong quận cái ngài ngự. Đức vua cũng không quên ban vật báu đến mẹ của đức Bồ-tát, rồi xin đức Bồ tát làm Hoàng-tử, ngự tại đền với Ngài.

Đức vua phán hỏi Bồ-tát : Này con, con vừa lòng ngự trong đền nội hay ở ngoài thành ?

— Tâu, hạ-thần có rất nhiều kẻ tùy-tùng, hạ-thần xin ở thành ngoại.

— Đức vua bèn cho tạo dinh-thự và ban-thưởng đầy-đủ vật dụng cho Bồ-tát được an vui, cả 1.000 thiếu nam theo hầu Bồ-tát.

Một ngày nọ, chúng dân thấy ánh sáng ngọc mani hiện trong ao sen, liền tâu cho đức vua rõ. Đức vua bèn truyền đòi 4 vị giáo-sư để tìm ngọc mani. Họ dạy tạt nước ao cho cạn để lấy ngọc, mà vẫn chưa thấy ngọc mani.

Đức vua bèn hỏi Bồ-tát có thể tìm được chăng ?

— Tâu, muốn lấy ngọc mani, không khó, xin thỉnh phụ-vương ngự đến đó cùng tôi. Đức Bồ-tát đến mé ao đứng quan-sát thấy rằng ngọc mani trên đọt cây thốt-nốt, rồi tâu rằng : Ngọc mani không có trong ao nước đâu.

— Có sao có ánh sáng trong nước, mà con nói rằng không có ngọc trong đó ?

— Đức Bồ-tát dạy người đem mâm nước đầy để



tại nơi đó, rồi thỉnh đức vua xem, Ngài thấy ngọc mani như thấy trong ao, rồi đức vua hỏi tại sao nói không có ngọc trong ao?

— Tâu, ngọc mani có tại trong ổ quạ, trên cây thốt-nốt. Đức Bồ-tát cho người leo lên đọt cây thốt-nốt, gần phía đông ao nước, lấy ngọc mani trong ổ quạ đem xuống dâng đến đức vua.

Công chúng đồng hoan-hô khen-ngợi đức Bồ-tát và trách 4 vị giáo-sư kia rằng, bảo người tát ao rất nhọc công vô-ích, thật không có bậc trí-tuệ nào sánh bằng Bồ-tát đâu.

Đức vua rất thỏa-mãn, rồi ban thưởng ngọc báu đang đeo trong mình đến Bồ-tát. Còn ngọc mani vừa tìm được đức vua tặng cho 1.000 thiếu nam tùy tùng Bồ-tát.

Đức vua dạy Bồ-tát mỗi khi vào trào phải trang-triêm bằng ngọc báu này rồi phong Bồ-tát làm đại-tướng.

Một hôm, đức vua cùng triều-thần ngự đi ngắm cảnh. Đức vua chợt thấy con cắc-kè to, từ ngọn cây bò xuống thấy đức vua rồi nó gật đầu.

Đức vua hỏi MAHOSATHA Bồ-tát: Con cắc-kè làm gì đó?

— Tâu, nó làm lễ lệnh Hoàng-thượng.

— Đức vua nghe hoan-hỉ bèn dạy người mỗi ngày lấy tiền mua thịt cho nó ăn.

Đến ngày Bát-quan-trai, mua không được thịt, người nuôi nó lấy tiền đáng giá mua thịt buộc vào cổ nó. Từ đó, cắc-kè tự-đắc vì có tiền.



Ngày sau, đức vua ngự đến, thấy con cắc-kè bò xuống gặp đức vua nó ngóc đầu lên, coi bộ tự-đắc. Đức vua hỏi Bồ-tát thế là sao ?

— Tâu, vì con cắc-kè nương-nhờ có tiền. Ngày Bát-quan-trai, người nuôi nó mua thịt không được, nên đem quan tiền buộc vào cổ nó rồi nó ỷ lại như thế.

Đức vua bất bình, dạy người đánh đuổi nó đi. Cũng vì tự-đắc, ỷ lại mà phải chịu khổ.

Có một học-sinh của vị trú danh giáo-sư DISĀPĀ-MOKKHA tên là PĪNGUTTA vừa lòng thầy nên thầy gả con gái cho. Cô thiếu-nữ này rất đẹp. Nhưng PĪNGUTTA là người xấu-số, nên khi về với anh, khiến anh không vừa ý, không chịu đồng-tịch đồng-sàng với vợ, bởi anh là người ít phước. Cách một tuần, sau khi đã làm lễ thành-hôn. Anh PĪNGUTTA xin phép cha mẹ vợ trở về xứ. Đi đường xa mệt nhọc và đói khát, gặp một cây sung có trái chín, anh bèn leo lên bẻ trái ăn. Vợ ở dưới xin vài trái, anh nói : vậy, có chân tay để làm gì ?

Vợ biết chồng không cho, nàng phải trèo lên để kiểm ăn. Anh chồng thấy thế, lén lần xuống đến gốc lấy gai chắt xung-quanh gốc cây sung, rồi bỏ đi mất. Vợ anh xuống không được, kêu la ; khóc kể. Hạnh-phúc cho nàng, ngày ấy có đức vua ngự đi ngoạn cảnh, nghe người than khóc bèn dạy quan quân đi tìm xem và hỏi thăm, rồi đem nàng về cho làm Hoàng-hậu.

Ngày khác, đức vua ngự đi ra khỏi thành, hai bên đường, dân-gian lo quét dọn. Lúc ấy, Hoàng-hậu thấy anh



PINGUTTA là chồng cũ, cũng đang cầm cúi quét đường. Hoàng-hậu cười. Đức vua thấy bèn hỏi: có sao hậu cười?

— Tâu vì thần-thiếp thấy chồng cũ, bỏ thần-thiếp, rồi hôm nay phải bị làm công việc như vậy, nên cười. Đức vua nghe tâu không tin cho nên Ngài thịnh-nộ, rút gươm cầm trong tay.

— Đức vua hỏi ý 4 vị giáo-sư.

— Tâu, chẳng nên tin lời phụ-nữ. Chúng tôi chưa từng thấy người nam nào có vợ đẹp xinh như vậy mà từ bỏ cho đành.

Đức vua bèn hỏi Bồ-tát :

— Tâu, lệ thường, kẻ có tội với người hữu phước xa nhau lắm, cũng như trời với đất, hoặc như bờ biển đây với bờ biển kia. Kẻ có tội hoặc ít phước không bao giờ ở chung cùng người đại phước được, lời của lệnh Hoàng-hậu rất đúng.

Đức vua nghe hữu - lý mà rằng : nhờ con trâm là MAHOSATHA mà trâm được hậu, bằng ta nghe lời 4 vị giáo-sư kia thì đã giết Hoàng-hậu rồi. Nghĩ như thế phát tâm hoan-hỉ, đức vua bèn ban thưởng đức Bồ-tát rất nhiều báu vật.

Bà Hoàng-hậu nghĩ rằng : Nhờ có MAHOSATHA, nên mệnh ta mới còn, thật là bậc ân-nhân của ta. Lập tức, Hoàng-hậu quì tâu xin đức vua cho phép từ đây, thần thiếp xin MAHOSATHA làm em ruột của thần-thiếp. Bao giờ thần thiếp có vật chi quý báu hoặc cao-



lượng mỹ-vị, thần-thiếp được phép biếu cho MAHO-SATHA là em, bất kỳ là giờ phút nào.

Đức vua hoan-hỉ phê-chuẩn. Từ đây, Hoàng-hậu thường ban cấp cho Bồ-tát những vật quý giá, không dám quên ơn cứu tử.

Có một ngày Bát-quan-trai, đức vua lên từng lầu cao đi kinh-hành, thấy có một con chó và một con dê. Dê đi ăn cỏ dành chỗ voi, bị nài voi đánh đập, dê bỏ cỏ chạy trốn, bị nài voi đuổi theo liệng nhảm lưng quá đau, dê lếch nằm dựa vách tường thành.

Chó cũng lén vào ăn thịt, cá trong nhà bếp, bị đánh đập què giò. Chó chạy trốn đến vách tường thành gặp dê cũng nằm tại đó.

Dê hỏi chó, vì sao mà anh bị như thế ?

— Chó thuật lại cho dê nghe, rồi hỏi : Còn anh do nhân nào mà lại nằm tại đây ?

— Dê cũng tỏ cho chó nghe tự sự.

Dê và Chó bàn nhau phải làm thế nào để nuôi sống cho dễ-dàng bằng không phải chết đói.

Dê bèn bày mưu rằng : Bây giờ tôi phải vào nhà bếp trộm thịt cá về cho anh, còn anh thì đi ăn cỏ về cho tôi. Hai ta sẽ đổi thực-phẩm nhau mà ăn, thì lưỡng-tiện lắm. Tính xong, Dê và Chó đồng ưng-thận làm theo kế đó, nên được an-vui. Vì mấy người nấu ăn đâu lo sợ dê ăn cá thịt mà gìn giữ, nên dê dễ trộm được thịt cá. Về phần nài voi thấy chó đến, thì nào có để ý sợ chó trộm



cỏ, vì thế mà chó trộm cỏ không khó. Từ đấy, dê và chó kết bạn thân thiết nhau.

Đức vua xem thấy chuyện như thế, sáng ra nhập triều, Ngài có ra câu đố cho 5 vị trí-tuệ đoán xét, rằng : Trăm hỏi 5 khanh trong đời có loài thú nào nghịch cùng nhau, mà trở thành thân thiết không ? Nếu khanh nào đoán không ra, trăm sẽ đuổi khỏi thành.

Nghe đức vua ra câu đố như thế thật là mắc mớ. nên vị SENAKA bèn tâu xin qua ngày sau sẽ trả lời. Đức vua phê-chuẩn.

Về đến dinh, bốn vị giáo-sư bàn tính nhau mãi mà tìm hiểu chưa ra, Nên đồng quyết-dịnh kỳ này phải qua yêu-cầu đức Bồ-tát chỉ-dạy, không dám tự hào nữa.

Về phần đức Bồ-tát Ngài nghĩ rằng : có lẽ đức vua thấy cái chi đây, nên mới ra câu đố này. Ngài bèn vào thăm Hoàng-hậu rồi tâu hỏi : Hôm qua lệnh bà có thấy vua ngự đến nơi nào chẳng ?

— Hoàng-hậu nói, hôm qua lệnh Hoàng-thượng lên từng lầu cao đi kinh-hành, và ngự lâm phía dưới thành rất lâu.

Đức Bồ-tát ngụ ý, khi ra khỏi cung nội, Ngài đi dò xét thấy dê và chó đang ăn, có vẻ thân-thiết nhau lắm.

— Đức Bồ-tát thấy như vậy hiểu rõ rằng : dê và chó mật-thiết là do sự trao đổi thực-phẩm cùng nhau ; rồi Ngài trở về dinh an-nghe.

Về phần 4 vị giáo-sư kia không ai tìm ra nổi câu đố của vua, các ông đồng hội nhau tính cả ngày cũng chưa



ra lẽ. Bắt đắ dĩ phải đến cầu đức Bồ-tát chỉ dạy cho. Đức Bồ-tát nghĩ rằng : Nếu ta không thương xót thì họ sẽ bị đức vua đuổi ra khỏi thành. Vậy ta nên tế-độ họ, rồi Ngài dạy mỗi vị học một câu kệ-ngôn.

Qua ngày thứ hai, cả 4 vị giáo-sư vào chầu. Đức vua phán hỏi 4 vị giáo-sư rằng : Này bậc trí-tuệ, các khanh đã hiểu rõ câu đố rồi chăng ?

— Tâu, nếu chúng hạ thần không hiểu thì còn ai hiểu được.

— Vậy các khanh hãy trả lời cho trẫm nghe.

— Tâu, xin Hoàng-thượng hãy lắng nghe.

UGGAPUTTARĀJAPUTTI ... SAṄGHAYAMASSATI.

Mỗi vị đọc một câu kệ ngôn. Đức vua cũng tin rằng phải, vì không rõ ý-nghĩa của câu kệ-ngôn.

Đức vua bèn hỏi sang đức Bồ-tát :

— Tâu, dê đó có 4 chân, khi đi, tha đồ ăn thì lén lúc tha. Dê đi tha cá thịt về cho chó ; chó tha cỏ về cho dê, rồi trao đổi nhau ăn. Lệnh Hoàng-thượng ngự trên từng lầu cao, đã thấy rõ 2 thú, dê và chó làm bạn thân nhau như thế.

Được nghe rõ lời tâu của đức Bồ-tát, đức vua rất thỏa-thích bèn ban thưởng tất cả 5 vị trí-tuệ rất nhiều báu vật đồng nhau.

Khi ấy, Hoàng-hậu UDUMA hiểu rằng : 4 vị giáo sư kia nhờ Bồ-tát mà trả lời được câu đố của đức vua, song đức vua không rõ, ban thưởng đồng nhau Đức



vua phải thưởng em trai ta nhiều hơn mới phải, rồi Hoàng-hậu liền vào cung tâu cho đức vua hay sự thật. Đức vua nghe theo nên ban-thưởng Bồ-tát nhiều hơn.

Ngày nọ, bốn vị giáo-sư vào chầu, đức vua phán hỏi : Trẫm muốn biết rõ trong đời này có hai hạng người : người giàu mà kém trí-tuệ và kẻ có trí-tuệ nhưng nghèo ; 2 hạng này ai là người cao quý hơn ?

SENEKA ĀCĀRYA tâu : Theo hạ thần hiểu là : Người giàu quý hơn hết. Trong đời này, dù là người có trí-tuệ bao nhiêu, làm quan đại-thần hay con dòng sang cả mà nghèo thì cũng phải cần kính nể kẻ giàu, làm tội cho người giàu sai khiến. Mặc dầu người giàu có tật nguyền, điên, câm v.v. . . cũng làm chủ kẻ khác được.

Nghe tâu như thế đức vua liền hỏi Bồ-tát : Con hiểu thế nào ?

— Tâu, kẻ ngu vô trí-tuệ, khi có của nhiều thì say mê, dầu là hạng người sang-cả cũng thế, cho rằng ta là cao quý rồi ; hằng gây những nghiệp dữ, không hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, nghĩ làm sao thì hành như vậy ; cứ theo ý muốn mình. Những kẻ tối tăm thường không thấy xa. chỉ biết trong kiếp hiện tại, không xét đến ngày vị-lai, nên tạo biết bao điều ác, sau khi tan-rã ngũ-uẩn sẽ sa trong ác-đạo, rồi sanh lên làm người nghèo hèn, khổ sở, do các điều dữ đã tạo. Vì kẻ thiếu trí-tuệ mới sa-dắm trong tài, sắc, danh, lợi. Tâu, tôi quan-sát thấy như thế, mới hiểu rằng người có trí-tuệ cao quý hơn.

Đức vua nghe theo rồi bèn hỏi lại SENEKA ĀCĀRYA rằng : Khanh hiểu thế nào ?



— Tàu, MAHOSATHA còn bé, miệng còn hôi sữa, biết gì, Xin Hoàng-thượng hãy nghe theo hạ thần. Không cần nói đâu xa-xôi như triệu-phú GOVINDASETTHI, nghề-nghiệp chi cũng chẳng biết, con trai, con gái cũng không, thân hình rất xấu xa, khi nói chuyện thì nước miếng tung chảy. Có 2 nàng đẹp như ngọc-nữ chực hờ, dùng hoa sen xanh tươi chờ hứng nước miếng. Biết bao khách khứa tới lui nườm-nượp. Họ hết lòng tôn trọng cho đến người sang-cả cũng kính nể. Bấy nhiêu cũng đủ rõ rằng người có của là quý hơn bậc có trí-tuệ.

— Bồ-tát tàu, SENEKA chẳng sáng suốt chỉ thấy gần, chỉ biết có được mà thôi ; không quan-sát cho chu đáo. Ví như quạ thấy cục cơm họ làm rớt hoặc như chó thấy miếng thịt trong nồi họ quên đây nắp không xem chừng, cây gậy họ sẽ bỏ trên đầu. Lệnh Hoàng-thượng nên thăm-xét. Lẽ thường kẻ có của mà vô trí-tuệ, khi được vui thì hăng cầu thả vì không thấy 3 tướng phổ-thông của vạn-vật là vô-thường khổ-não và vô-ngã, chỉ biết sa-mê ngũ-dục mãi mãi, không tưởng đến sự chết ngày mai. Kẻ tối tăm thiếu trí, khi gặp khổ, tai hại đến thì quên mình toán-loạn, dầy dụa như cá mà bị liệng trên khô. Kẻ vô trí-tuệ trong giờ hấp hối thì vật mình, kêu khóc, thương tiếc vợ con, của cải, thân thuộc, quẩn luyến trong vật dục. Nhớ đến nghiệp ác đã tạo, rồi kinh sợ trong 4 ác-đạo. Vì thế mà phải nóng-nổi bức tức vật mình, khóc kể, sợ sa địa-ngục, cũng vì thiếu trí-tuệ.

Trái lại, bậc có trí-tuệ rõ rằng : sanh ra trong nẻo



luân-hồi, thì phải chịu luật tuần-hoàn tử sanh, sanh tử là một công lệ không sao tránh thoát được.

Tâu, hạ-thần thấy rằng : Người mà dính-mắc trong của cải thì khó tránh được ác-đạo, không nơi nương tựa. Dù là vợ, chồng, con, của, thân thuộc, bạn bè cũng không làm cho sự đau khổ được nhẹ nhàng, chỉ lấy mắt nhìn nhau mà chịu, không sao cứu vớt được.

Đức vua xoay qua hỏi SENAKA rằng : MAHOSATTHA tâu như thế Khanh nghĩ sao ?

— Tâu, MAHOSATTHA biết gì, hạ-thần xin ví dụ : Cây có trái hăng có loài điều thú thường lủ-lượt bay đến kiếm ăn không dứt, thế nào, người có của hăng có người vãng-lai đông đúc. Cho nên người đời chỉ có tiền của là hưởng hạnh-phúc an-vui. Còn kẻ dù có trí-tuệ đến đâu, mà nghèo thì không ai ngó đến. Do đó, hạ-thần tâu rằng người có của quý hơn kẻ có trí-tuệ mà nghèo.

Đức vua liền xoay hỏi MAHOSATTHA Bồ-tát, SENAKA tâu như vậy, con nghĩ ra sao ?

— Tâu Hoàng-thượng, SENAKA giải như trẻ lên ba tuổi, thấy sao nói vậy. Kẻ vô trí-tuệ ví như cây có trái độc, điều-thú nào đến ăn quả sẽ bị khổ, khác chi người thiếu trí-tuệ. nếu kẻ nào tới lui thân cận, họ sẽ chết, tức là hư hao của cải. Vì kẻ vô trí-tuệ hay bày mưu kế để đoạt của người, chỉ tìm làm việc bất-chánh là người ác, không biết hổ thẹn và ghê-sợ tội lỗi. Sau khi thác sẽ xuống ác-đạo chịu khổ lâu đời, bị quỷ-xử hành hạ đánh đập, chém đâm bằng các vũ-khí cháy đỏ vô cùng khổ sở.



Đó cũng vì thiếu trí-tuệ. Tâu, Hoàng-thượng người có trí-tuệ là quý hơn.

Đức vua phán hỏi SENAKA rằng theo lời của MAHOSATHA tâu qua, Khanh nghĩ thế nào ?

— Tâu, xin Hoàng-thượng đừng tin lời MAHOSATHA. Hạ-thần xin thí dụ : Nước của sông, rạch, một khi đã chảy đến biển rồi, không còn tên củ nữa, thế nào, người trí-tuệ khi gặp kẻ giàu thì đành chịu lu-lờ, không rõ-rệt. Tôi xét thấy như thế, mới tâu rằng kẻ giàu quý hơn người trí-tuệ là vậy.

Đức vua phán hỏi MAHOSATHA Bồ-tát, SENAKA giảng như thế, con nghĩ sao ?

Tâu, đức Hoàng-thượng chẳng nên nghe lời SENAKA, Nước của các sông rạch lớn, nhỏ, chảy vào biển, biển giao tiếp nhau bằng lượng sóng nghe lăntăn, lách-tách : Dù sóng có lực-lượng đến đâu tát vào bờ biển cũng dội lại, không vượt khỏi bờ biển được, thế nào, kẻ giàu vô trí-tuệ không bao giờ qua khỏi bậc trí-tuệ được. Như kẻ ngu-dộn thiếu trí-tuệ, dẫu tranh luận một điều gì với ai cũng chẳng lướt qua bậc trí-tuệ nổi. Khi có sự khó-khăn nan-giải, đều cậy vào bậc trí-tuệ. Những người thiếu học được biết tội phước, lợi hại, chánh tà cũng nhờ nghe bậc trí-tuệ chỉ dạy.

Tâu, tôi xét thấy thế, mới nhận người có trí-tuệ là quý hơn.

Nghe rồi, đức vua xoay qua hỏi SENAKA nữa rằng : Khanh có lời nào giảng-giải cho trẫm nghe.



Tâu, lệnh Hoàng - thượng chớ nên tin lời của MAHOSATHA. Kẻ giàu dù đi, đứng, ngồi trong nơi nào cũng có người kiên - nhẫn, tiếp rước. Chuyện quấy thành phải, chuyện phải ra quấy, mặc dù là bất công. Người có tiền sẽ được phần đông hưởng ứng ; nói chi công-chúng đều xu-hướng theo. Thấy như vậy nên hạ thần tâu rằng : người triệu-phú cao quý hơn.

Đức vua phán hỏi MAHOSATHA (Bồ-tát) con nghĩ sao, tâu cho trẫm rõ.

Tâu, SENEKA chỉ thấy trong kiếp hiện - tại, là người thiếu trí, thấy gần không ngó xa.

Những người có của, vô trí-tuệ đen nói trắng, trắng nói đen mà người cũng nghe theo, là vì phần đông là thiếu học. Họ nào có biết sẽ bị bậc hiền-minh chê-trách, đến khi thác còn phải chịu quỷ-xử hành hình nhiều kiếp trong địa-ngục. Tiếng xấu còn lưu danh muôn thuở.

Đức vua phán hỏi SENAKA, có lời chi hãy tâu cho trẫm nghe.

Tâu, người trí - tuệ có sự hiểu biết dày-dặn nhiều như địa-cầu dày 24.000 do-tuần, mà nghèo thì nói lời hay cũng vô hiệu-quả. Khi đến gần người có của thì ánh bóng giấu hình, mất mặt, ví như đom-đóm ánh-sáng nhỏ không được rực-rỡ khi mặt nhật mọc lên. Do đó nên hạ thần tâu rằng người có của cao quý nhất trong đời.

Đức vua phán hỏi MAHOSATHA Bồ-tát, con nên giải cho trẫm nghe thêm có được chăng ?

Tâu lệnh Hoàng-thượng, SENAKA là người không



thấy xa hiều rộng. Bậc trí-tuệ thốt lời ngay thật, không nói xiêng-tạt theo ai. Bậc trí-tuệ hằng được quần chúng ngợi khen và cúng dường bằng các vật báu giữa nơi đô-hội. Người trí-tuệ hằng quý lời nói ngay thật, sau khi mạng chung được tái-sanh làm vua hoặc lên cõi trời. Vì thế, nên tôi tâu rằng người có trí-tuệ cao quý hơn.

Giáo-sư SENAKA tâu : lời của MAHOSATHA vừa trình-bày ; thánh-thượng chẳng nên tin. Bò, trâu, tôi trai, tớ gái, các thanh nam, nữ cho đến những ngọc mani, xa-cừ v. v. ... chỉ phát sanh trong dòng-dối phú-gia. Các loài thú cũng thường có đông-dúc để làm phương vận-tải cho hàng hữu-sản. Người có của hằng được thêm nhiều báu vật. Do đó, mà hạ-thần mới gọi kẻ giàu là cao-quý.

Đức vua bèn xoay qua hỏi MAHOSATHA ; con nghĩ thế nào ?

— Tâu, người vô trí-tuệ dù có nhiều của cũng khó gìn-giữ được lâu dài, của cải phải bị tiêu mòn ; ví như loài rắn không thể giữ da được ; phải lột da bỏ lại. Những người chứa của được nhờ trí-tuệ ; nếu thiếu trí-tuệ dầu là triệu-phú, của ấy cũng phải bị hao mòn. Vì thế, hạ-thần mới tâu rằng bậc trí-tuệ quý hơn cả.

Đức vua xoay qua hỏi SENEKA. SENEKA ngẫm nghĩ ; lần này ta làm cho MAHOSATHA phải phục tùng ta mới được, rồi tâu :

— Tất cả chúng tôi đây hầu hạ, chờ lệnh của hoàng-thượng ; hoàng-thượng là bậc cao-quý, lãnh-đạo, chúng tôi là hàng có trí-tuệ ví như đức Đế-thích hay đàn áp



chư thiên : Nếu người có trí-tuệ là quý ; hà-tất phải đến tôn-sùng người có của như Hoàng-thượng : Tâu, em MAHOSATHA chỉ đem kiếp vị-lai để giảng-thuyết, không thấy những lợi ích trong hiện tại. Thử hỏi, nếu người có trí-tuệ là quý có sao lại vào hầu-chức hoàng-thượng như vậy?

Lời SENAKA trình bày đây, nếu không phải là đức Bồ-tát, thì khó mà suy-tưởng sự lý, ngở hầu giải đáp cho phân-minh được. MAHOSATHA (Bồ-tát) tâu : Giáo-sư SENAKA là người mù, chỉ biết lợi-danh trong đời mà quên đức tính thanh-cao là trí-tuệ. Kẻ vô trí-tuệ khi gặp điều lo sợ, nan-giải thì hăng nường nhờ vào bậc trí-tuệ chỉ dẫn mới được rõ đường-tà, nẻo-chánh. Kẻ giàu thiếu trí-tuệ hay mù quáng, say mê ngủ-dục rồi bị sa sút, bị người chê hay khinh rẻ. Lúc hữu sự thì tối tăm lo sợ, tìm nường vào bậc trí-tuệ, cầu các ngài phá-nghi và cứu vớt bằng tinh-thần mới được an-vui. Do đó, mà bảo-tồn tài sản được lâu dài.

Như Hoàng-thượng nhờ bậc trí-tuệ nên không say mê trong của cải là nhân lôi-cuốn chúng-sanh vào vòng sanh-tử luân-hồi. Do có trí-tuệ mà sinh-linh đắc đạo quả Niết-bàn, thoát-ly khổ-hải.

Các bậc sáng-suốt nhất là lệnh Hoàng-thượng hăng ngợi khen và tìm kiếm bậc trí-tuệ. Các hàng thánh-nhân được khỏi luân-hồi, hết phiền-não cũng do trí-tuệ, khỏi lo sợ trong đời này và kiếp-sau cũng nhờ trí-tuệ. Như thế, không gọi trí-tuệ là cao quý sao nên.

Đức vua hỏi SENAKA còn lời chi trình-bày nữa chăng ?



Khi ấy, giáo-sư SENAKA không còn biết điều chi dễ thi-thổ nên gục mặt hồ-thẹn làm-thình.

Đức Bồ-tát bèn tâu tiếp rằng : Trí-tuệ là một đức tính mà bậc cao nhân hằng ưa-thích, tôn trọng. Kẻ vô trí-tuệ hằng say mê của cải, quyền-trước, lợi-danh. Bậc trí-tuệ không quuyến-luyến trong vật-chất, bởi đã quan-sát thấy rõ rằng các vật-chất của cải hằng xúi-dục con người gây nhiều tội lỗi, rồi phải bị trầm-luân, là nhân-sanh các thống-khổ không sao tả xiết. Chỉ người trí-tuệ mới có thể phán-đoán, biết tìm phương-pháp thoát-khổ được.

Không có chi đem so sánh, với đức-tính của trí-tuệ được. Năng-lực của cải không sao vượt khỏi trí-tuệ. Nhận thấy thế, nên hạ-thần tâu trí-tuệ là cao quý nhất.

Đức vua nghe tâu lời hữu lý nên rất hoan-hỉ, bèn ban thưởng nhiều báu vật hơn các lần trước.

Bà Hoàng-hậu thấy em là đức Bồ-tát, nay đã lên 16 tuổi, cần phải có người nội trợ để chăm nom gia-tài to tát, như thế, nên suy-nghĩ tìm một thanh-nữ xứng đáng để kết duyên lành với Bồ-tát. Bà bèn tâu cho đức vua rõ, đức vua khen phải và phán rằng : Cần tỏ cho Bồ-tát hay trước. Khi Hoàng-hậu cho Bồ-tát biết ý-thức, Bồ-tát liền tâu : xin chờ 3 ngày rồi sẽ tâu với đức vua. Đoạn Bồ-tát xin để tự mình đi tìm thanh-nữ xứng đáng theo ý nguyện. Ngài ra cửa Bắc-môn rồi đi lần đến quận UTTARA MAJJHAGĀMA.

Trong thuở đó, có một nhà, trước kia là triệu-phú



nay đã sa sút. Trong gia-đình này có một thiếu-nữ tên AMARĀ có đủ đức-hạnh và hình-dung xinh đẹp. Một hôm, sáng sớm cô thiếu-nữ đem cháo dâng cho cha nàng đang cày ruộng. Bồ-tát đi đến thấy dung nhan của thiếu-nữ xinh đẹp và tướng-mạo đoan-trang, rồi thầm nghĩ: nếu nàng này chưa chồng thì đáng cho ta đem về làm nội-trợ được.

— Phần nàng thiếu-nữ khi thấy đức Bồ-tát cũng thầm nghĩ, nếu ta được người như vậy để nương bóng từng quân, thì đời ta sẽ được nhiều hạnh-phúc, có nơi nương tựa vững-vàng. Hai bên đồng một quan-niệm cố ý yêu nhau.

Bồ-tát bèn nghĩ không rõ nàng đã có nơi nào chưa, vậy ta nên thử-thách nàng bằng cách ra cử-chỉ để đố. Ngài thừa cơ hội nàng liếc xem, ngài ra dấu «nắm tay lại» xem nàng có hiểu lẽ nào chăng?

— Nàng AMARĀ thấy, biết Bồ-tát muốn hỏi nàng có chồng chưa. Nàng bèn xòa tay để đáp cử-chỉ đố của Bồ-tát.

— Bồ-tát hiểu rằng nàng chưa chồng.

Bồ-tát bèn bước lại gần hỏi: Xin lỗi nàng, quý danh nàng là chi?

— Thưa, cái chi không có trong quá-khứ vị-lai và hiện-tại, cái ấy là tên của tôi.

— Này cô! tình-trạng bất-diệt là cái không có trong quá-khứ, vị-lai, hiện-tại. Như vậy quý danh của nàng là AMARĀ phải chăng?



— Vâng, tôi tên là AMARĀ.

— Bây giờ đây, cô đem cháo cho ai ?

— Thưa, đem dâng cho bậc tiền thiên PUBBADEVA.

— Này cô ! tiền thiên tức là cha và mẹ. Vậy có phải cô đem cháo dâng cho thân-phụ cô chẳng ?

— Thưa phải.

— Thân-phụ của cô làm nghề gì ?

— Cha tôi làm nơi một thành hai.

— Ở nơi « một thành hai » đó ám chỉ là nghề nông cày ruộng.

Có phải thân phụ cô là nông-phu chẳng ? và cày ruộng trong nơi nào ?

— Vâng, thân-phụ tôi cày ruộng trong nơi « đi không trở lại ».

— Nơi đi không trở lại đó là nơi tha-ma mộ-địa, có phải vậy chẳng ?

— Vâng, đúng lắm.

— Hôm nay cô đi rồi trở về chẳng ?

— Thưa, nếu một cái đã đến thì tôi không trở về một cái chưa đến thì tôi trở về.

— Này cô ! thân phụ cô cày gần mé nước, nước lên nhiều thì cô không trở về, nếu nước nhỏ thì cô về phải không ?

— Thưa phải, nói xong nàng mời Bồ-tát dùng cháo. Bồ-tát nghĩ, nếu không dùng cháo thì thất lễ, vậy



ta nên dùng chút ít, Bồ-tát bèn nhận lời thỉnh của nàng.

Nàng AMARĀ đề cháo trên đất.

— Bồ-tát nghĩ, nếu nàng chỉ dâng cháo mà không dâng nước thì ta không dùng.

— Nàng AMARĀ dâng nước.

— Nàng dành riêng phần cho cha nàng. Phần của nàng thì để ra mâm rồi dâng cho Bồ-tát dùng. Khi dùng xong, Bồ-tát rửa tay và nói rằng: Tôi mong được biết nhà cô, xin cô vui lòng chỉ đường cho tôi.

— Nàng AMARĀ bèn chỉ đường bằng câu đố rằng: Thừa, quán bán chè, quán bán nước cam và cây có lá 2 từng ở trong nơi nào; đó là con đường đi đến quận UTTARA MAJJHAGĀMA, dùng tay mặt cầm cháo mà chỉ. Xong nàng bèn kiêu-từ đem cháo cho cha nàng.

Bồ-tát nhận rõ rằng đường đi đến nhà nàng AMARĀ trước hết gặp quán bán chè, kế quán bán nước cam, rồi gặp cây có lá 2 chẵn, đứng xem thì thấy ngã hai, đừng theo nẻo bên trái, mà nên đi ngã bên phải. Bồ-tát bèn đi theo câu đố của nàng AMARĀ.

— Thân-mẫu của nàng AMARĀ thấy Bồ-tát là người có tướng-mạo đoan-trang đến nhà nên mừng rỡ, dọn chỗ mời Bồ-tát ngồi và dâng cháo. Bồ-tát nói: nàng AMARĀ đã có cho tôi dùng chút ít rồi. Mẹ nàng AMARĀ hiểu rằng chàng đến với mục-đích muốn được con gái ta.

— Đức Bồ-tát hiểu rõ hoàn-cảnh sa-sút của gia-đình nàng AMARĀ.



Bồ-tát xin ở trọ nơi nhà ấy và thưa rằng : Thưa mẹ, tôi là người thợ may, vá và mạng y-phục, vậy nhà mẹ có y-phục rách mang ra con vá mạng cho.

— Này con ! mẹ có y-phục cần phải vá mạng nhiều, song mẹ không có chi để trả công.

— Tôi chỉ mạng không lấy tiền, xin mẹ đừng ngại chi. Mẹ nàng AMARĀ liền mang rất nhiều y-phục trong nhà đem giao cho Bồ-tát vá, mạng được hoàn-bị theo trí tuệ của Ngài.

Khi vá, mạng xong, Bồ-tát yêu-cầu rằng : Xin mẹ cho hàng xóm hay những người nào có y-phục cũ, rách đem đến tôi lành vá, mạng cho. Chúng dân nghe như thế, nên mang rất nhiều y-phục đến cho Bồ-tát mạng, và trọn ngày ấy được tiền 100 lượng. Mẹ nàng AMARĀ lo dọn cơm chiều cho Bồ-tát dùng.

Đến bữa ăn tối thì cha nàng AMARĀ và nàng trở về đến nhà. Sau dùng bữa cơm xong, Bồ-tát bèn lạy tạ song thân của nàng AMARĀ và xin đính hôn cùng nàng. Cha mẹ nàng AMARĀ đồng hoan-hỉ nhận lời.

Sáng hôm sau, Bồ-tát dạy vợ lấy nửa cân gạo, làm 3 món ăn : bánh, cháo và cơm. Nàng vâng lời làm theo ý chồng, khi làm xong đem dâng đến Bồ-tát. Đồ nấu thật ngon, nhưng Bồ-tát giả bộ chê-trách rằng : Nàng dâng cháo, Bồ-tát nếm một chút, đoạn ngài đồ trên đất.

— Nàng AMARĀ thưa, nếu anh dùng cháo không vừa miệng, xin dùng cơm. Bồ-tát ngửi hơi cơm rồi cũng chê. Nàng nói xin anh dùng bánh. Bồ-tát thọ bánh thử



chút ít rồi quở trách liệng bỏ. Thế nàng không lành nghề nấu ăn. Nàng AMARĀ cũng không buồn.

Cư-ngu được 3 ngày, đức Bồ-tát bèn đem 2.000 lượng bạc dâng đến nhạc-gia ngài mà rằng: «Tôi xin dâng chút ít của này đến nhạc-gia chi-dụng đỡ, rồi tôi sẽ tùy-tiện phụng-dưỡng song-nhạc được an vui trọn đời. Nay tôi xin đem nàng AMARĀ đi cùng tôi, xin nhạc-gia hoan-hỉ. Hai ông bà đều vui lòng chấp thuận.

Khi Bồ-tát dẫn vợ gấn đến kinh-đô MITHILĀ, ngài gọi vợ cho... môn quan. Vào dinh, ngài bèn dạy hai thiếu-nam ăn mặc sang trọng tỏ ra con nhà triệu phú đến trêu ghẹo thử ý vợ ngài.

Hai thanh nam tuân theo lời dạy của Bồ-tát, tìm đủ mọi cách để thử thách nàng AMARĀ. nhưng vô hiệu quả, bèn trở về trình cho Bồ-tát rõ. Ngài liền cho người dẫn nàng AMARĀ vào dinh của Ngài. Nàng vào thấy tòa lầu cao sang phú-túc, nhưng không rõ là của Bồ-tát, nàng bèn cười rồi khóc, Bồ-tát hỏi: vì sao nàng cười rồi lại khóc?

— Tôi cười, bởi kiếp trước khéo tu nên nay người mới được cao sang như vậy, nghĩ đến cái phước của người nên tôi cười. Còn tôi khóc, vì thương xót người ý quyền cao tước trọng mà bốc-lột của lương-dân, cưỡng bách vợ người, làm điều tàn ác, ắt sa-đọa trong ác-đạo chẳng sai. Bồ-tát nghe qua khen nàng là người chơn-chánh, Ngài dạy đem nàng giao lại cho môn quan, rồi vào đền tâu cho Hoàng-hậu rõ: Ngài đã chọn được vợ hiền. Hoàng-hậu tâu cho vua hay, rồi sắm-sang hôn-lễ đầy đủ



cao sang đến rước nàng AMARĀ về đến dinh Bồ-tát. Đức vua, Hoàng-hậu cho đến dân-gian thấy đều vui mừng, phỉ dạ, chúc tặng quà sính-lễ nhiều không xiết kể; Nàng AMARĀ bèn chia làm 2, dâng đến vua một phần, còn một phần để dùng.

Bồ-tát bèn rước song nhạc về phụng-dưỡng như cha mẹ ruột.

Nói về 4 giáo-sư kia thấy Bồ-tát được vua trọng đãi, quyền cao tước lớn như thế, càng sanh lòng ganh ghét, hằng tìm chước bày mưu để hãm hại.

SENAKA bàn rằng: Chúng ta hãy cáo gian MAHO-SATHA là phản-ngịch, thì hại hẳn mới được. Vậy mỗi chúng ta phải tổ-chức trộm báu vật của vua là:

- 1/— Cây trâm bằng vàng;
- 2/— Hoa bằng vàng lá;
- 3/— Y báu Kambala;
- 4/— Đôi giày vàng.

Khi đã trộm được 4 báu vật của Vua chúng ta đem giấu trong dinh MAHOSATHA rồi vào tâu, vu-cáo rằng: MAHOSATHA mong lòng phản nghịch.

Sau khi SENAKA bày định kế-hoạch bèn cùng nhau đồng ý và phân công rằng: SENAKA trộm trâm vàng, PAKUTTHA trộm hoa vàng, KAMIDA trộm y báu, DEVINDA trộm đôi giày vàng.

Khi đã trộm được. SENAKA để cây trâm vàng vào rồi, rồi dạy đứa tớ gái đem bán tại nhà Bồ-tát. Lúc ấy



nàng AMARĀ ở trong dinh xem thấy lạ, là đứa tớ rao bán chỉ qua lại trước dinh mình. Nàng bèn gọi vào giả bộ mua để hỏi thăm, tìm hiểu, khi xem thấy cây trâm vàng của vua, nàng biết là kẻ gian-ác, nàng bằng lòng mua. Xong, nàng tìm cách hỏi thăm đứa tớ ấy, ai bảo đem bán.

— Chủ tôi là SENAKA.

— Nàng niệm lại kỷ-luợng để rõ ngày tháng và tên SENAKĀ, tên đứa tớ và cha mẹ của nó.

Phần PAKUTTHA trộm được hoa vàng để vào hộp rồi dạy tớ gái đem bán nơi nhà của Bồ-tát. KĀMINDA trộm y-báu KAMBALA để vào giỏ rau, bảo tớ gái đem đến dinh của Bồ-tát mà bán. DEVINDA trộm đôi giày vàng để vào bó lúa, giao cho tớ gái đem bán như nhau. Nàng AMARĀ cũng mua tất cả 4 món, rồi biên rõ ngày, tháng, tên họ chủ, tớ và cha mẹ của nó, xong niệm lại kỷ-cang. Nàng AMARĀ trình-bày rõ-rệt cho Bồ-tát hay tự sự.

Một hôm, bốn vị giáo-sư bèn vào chầu vua và tâu rằng : Vì sao Hoàng-thượng không dùng cây trâm vàng mà trang-diễm. Vậy Khanh đi lấy dâng cho trẫm trang diễm

Bốn người giả bộ đi kiếm rồi trở ra tâu rằng : Cây trâm mất rồi, hoa vàng cũng mất, y báu KAMBALA và đôi giày cũng không còn. Bốn người ngồi ra vẻ đắn đo suy-nghĩ trong chốc-lát rồi tâu rằng : Bốn báu vật này không có trong nơi nào khác, ngoài nhà MAHOSATHA. MAHOSATHA trộm của ấy dễ-dàng không kiên-nề



hoàng-thượng, bởi muốn đoạt ngôi rồng. Những người tùy-tùng chơn-thành của Bồ-tát nghe rõ, bèn chạy về thưa cho Bồ-tát hay. Bồ-tát nói rằng : Ta sẽ vào lập-tức, rồi chúng sẽ biết nhau. Khi ấy Bồ-tát vào chầu vua. Đức vua không cho gặp mặt. Bồ-tát hiểu ngay rằng vua thịnh-nộ, bởi thiếu sự suy-nghĩ mà tin lời vu-cáo của 4 vị kia, Bồ-tát trở về dinh. Vua hạ lệnh cho quân đến bắt Bồ-tát. Bồ-tát liền trá hình, giả làm kẻ khó ra khỏi thành MITHILA đi đến quận YAVAMAJJHĀ tá-túc nơi nhà người thợ nôi. Tiếng đồn rằng MAHOSATHA đã trốn khỏi thành rồi.

Bốn vị giáo-sư nghe qua rất đặc chí rằng : như thế mới rõ ta là bậc có trí-thức. Nay MAHOSATHA trốn rồi, thế vợ của hắn là vợ của ta, suy nghĩ như vậy, nên tìm cách tâu vua đề cho nàng AMARĀ ở yên.

Mỗi người có ý-nghĩ riêng gởi thơ gheo nàng AMARĀ. Nàng nghĩ 4 người này thật là đê-hèn quá, vậy đề ta làm cho họ mang nợ, cho biết mặt. Nghĩ như thế, nàng liền cho tin mỗi vị nên đến nàng giờ này...

Nàng dạy kẻ giúp việc đào hầm cho sâu rộng, miệng hầm rào xung-quanh, trong hầm chứa đầy phân và nước tiểu ; miệng hầm đầy bằng ván máy, trải đệm trên mặt hầm kín đáo, rải hoa và nước thơm để tắm.

Tối hôm đó, SENAKA trang-diễm cao-sang, rồi đến dinh Bồ-tát, khi đến nơi, nàng AMARĀ cho mời vào. Nàng tỏ vẻ vui mừng thỉnh SENAKA đi tắm đặng vào nghỉ. Khi va vừa bước lên miệng hầm, bị máy bật té vào



hầm phần. Kẽ PAKUTTHA, KĀMINDA và DEVINDA cũng đồng chung cảnh-ngộ. Bốn vị phải ở trọn đêm trong hầm phần, nước tiểu, túi nhục vô cùng. Sáng ra nàng AMARĀ dạy người kéo lên cho tắm rửa sạch-sẽ, rồi bắt cạo trọc, cạo lông mày, nàng dạy tôi tớ lấy gạch chà xát da cho rướm máu, nấu cháo đặt đồ lên đầu v.v... hành hạ 4 vị vô-cùng khổ sở. Nàng cho lấy đệm quần cả 4 vị đó rồi bảo người dẫn vào châu vua. Nàng cũng không quên đem theo đủ cả 4 báu vật mà họ đã trộm được của 4 tội nhân. Nàng AMARĀ tâu rõ tự sự và dâng 4 vật báu đến vua rồi trở về dinh.

Đức vua thấy rõ như thế, lấy làm hối hận, không biết xử cách nào, vì Bồ-tát đã đi mất rồi, nên thả 4 vị giáo-sư về nhà.

Thuở đó, có vị trời thường ngự trên cây lọng nơi ngôi rồng để nghe pháp của Bồ-tát, nay Bồ-tát đã vắng mặt vị trời ấy không được nghe pháp nữa, nên tùy dịp làm cho Bồ-tát trở về. Vị trời liền hiện hình cho vua thấy rõ, vừa lúc canh năm và ra 4 câu đố như vầy :

1/— Kẽ đánh đập, hiếp đáp, nguyên rủa, lại là nơi thương yêu của người. Người như vậy là hạng nào ?

2/— Người đánh chửi theo ý muốn, nhưng chỉ nói ngoài miệng, không có ác tâm làm hại, khi đã mắng chửi, đánh đập rồi lại thương yêu hơn trước. Người ấy là hạng nào ?

3/— Người cáo gian kẻ khác, rồi trở tội-nghiệp hơn xưa, thuộc về hạng nào ?



4./— Người được vật chi cũng lấy (đệm, chiếu, giường y-phục v.v...) càng lấy càng làm cho người kính thương. Người ấy thuộc về hạng nào?

Đức vua nghe 4 câu đố của vị trời, cố suy-nghĩ, nhưng không đáp được. Ngài cho vị trời biết rằng ngài không thể giải đáp, xin chờ Ngài hỏi lại bậc trí-tuệ đấng, và hứa ngày mai sẽ trả lời. Vị trời bằng lòng nhận theo lời hứa của vua. Sáng ra, đức vua triệu 4 vị giáo-sư vào, rồi dạy. đáp 4 câu đố ấy, Bốn vị này không đủ khả-năng giải đáp

Tối lại, vị trời hiện ra hỏi nữa. Đức vua đáp : đã hỏi, mà 4 vị giáo-sư cũng không thông.

Vị trời tâu : trừ MAHOSATHA PANDITA, không một ai hiểu rõ đâu. Vậy đại-vương hãy sai người đi tìm ngài MAHOSATHA, nếu đại-vương không tuân lời cho người đi tìm thỉnh Ngài MAHOSATHA về, ta sẽ đập đầu đại-vương bằng cây gậy sắt cháy đỏ này, ta không để cho đại-vương sống đâu. Vị trời bèn nói tiếp : thái-độ của đại-vương trong lúc này, ví như kẻ tìm lửa, rồi gặp đóm đóm tưởng là lửa, lại đem củi và cỏ khô đến nhúm, mong gì được lửa, hoặc ví như người muốn được sữa bò, lại tìm sữa ở sừng bò làm sao mà được sữa.

Này đại-vương ! các vị đế-vương xưa kia thắng được địch, nhờ có trí-thức biết dùng người tài-năng thao-lược, trong nước mới được thái-bình. Còn đại-vương tin đóm - đóm mà cũng tưởng là lửa, thì tránh sao khỏi điều thất-bại.

Ngài MAHOSATHA ví như đám lửa to, rực - rỡ



bằng trí-tuệ. Nay đại-vương tìm hỏi những câu đố nơi 4 vị giáo-sư kém trí-tuệ ấy, như ánh của đôm-đốm, có dạng chẳng ?

Đại-vương hãy sai người đi rước MAHOSATHA PANDITA về và hỏi cho được, bằng không, ta chẳng để cho đại-vương sống đâu. Vị trời hăm dọa đức vua như thế rồi biến mất. Lúc ấy, đức vua lấy làm kinh-hải, sợ chết. Sáng ra lâm triều, đức vua liền phán cho 4 đại thần dẫn quân đi tìm rước Bồ-tát MAHOSATHA, mỗi vị đi mỗi hướng. Ngài dạy phải tìm cho gặp MAHOSATHA rồi cúng dường 1.000 lượng và rước về đền lập tức. Bốn vị đại-thần tuân-lệnh đi kiếm khắp nơi. May thay ! vị đại-thần đi hướng đông được gặp Bồ-tát tại quận YAVAMAJJHAGĀNA. Ngài đang nhồi đất làm nôi với người chủ nhà, cả hai bàn tay ngài đều lấm đất như các người thợ khác. Ngài không cố chấp, cách ăn ở bình dân, khác nào kẻ làm công trong nhà vậy. Với hành-động cao đẹp này là muốn trả lời cho đức vua thấy rằng Ngài không phải là kẻ phản-bội.

Khi thấy vị đại-thần từ xa đến, Ngài biết rằng mong được gặp Ngài, Đến gần Bồ-tát, vị đại-thần thi lễ, rồi trình bày ý muốn của đức vua, và dâng 1.000 lượng bạc của vua ban thưởng. MAHOSATHA (Bồ-tát) thọ rồi đền ơn lại cho chủ nhà. Xong, Ngài lên xe trở về thành. Vị đại-thần vào tâu trước cho đức vua hay. Đức vua hỏi, Khanh gặp MAHOSATHA tại nơi nào ? và đang làm gì ?

— Tâu, tại nhà thợ làm nôi và đang nhồi đất nắn nôi.



— Đức vua bèn nghĩ : nếu MAHOSATHA thật phản nghịch, lẽ đâu lại phải chịu cực khổ làm nghề ấy. Như thế, con trẫm là bậc trung thần, rồi dạy mời vào.

— Vị đại thần tâu MAHOSATHA PANDITA mình lấm dất, chưa được tắm rửa.

Đức vua nghe lấy làm cảm động, dạy vị đại-thần ra cho phép MAHOSATHA về dinh tắm rửa sạch-sẻ, trang-diễm như trước rồi sẽ vào chầu.

Sau khi về dinh tắm rửa trang-sức xong, Bồ-tát MAHOSATHA vào đến.

— Đức vua dùng lời an-ủi và hỏi thử rằng : nầy con MAHOSATHA ! có hạng người nghĩ rằng đã được vừa ý rồi không làm tội ; có hạng người vì sợ phần đông chê trách nên không dám làm tội ; có hạng vô trí-tuệ không thể làm được rồi nín-thinh ; không tìm làm dữ, về phần bậc có nhiều trí-tuệ, cái chi cũng biết như con, có thể mong sự nghiệp to-tát trong thế-gian, vì sao con lại bơ-thờ lãnh-đạm, không hại trẫm ?

— Tâu, lẽ thường người có trí-tuệ không bao giờ chỉ mong vui cho mình mà làm khổ kẻ khác ? Dù là nghèo khổ đến đâu cũng chẳng tạo nghiệp dữ. Bậc trí-tuệ hằng tìm làm việc chân chánh, trong sạch không khi nào bỏ qua lẽ phải, không dám tây-vị vì thương, vì ghét, vì sợ, vì si-mê. Tâu xin Hoàng-thượng hiểu như vậy.

Nầy con MAHOSATHA ! trong đời nầy, khi người



đã bị cảnh nghèo đói rồi, có ai nín thinh mà chịu được, họ tìm mưu sanh hạnh-phúc trước, rồi sau tự hối tu-hành không được sao?

Tâu, bậc trí-tuệ không bao giờ làm khổ ai, nhất là với ân-nhân. Không nói đến người, dù là cây mà bậc trí-tuệ đã nương tựa họ cũng không làm rơi lá gãy nhánh. Người đã nhờ bóng cây, rồi làm cho cây trơ-trụi, gọi là kẻ xấu xa, phản bội, không cần nói đến kẻ sát hại ân-nhân, người bạc nghĩa cũng gọi là kẻ phản bạn, cố đại tội. Như đối với lệnh Hoàng-thượng, Hoàng-thượng ban thưởng tôi nhiều đặc-ân, nếu tôi hại Hoàng-thượng, thì tôi là kẻ phản bội quên ơn, rồi Ngài thuyết về tội của đức vua rằng:

Tâu lệnh Hoàng-thượng, người sanh ra trong đời, đã thọ ân thầy dạy bảo, dù là một câu kinh, một lời lành cũng gọi là ân-sư, kẻ thọ-giáo là môn-đệ chẳng nên quên ân, không thận trọng tỏ vẻ lãnh-đạm, làm điều không tốt với thầy, kẻ ấy là kẻ vong ân bội nghĩa có tội. Rồi Ngài chỉ-giáo thêm cho đức vua rằng: Người cư-sĩ thụ-dụng ngũ-dục nếu thiếu sự tinh-tấn, là kẻ lười biếng thì không gọi là người tốt. Cư-sĩ mà biếng-nhất thật là không hay đâu. Bậc xuất-gia mà phá giới cũng là điều hư hại trong Phật-Pháp.



Hàng vua chúa, mỗi khi làm việc mà không quan-sát tỉ-mỉ, tình-tường, khi nghe được lời chỉ thời vội tin, không quan tâm dò xét, phán-đoán cho chu-đáo, thì không tốt cho đế-nghiệp. Lệ thường, bậc thống trị trong nước, mà hành động việc gì thiếu trí-tuệ dẫn đo, cân nhắc, thật là khổ, không hay.

Người có trí-tuệ mà bị sân-hận đè nén, hoặc tây-vị vì sân, thực-hành theo sự nóng-giận chênh-lệch gọi là không tốt trong đời.

Tâu Hoàng-thượng, lệ thường, đức vua cần phải dùng trí-tuệ suy-xét cho chín chắn rồi mới nên làm, bằng chưa chắc nên làm. Đức vua nào thực-hành theo trí-tuệ và tìm xét cẩn-thận thì hằng thịnh-đạt, quốc thới dân an, ngôi vàng kiên-cố.

Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) vừa giảng dạy xong, đức vua VIDEHARAJĀ, liền thỉnh Ngài lên ngai vàng, còn đức vua ngồi bên cạnh phía dưới, rồi phán rằng : Này con ! có vị trời ngự trên cây lọng trên ngai vàng hiện ra hỏi 4 câu, Trẫm và 4 giáo-sư đều thúc-thủ, cầu con giảng giùm cho rõ.

Tâu, câu đố ấy như thế nào, xin hoàng-thượng cho con rõ ?

VẤN.— 1) Người càng bị đánh chửi, thì càng làm cho kẻ khác mến yêu, là hạng người thế nào ?



**ĐÁP.**— Tâu, đó là hài-dồng mà người mẹ để nằm trên đầu gối. Thông thường, hài-dồng nằm trên gối mẹ hằng vui thích, đùa bỡn cùng con ; khi đánh, lúc lại đập hoặc niều tóc mẹ, vả miệng mẹ, còn người mẹ càng nâng niu, hôn-hít con, càng yêu mến con là như thế.

Vị trời nghe rõ bèn hiện ra, hoan-hô khen ngợi là đúng, hay lắm, rồi cúng-dường Bồ-tát bằng hoa trời, để trong hộp ngọc, xong rồi biến mất. Đức vua thấy thế càng hoan-hỉ ban thưởng rất nhiều châu báu, rồi hỏi thêm câu thứ hai.

**VẤN.**— 2)— Này con ! người đánh chửi theo ý muốn mình, song chỉ mắng ngoài môi chớ lòng không sân-hận, rồi trở lại càng thấy thương yêu hơn trước. Đó là hạng người nào ?

**ĐÁP.**— Đó là mẹ chửi rửa con ; rồi trở lại thương yêu con hơn trước. Sự thật, khi người mẹ đã thấy con lên 6, 7 tuổi có thể sai khiến được, nhưng đứa con thường hoang-du từ sáng cho đến tối, rồi không dám trở về nhà, phải nương-náu với quyến-thuộc, vì sợ mẹ rầy la. Người mẹ không thấy con về thì rầu buồn, lại vuốt-ve mơn trớn con, rồi dẫn con về nhà mà rằng : Này con ! mẹ rầy-la bấy nhiêu mà con phiến sao, khuyên rồi càng thương con hơn trước.

Tâu hoàng-thượng, câu đố thứ nhì là bà mẹ mắng, chửi con theo sở nguyện, rồi càng thương con thêm bội phần.

Vị trời liền hiện ra cúng dường và đức vua cũng



ban-thường như trước. Rồi xin hỏi đến câu thứ ba .

VẤN.— 3)— Người dùng lời dối, đở lỗi cho nhau, sau lại càng thương-yêu nhau hơn trước, là hạng người nào ?

ĐÁP.— Tâu, đó là lời vợ chồng đở lỗi cho nhau rằng : em không thương anh chỉ tìm yêu kẻ khác, vợ cũng nói anh bỏ bụng em, quyến-luyến phụ nữ khác... đở lỗi cho nhau như thế, rồi trở yêu nhau hơn trước. Đó là đở câu nói về vợ chồng tỏ lời không thật cùng nhau như vậy, rồi càng trở mến yêu nhau.

Vị trời liền hiện ra tỏ lời SĀDHU và cúng-dường, đức vua cũng ban thưởng như trước ; rồi hỏi đến câu thứ tư.

VẤN.— 4)— Này con MAHOSATHA ! trong đời, có người thọ nhiều vật dụng của kẻ khác, thì càng làm cho họ thêm phần kính mến, đó là hạng người nào ?

ĐÁP.— Tâu, đó là nói về các thầy Sa-môn, Bà-la-môn tu phạm-hạnh rồi được thí-chủ dâng cúng nhiều vật-dụng (thực-phẩm, y-phục, chỗ ở, mừng, chiếu, thuốc men) thí-chủ được dâng cúng nhiều thì họ càng vui-thích, kính mến nhiều vì là làm cho họ càng được phước-báo. Câu đở này ám-chỉ các thầy Sa-môn, Bà-la-môn tu phạm-hạnh trong sạch. làm cho thí-chủ phát sanh đức-tin dâng cúng vật dụng đến các Ngài, khi các Ngài thọ-lãnh, họ càng hoan-hỉ và kính mến nhiều.

Lần này chư thiên hiện xuống rất nhiều tỏ lời SĀDHU và cúng-dường đủ cả bảy báu. Đức vua ban-



thường nhiều báu vật và phong cho làm đại-tướng tại triều, từ đây Bồ-tát càng thêm vinh-quang chói lọi.

Về sau 4 vị giáo-sư hội nhau bàn luận về địa-vị cao-siêu của Bồ-tát rằng : Nay MAHOSATHA rất có uy thế cao sang hơn chúng ta rồi. SENAKA liền nói : nay tôi có một kế để báo thù MAHOSATHA, vậy chúng ta hãy đến giả bộ thăm viếng và hết lòng thân-thiết với MAHOSATHA rồi hỏi về pháp «nên giấu kín việc mình với ai, nên nói việc kín với ai» rồi vào tâu vu-cáo cho vua hay rằng MAHOSATHA muốn đoạt ngôi vàng. Các ông có hợp ý chăng ?

Ba vị kia đồng tán-thành rồi đem nhau đến dinh MAHOSATHA. Khi gặp nhau, MAHOSATHA (Bồ-tát) tiếp đãi 4 vị giáo-sư rất trọng hậu. Sau khi trò chuyện vui vầy SENEKA bèn hỏi : Thưa bậc trí-tuệ, con người nên giấu việc kín với ai, nói việc kín đến ai ?

— Bậc trí-tuệ không nên tỏ việc kín cho ai cả.

Nghe như thế 4 vị giáo-sư rất hoan-hỉ, bèn từ-giã ra về.

Sáng ra, 4 vị giáo-sư vào chầu tâu lên cho vua hay rằng MAHOSATHA (Bồ-tát) cố giấu việc kín muốn làm phản.

Khi MAHOSATHA (Bồ-tát) vào chầu, vua liền hỏi : Này con MAHOSATHA (Bồ-tát) ! con nghĩ thế nào ? việc kín của mình nên tỏ cho ai biết ?

— Tâu, lẽ thường việc kín không nên tỏ cho ai biết, thì sẽ đem nhiều lợi-ích cho mình, bằng nói việc kín của



mình với kẻ khác, bậc trí-tuệ không khen đâu, khi công việc mong muốn được kết-quả rồi mới nên nói ra. Các bậc trí-tuệ thấy thế, nên hằng giấu nhẹm việc kín của mình.

Nghe MAHOSATHA (Bồ-tát) tâu như thế, đức vua liếc xem SENAKA và nghĩ tin chắc lời tâu lên của 4 vị giáo-sư kia, cho MAHOSATHA là mưu-phản, nên đức vua rất bất-bình.

MAHOSATHA (Bồ-tát) thấy thái-độ của đức vua, đoán biết rằng vua tin-tưởng lời vu-cáo của SENAKA, rồi quì lạy ra khỏi đền.

Đức Bồ-tát nghĩ rằng : 4 vị này, một vị tâu chỉ nên nói việc kín với bạn, một vị nói nên cho con hay, một vị nói chỉ cho mẹ biết, một vị nói nên cho em trai rõ, vì họ đã toan tính nhau trước rồi.

Vậy nay ta vào núp trong thùng đựng nếp này để tìm nghe cho rõ nhân quả thế nào. Nghĩ như thế, Ngài dạy người hầu dời thùng đựng nếp lại, Ngài vào núp trong đó, bảo người lấy đồ đậy che cho khuất và dặn rằng sau khi 4 vị giáo-sư đến hội rồi đi ra khỏi nơi đây, người sẽ trở lại cho ta hay.

Khi ra khỏi ngo môn, SENAKA bèn hỏi về lời tâu của 3 vị rằng : chỉ nên tỏ sự kín cho mẹ, cho con và cho em trai đó do nhân nào ?

Ba vị kia đồng hỏi lại SENAKA, còn ông tâu nên nói việc kín với bạn là thế nào ?



SENAKA bèn khai rằng : Các ông có biết cô gái giang-hồ NAGARA chẳng ?

— Chúng tôi biết nàng ấy, song hôm nay không biết cô ấy ở đâu ?

— Nàng ấy đã bị tôi giết rồi. Một hôm, tôi dẫn nàng đi dạo nơi ngự-uyền và ngủ cùng nàng, song thấy nàng có nhiều vật quý trong mình tôi phát lòng tham, nên sát hại nàng rồi đoạt cả đồ nữ-trang, nay tôi vẫn còn cất giữ để làm kỷ niệm.

Tôi giấu kín việc ấy, chỉ cho bạn thiết biết mà thôi, vì thế, nên tôi chỉ nói việc kín cho bạn thiết biết.

SENAKA bèn hỏi việc kín của PAKUTTHA. PAKUTTHA khai rằng, chân tôi có bệnh phong, chỉ có em trai tôi biết. Mỗi buổi sáng em tôi lấy thuốc băng - bó chân bệnh lở phong, rồi tôi mới vào chầu. Đức vua gọi tôi vào gần rồi dựa mình vào chân tôi và khen rằng chân tôi mềm diệu, nhưng mềm diệu do băng bó ghê phong đó, Đức vua mà biết được ắt tôi bị tội nặng, nên không có ai biết cả, chỉ có em tôi biết mà thôi.

KAMINDA khai sự kín của mình rằng : Tôi phát cơn như chó điên trong nửa tháng một lần, nếu ai biết được thì thật là xấu hổ, chỉ có con trai tôi biết. Vì thế, tôi mới tôiu rằng : chỉ nên cho con trai biết việc kín.

DEVINDA khai rằng tôi đã trộm ngọc mani của đức Đế-thích ban cho đức vua KUSARAJA là hoàng-thái-hậu của đức vua VIDEHARAJA hiện thời. Nhờ oai-lực của ngọc mani, nên mỗi khi tôi vào chầu, đức vua gọi



tôi trước hơn cả, rồi ban cho tôi từ 8 đến 16 hoặc 32 đồng mỗi bữa. Việc kín này chỉ có mẹ tôi hiểu, nên tôi đã tâu như vậy. Cả 4 vị giáo-sư trình-bày việc kín của mình như thế, rồi trở về nhà, chờ sáng sớm đăng giết MAHOSATHA (Bồ-tát).

Đức Bồ-tát núp trong thùng đựng nếp nghe đủ cả

— Đây nói về khi đức Bồ-tát lui ra khỏi đền, SENAKA bèn tâu : Hoàng-thượng thấy rõ nên tin lời chúng tôi chưa.

Đức vua vì không kịp suy-xét, nên vội tin lời vu-cáo của SENAKA bèn trao gươm vàng dạy SENAKA phải hạ-sát Bồ-tát trong buổi sáng mai khi Bồ-tát vào chầu.

Sáng hôm sau 4 vị giáo-sư mặc triều-phục đến trước ngọ môn núp chờ hại Bồ-tát. Ngày càng trưa, chẳng thấy Bồ-tát đến, nên 4 vị vào chầu.

Đức vua phán hỏi, các khanh đã giết MAHOSATHA rồi chăng ?

— Tâu, chúng tôi chờ lâu mà chẳng thấy MAHOSATHA.

Bồ-tát chờ mặt trời mọc lên cao rồi mới mặc triều phục vào chầu, có cả quân hộ-vệ, quỳ lạy đức vua.

Đức vua VIDEHARĀJA động lòng hiểu rằng MAHOSATHA không có tâm phản-ngịch, nên hết lòng kính-trọng ta. Ngài phán gọi MAHOSATHA vào gần và hỏi : Hôm qua con về sớm, bữa nay con về trễ, con có điều gì nghi-nan chăng ? và có nào con vào chầu có cả quân hộ-vệ.



— Tàu, hôm qua hoàng-thượng trao gươm vàng cho 4 vị giáo-sư lên hai tôi tại ngọc môn, cho nên hạ-thần vào chầu hôm nay có cả quân hộ-vệ.

Đức vua nghe qua rồi liếc xem hoàng-hậu, vì nghi bà thông-tin cho MAHOSATHA (Bồ-tát).

Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) hiểu rằng vua thịnh nộ hoàng-hậu, nên Ngài quì tâu rằng: thánh-thượng nghi lệnh hoàng-hậu thông tin cho tôi biết chuyện kín của thánh-thượng. Hạ thần xin trình bày những điều kín cho thánh-thượng tường-tri.

Tâu, SENEKA này có tâm hèn-hạ; làm những tội tày trời, ông là bậc giáo-sư thân-cận chỉ-dạy thánh-thượng. Tàu SENEKA thật là đê-hèn, dẫn cô gái giang-hồ NAGARA đến ngự uyển ân ái nhau rồi giết nàng NAGARA đoạt tất cả nữ-trang để làm của.

Tâu, nếu hoàng-thượng mong bắt kẻ nghịch, nên nả tróc SENEKA trước đi.

Đức vua hỏi SENEKA. SENEKA nhìn nhận tội lỗi y theo lời của MAHOSATHA (Bồ-tát) vừa tâu; Ngài hạ lệnh bắt giam SENAKA nơi ngục đường.

Kể MAHOSATHA lần lược trình - bày nghiệp ác của PAKUTTHA, KAMINDA, và DEVINDA rằng: PAKUTTHA có ghê phung nơi chân, không đáng vào chầu bệ-hạ đâu. KĀMINDA có bệnh điên, bị quỷ nhập không nên làm thầy hoàng - thượng đâu. DEVINDA là kẻ trộm ngọc mani.



Đức vua nghe tàu qua, rồi hỏi, cả 3 vị đều thú tội. Đức vua truyền-lệnh tổng-giam vào ngục như SENEKA.

Tiếp theo, đức MAHOSATHA (Bồ-tát) giảng-thuyết về đức tính của sự thãm-kín rằng : tính giấu kín là cao quý đáng cho bậc trí-tuệ ngợi khen. Sự thổ-lộ việc bí-mật của mình hàng trí-tuệ hằng cố tránh. Bậc trí-tuệ mong điều gì, mà chưa thành tựu thì vẫn giữ kín, chẳng cho một kẻ nào biết được. Phàm ở đời, bậc trí-tuệ hằng giữ kín công-việc như giữ hãm của cải. Sự không tiết-lộ là tánh cách cao-quý của hàng trí-tuệ. Các ngài không bao giờ nói việc của mình cho phụ-nữ nghe, với kẻ thù cũng thế, vì sẽ có tai hại đến mình. Với kẻ tham danh dục lợi, với người nghịch hay phường giả-dối ngoài môi (khẩu Phật tâm xà), bậc trí-tuệ vẫn kín miệng. Hàng trí-tuệ thường lo sợ kẻ biết việc kín của mình.

Lệ thường bậc trí-tuệ muốn trình-bày việc kín cho bạn trí-tuệ nghe, thì hằng bàn với nhau trong khoản trống, đề ngừa sự nghi-nan kẻ khác. Nếu luận cùng nhau trong nơi khuất lấp, làm cho người tìm hiểu dễ-dàng, sẽ bị tiết-lộ mau lẹ.

Đức vua nghe lời giảng-giải thanh-cao của Bồ-tát lấy làm hoan-hỉ, rồi dạy quân dẫn 4 vị giáo-sư ra pháp trường xử trảm...

Bồ-tát liền quì, tâu xin lượng khoan-hồng của vua, xá tội cho họ. Đức vua chuẩn-tấu, nhưng dạy phải làm tội mới cho Bồ-tát đến trọn đời. Bồ-tát cầu xin vua ân-xá và cho phục chức như xưa.



Với hành động cao đẹp này, làm cho đức vua kính phục và suy-nghĩ rằng MAHOSATHA là bậc hiền-nhân, quân tử, không lòng phản-nghịch và từ-bi cứu vớt người thù nữa thật là hiếm có. Đức vua ban-thưởng đến MAHOSATHA rất nhiều vật báu.

Từ đây, 4 vị giáo-sư chẳng còn phương chước nào vu-cáo Bồ-tát nữa, ví như rắn đã bị người lấy nọc ra hết.

Bồ-tát bắt đầu dạy đạo cho đức vua và lo xây thành đắp lũy kiên-cố, gìn-giữ sơn-hà xả-tắc cho vua được thịnh-đạt lâu dài. Ngài có nuôi con két POTAKA tập nói tiếng người, két rất khôn ngoan, dạy sao thì hành theo không sai chạy. Bồ-tát bèn dạy két POTAKA bay đi dò thám các nước, cho biết ngoại-bang nào mong mỏi điều gì, cho tỉ-mỉ rồi trở về báo-cáo cho Ngài rõ.

Két POTAKA thừa lệnh bay đến kinh-dô UTTARA-PANCA do đức vua CULANIBRAHMADATTA trị-vị, có vị cố-vấn danh là KEVATA là bậc bác-học đang dạy đạo cho đức vua.

Một ngày nọ, vị cố-vấn KEVATA thức sớm xem thấy trong dinh có đủ cả báu vật và kẻ tùy-tùng thật là cao sang, hiếm người sánh bằng, nên ông nghĩ rằng : những sự vinh-quang đều do đức vua ban thưởng cho ta. Vậy ta nên tìm cách làm cho đức vua trở thành vị hoàng-đế duy nhất trong đời, thì ta cũng được quyền cao tước lớn, một vị cố-vấn tối cao. Xong, KEVATA liền vào chầu, tâu rằng : Hạ thần có việc bí-mật cần tâu cho Hoàng-thượng rõ. Đức vua nghe rồi đồng cùng KEVATA vào ngự-uyên.



Khi kết POTAKA thấy cử-chỉ của vua và KEVATA như thế, hiểu rằng vua và vị cố-vấn có việc kín muốn bàn cùng nhau. Vậy ta nên cố-gắng tìm nghe cho đầy đủ, nghĩ rồi liền bay theo vua và KEVATA

Khi đức vua CULANĪBRAHMADATTA đến ngự-uyển an-tọa rồi, KEVATA tâu rằng: việc mà hạ-thần tính đây chỉ nên nghe được 4 tai mà thôi, nếu hoàng-thượng nghe theo thì sẽ thành một vị đại hoàng-đế trong đời.

Nghe qua lời tâu của KEVATA, đức vua lấy làm thỏa thích vô cùng, nên phán hỏi rằng: vậy khanh muốn cho trăm làm thế nào, trăm sẽ làm theo, trăm xin nghe lời sáng-suốt của khanh.

— Tâu, xin hoàng-thượng phát binh đến các tiểu quốc. Phần hạ-thần thì đi khuyên các tiểu-bang nên hàng-phục, vì đức vua của tôi nước giàu dân mạnh có đủ binh hùng tướng giỏi lại thêm đức-hạnh, không cự-dịch nổi, các ngài hàng đầu thì sự-nghiệp đế-vương đâu có mất các ngài cũng vẫn ngồi trên ngai vàng như cũ, lại khỏi hao binh tổn tướng. Như thế, các tiểu-vương sẽ đầu hàng. Khi các tiểu-bang đã qui-phục, thì chúng ta sẽ đem binh chinh phạt các cường-quốc. Hạ-thần cũng đi chiêu-hàng; nếu các đại quốc chống cự, chừng ấy ta đã có thêm binh rông tướng mạnh; sẽ cử đại hùng binh mà chinh phạt bắt vua ấy mà hạ sát. Khi đã thu phục được tất cả 101 nước, chúng ta sẽ bày yến tiệc trọng đãi 101 vị vua tại ngự-uyển, cho uống rượu độc chết hết, thì lo chi hoàng-thượng không được làm một vị đại hoàng-đế trên thế gian này.



Tâu, xin thánh-thượng giữ kín kể này chẳng nên để cho ai thấu rõ.

Vì kết POTAKA thám-tử, được nghe rõ mọi điều, liền lần xuống nhánh dưới rồi đại-tiện ngay đầu KEVATA. Vị cố-vấn này ngược đầu lên xem, và nói rằng cái chi rớt trên đầu ta đây ; vừa há mồm thì kết lại đại tiện ngay vào mồm nữa ; rồi kết kêu ki-ri, ki-ri, xong nhảy lên cành trên nói bằng tiếng người rằng : Này cố-vấn KEVATA, ngươi tưởng rằng chỉ có 4 tai nghe sao ? Bây giờ đây đã có 6 tai nghe rồi, dần dần sẽ thành 8 tai và rất nhiều tai nghe thêm nữa.

Đức vua CULANĪ và vị cố-vấn rất bức tức, liền dạy quân lính phải bắn cho được con kết. Nhưng than ôi ! kết đã đập cánh bay về phương trời xa thẳm làm cho đức vua CULANĪ và cố-vấn KEVATA ôm sầu nuốt hận.

Kết POKATA đến nước, bay thẳng vào dinh, đáp trên vai của MAHOSATHA (Đồ-tát) vì kết POTAKA này biết nói tiếng người và được tập thuần-thục rất khôn ngoan, không muốn cho ai nghe biết, nên nó đậu trên vai Bồ-tát, là chỉ mong một mình đức Bồ-tát nghe biết mà thôi, đây là thói quen của kết POPAKA. Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) đem kết POTAKA lên từng lầu cao thanh vắng, rồi hỏi, ngươi đi dò xét như thế nào ?

— Thừa chủ, tôi bay đến thủ-đô UTTARA PAÑCĀMAHANAGARA, có đức vua CULANĪBRAHMADHA thống-trị và vị cố-vấn KEVATA đi đến thượng-viên bàn việc kín cùng nhau, rồi kết POTAKA tỏ hết



những lời KEVATA tâu vua CULANĪ cho MAHOSATHA (Bồ-tát) nghe. Khi đã rõ câu chuyện quan-trọng như thế, Bồ-tát bèn thưởng cho kết POTAKA vừa lòng. Từ đây MAHOSATHA (Bồ-tát) lo việc cải-cách điền-địa, khuếch-trương thương-trường, chỉnh-đốn việc ăn ở của nhân dân. Ngài cho dân nghèo ra ở ngoài thành, nhà giàu vào cư-ngụ trong vòng thành và dạy phải lo làm ruộng rẫy, tích-trữ lúa gạo v.v... cho đầy kho.

Nhà vua CULANĪBRAHMADATTA thi-hành theo lời tâu của KEVATA đem binh chinh-phạt các tiểu-quốc. Còn KEVATA thì dùng lời lẽ để khuyến-dụ các tiểu-bang qui-thuận, rồi đến các đại-quốc. Cứ theo kế-hoạch ấy chẳng bao lâu, đức vua CULANĪ thâu phục được 101 nước nhỏ lớn.

Khi ấy, những thám-tử của MAHOSATHA (Bồ-tát) đã cho đi dò xét trong các nước cho người trở về phi-báo cho Bồ-tát rõ tự sự rằng : Trong 7 năm, 7 tháng, 7 ngày đức vua CULANĪBRAHMADATTA đã chinh-phục tất cả 101 nước chỉ còn sót xứ MITHILĀ. Đức vua CULANĪ bèn xúi KEVATA đem binh đánh thành MITHILĀ.

KEVATA tâu : kinh-đô MITHITĀ có MAHOSATHA PANDITA bậc nhiều trí-tuệ đã bảo-vệ kiên-cố, khó cho chúng ta phá được. Và lại, bậc nhiều trí-tuệ dù có chinh phạt được cũng bị hao binh tổn tướng rất nhiều. chi bằng ta để yên, thông-thả rồi xứ MITHILĀ cũng sẽ vào tay chúng ta.



Sau khi đã thâu binh về nước, đức vua CULANĪ dạy dọn dẹp, trang-hoàng thượng-uyển để tiếp đãi tất cả 101 vị vua đã qui-phục rồi dùng độc-tửu, giết cho chết hết để được làm đại hoàng-đế một mình.

Các thám-tử bèn thông tin cho MAHOSATHA (Bồ-tát) hay rằng ngày này tháng này đức vua CULANĪ-BRAHMADATTA làm lễ ảm-tửu khai hoàn.

Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) nghe qua biết rõ kể độc ác sâu hiểm của vua CULANĪ, ngài rất thương xót tất cả vị vua sẽ mang đại hại vì rượu độc. Ta là người có trí-tuệ đâu nỡ ngồi yên xem cái chết của các vua ấy đâu. Vậy, ta hãy là nơi nương-tựa của quý ngài. Nghĩ xong, Bồ-tát bèn truyền lệnh, sai 1000 quân tinh-nhuệ cho qua đến ngự-uyển của vua CULANĪBRAHMADATTA, nửa đêm thừa lúc, chúng bắt cần tấn-công vào đập phá tất cả những tỉnh rượu độc trong cuộc lễ và cho biết rằng MAHOSATHA sai quân phá-hoại.

Đức vua CULANĪ và 101 tiểu-vương rất giận MAHOSATHA (Bồ-tát). Đức vua CULANĪ bèn truyền lệnh khiến 101 tiểu-vương đem binh chinh-phạt thành MITHILĀ bắt cho được MAHOSATHA (Bồ-tát) và vua VIDEHARAJĀ hạ-sát cho được mới nghe. Xong rồi đức vua CULANĪ bèn vào phòng kín để thương-nghị với vị cố-văn KEVATA.

KEVATA tâu : Thủ-đô MITHILĀ có MAHOSATHA bảo vệ thành trì kiên-cố như hang đá, vả lại, người là trí-tuệ trên đời, sợ e ta đem binh đi không kết quả chi,



mà lại còn mất thanh-danh nữa.

Nghe KEVATA tâu như vậy, nhưng đức vua CULANI vì háo chiến, cho mình là chúa tể, tự cao nên không nhận lời, bèn dẫn đại chúng binh và cả 101 tiểu-vương qua chinh-phạt thành MITHILĀ.

Những thám-tử vào báo tin cho MAHOSATHA (Bồ-tát) hay rõ tự sự. Đức vua MAHOSATHA liền phát binh phòng-thủ căn-mật không dám dễ duôi.

Đức vua CULANĪ dẫn đại binh đến thành MITHILĀ, rồi hạ lệnh bao vây bằng voi-binh một vòng, mã-binh một vòng, xa-binh một vòng, sau rốt là bộ-binh. Quân binh trùng trùng, điệp-điệp, nào tiếng voi, ngựa, xe, người nghe rầm rộ, vang rền như trời gầm, núi lở.

Nói về 4 vị giáo-sư khi nghe tiếng quân binh rầm-rộ, nên lo sợ lên vào tâu hỏi đức vua VIDEHARAJĀ. Tâu lệnh hoàng thượng, chẳng hay chuyện chi xảy ra, mà có tiếng người, ngựa, la ó rền trời như thế?

— Trẫm nghe báo rằng đức vua CULANĪ, dẫn binh, qua đánh nước ta. Vậy trẫm cùng các khanh lên lầu xem thử. Vua tôi đồng nhau lên xem thấy, ôi! là quân binh trùng-trùng điệp-điệp vây chặc vòng thành, khiến cho chúa tôi kinh sợ chết, than-thở cùng nhau chẳng biết mưu kế chi để bôn đào ty-nạn. Trong lúc sợ hãi ấy, thỉnh-linh thấy đức Bồ-tát mặc triều-phục chỉnh-tề vào đến sân rồng, sắc mặt vui tươi, bình-tĩnh, không chút gì lo ngại, như chúa sơn-lâm.

Đức vua thấy MAHOSATHA (Bồ-tát) vào chầu ngài



rất mừng và nghĩ rằng : ngoài MAHOSATHA ra không có một ai đáng là nơi nương nhờ của trăm được. Ngài liền ngó lời rằng : Này con MAHOSATHA ! nay vua CULANĪ BRAHMADATTA đã cử đại hùng binh có cả 101 tiểu-vương đến vây chặc 4 phía thành nào là : voi-binh, mã binh, xa-binh và bộ-binh đông nghệt, không người qua lọt ; voi rống, ngựa hí, xe kêu, người la rần rộ rền trời, vang dất chúng ta không còn nẻo trốn thoát ; ngoài con ra trăm xét chẳng có ai đủ tài năng giải khổ được, con mau liệu biện mưu nào cho trăm khỏi sa vào tay kẻ nghịch.

MAHOSATHA (Bồ-tát) nghe qua những lời phó-thác sanh-mạng và tin tưởng ở mình, ngài rất tội nghiệp cho đức vua quá lo sợ chết, nên yêu cầu ta giải khổ cho. Vậy ta nên là nơi nương tựa của đức vua, ví như vị lương-y là nơi cậy nhờ của bệnh-nhân ; như thực-phẩm là nơi trông cậy của người đói ; hoặc như nước là nơi cần yếu của kẻ khát.

Nghĩ như thế Bồ-tát bèn tâu rằng : Xin hoàng-thượng an tâm chớ lo ngại chi cả, sự dẹp giặc là phận sự của hạ-thần ; dù vua CULANĪ có quân binh nhiều đến đâu, hạ thần cũng trừ được dễ-dàng ; hạ-thần sẽ làm cho chúng chạy bỏ khí-giới và lương-thực lại chúng ta dùng. Tâu xong MAHOSATHA (Bồ-tát) bèn quì lạy lui ra.

Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) truyền rao cho nhân-dân đừng lo sợ chi cả, đối với kẻ nghịch, chúng dân chỉ nên diễn-kịch vui chơi 7 ngày đêm đi, nếu cần mua chi hãy đến lấy tiền nơi ta mà dùng. Còn về phần chống kẻ



ngoại-xâm thì thuộc về phần ta, các người chớ nên lo sợ. Dân-gian nghe lời bá-cáo danh-thếp của MAHOSATHA (Bồ-tát) họ rất an-vui làm theo, chỉ biết ăn mặc vui chơi, đờn ca xướng hát cả ngày lẫn đêm. Quân giặc nghe kèn trống ca hát vui chơi như thế, bèn từng theo các cửa nhỏ vào xem, quân gác cũng cho phép tự-do.

Đức vua CULANĪ nghe tiếng trống kèn, ca hát, hi-hà vang rền trong thành lấy làm lạ nên hỏi các quân thám-tử tâu rằng : Chúng tôi có vào theo cửa nhỏ đến thành nội xem họ diễn-kịch và hỏi thăm vì sao nay trong nước bị giặc vây thành trùng-trùng điệp-diệp, mà không lo sợ, các anh cứ vẫn vui chơi như vậy ?

Chúng đáp rằng : Đức vua của chúng tôi có nguyện bao giờ có giặc đến vây thành thì cho phép nhân-dân được vui chơi như thế. Nay lời nguyện đã đến ; nên chúa chúng tôi bày cuộc chơi ăn mừng như vậy.

Nghe quân thám-tử tâu, đức vua CULANĪ phát lòng tự-ái đại-nộ ra lệnh cho quân lính tấn-công hãm thành và tiêu-diệt nhân-dân đang ăn chơi trong thành đó ; bắt cho được vua VIDEHARAJĀ lấy thủ-cấp đem nạp cho trăm lập tức. Được lệnh truyền, quân lính ồ-ạt tiến đến, kẻ gươm, người dáo cung tên khí-giới đầy đủ xông vào các cửa thành. Nhưng phải một phen thất bại, bị quân trên thành đồ sỏi, cát nóng và bắn tên ra chết vô số ; không một ai đột-nhập vào gần thành được ; phải thối binh trở lại.

Đức vua CULANĪ bèn thương-ngệ với vị cố-vấn



**KEVATA.** KEVATA tâu : bây giờ ta phải chiến-dấu trường kỳ mới có thể thắng được vua **VIDEHARAJĀ**. Chúng ta nên kiên-nhẫn vây thành chắc-chẻ, lâu ngày dân trong thành hết lương-thực, chừng ấy ta sẽ vào bắt cóc họ không khó. Vây càng lâu cũng vẫn thấy không hiệu-quả ; vì trong thành đã tích trữ đầy đủ lương phạn không thiếu hụt chút nào. Trái lại, quân lính của vua **CULANĪ** phải chịu vất vả cực khổ ; dầm sương trải nắng lâu ngày mòn hơi kiệt-sức, hao tổn lương thực. Thấy thế, đức vua bèn hỏi ý với vị cố-văn **KEVATA**. KEVATA tâu : bây giờ còn có một kế là đấu pháp với nhau mới rõ tài cao thấp.

— Đức vua hỏi thế nào gọi là đấu pháp ?

— Tâu lệnh hoàng-thượng, nghĩa là dùng pháp mà đấu nhau không dùng quân lính, hai vị trí-tuệ của 2 nước sẽ hội nhau trong một nơi ; để luận đạo cùng nhau. Người nào cúi đầu lễ-bái là bại, nghĩa là tôi già, **MAHOSATHA** trẻ. **MAHOSATHA** không rõ sẽ mắc kế chúng ta, khi gặp nhau thì **MAHOSATHA** bái chào tôi trước, như thế là người bại trận.

Đức vua **CULANĪ** nghe rất khen ngợi rồi gửi thông-diệp cho đức vua **VIDEHARAJĀ** hay rằng sáng mai tôi và đại-vương gửi bậc trí-tuệ cho hai người gặp nhau trong một nơi nào để đấu pháp. Nếu người nào lễ-bái trước gọi là bại.

Đức vua **VIDEHARAJĀ** được thông-diệp liền cho **Bê-tát** xem. Xong, trả lời ưng-thuận và hẹn nơi đến để



đấu pháp cho vua CULANĪ rõ. MAHOSATHA (Bồ-tát) truyền cho người đến dọn dẹp sắp đặt nơi đấu pháp ngoài thành.

Sáng ra đức vua CULANĪ và 101 tiểu-vương đều dự ra xa chờ xem 2 bậc trí-tuệ đấu pháp.

Với bộ triều-phục chỉnh-tề MAHOSATHA (Bồ-tát) vào chầu vua VIDEHARAJĀ. Đức vua hỏi hôm nay con đi đấu pháp phải chăng ? vậy con cần vật chi thì được phép lấy dùng.

MAHOSATHA (Bồ-tát) tâu, hạ thần cần ngọc mani đề dụ đồ KEVATA.

— Này con ! con cứ tự-tiện lấy đem theo đi. Chúc con đi được nhiều may mắn và đắc thắng khải-hoàn.

Khi MAHOSATHA (Bồ-tát) ra khỏi thành gần đến nơi, ngài xuống xe, rồi ngự đến chỗ đấu pháp với vẻ mặt tươi tỉnh, bạo dạn đầy-đủ nghị-lực ; khác nào chúa sơn-lâm ra khỏi động bấu. Tất cả 101 tiểu-vương đến hội-hợp gần nơi ấy, được thấy quý tướng của MAHOSATHA (Bồ-tát) thì phát tâm phỉ-lạc, trăm-trở ngại khen rằng : vị đại-nhân con của triệu-phú SIRIVADOHANA ần đủ trí-tuệ trong đời không ai sánh kịp. Ai cũng đều tán-dương oai-lực phi-thường rằng như trời Đế-thích có cả chư-thiên hầu hạ tùy-tùng. Khi MAHOSATHA (Bồ-tát) cầm ngọc ma-ni đi ngay đến trước mặt vị cố-văn KEVATA. KEVATA không thể đứng vững được ; nên bước tới bái chào MAHOSATHA rồi nói : Này bậc trí-tuệ MAHOSATHA, hai ta đều là hàng trí-tuệ ; tôi đến nương



náo trong nước của Ngài đã lâu ; vì sao ngài không biểu lễ-vật gì cho tôi ?

— Này Ngài cố-vấn, tôi định sẽ dâng lễ đến Ngài, nhưng tìm mãi chẳng thấy vật chi quý-báu xứng-đáng biểu Ngài. May thay, tôi vừa được ngọc mani trong ngày nay ; ngọc mani này tôi cho là của biểu xứng-đáng để dâng đến Ngài. Vì thế. Tôi mới cố-gắng đến đây xin dâng cho Ngài bây giờ, mời Ngài đến thọ lãnh.

Vị cố-vấn lòng mừng khắp khởi tin rằng là thật ; thấy MAHOSATHA (Bồ-tát) cầm ngọc mani hào-quang chiếu sáng liền đưa tay ra để thọ. MAHOSATHA bèn ném ngọc mani trên tay KEVATA, ngọc mani liền rớt xuống đất, lăn vào gần chơn Bồ-tát. KEVATA mong được ngọc nên vội vàng cúi xuống gần chơn MAHOSATHA (Bồ-tát) để lượm ngọc mani. Thuận tiện, Bồ-tát dùng một tay ấn mạnh vào cổ KEVATA không cho đứng dậy được. Bồ-tát bèn tuyên-bố rằng : này, ngài cố-vấn nên ngồi dậy đi, mời ngài không nên lễ bái tôi làm gì. Lời tuyên-bố của Bồ-tát nghe vang đến tất cả quân lính, làm cho ai cũng đều thấy rõ và nhận rằng vị cố-vấn đang quì bái đức Bồ-tát, cho đến 101 tiểu-vương và vua CULANĪ cũng đồng nhận như vậy. Quân lính của MAHOSATHA (Bồ-tát) cũng tiếp báo-cáo lên rằng : KEVATA quì lạy MAHOSATHA.

Địch-quân đều hải-hùng sợ chết, đồng nhau lên ngựa chạy dài về thành UTTARAPANCĀ. Quân lính của



MAHOSATHA (Bồ-tát) càng la to lên rằng : đức vua CULANĪ trốn rồi ; làm cho toàn cả địch-quân rối loạn mạnh ai nấy chạy chết. Khi đó ; MAHOSATHA (Bồ-tát) bèn dẫn quân trở về thành. Còn vị cố-vấn KEVATA cố-gắng chạy theo vua tâu rằng : Xin các ngài ngừng lại ; không phải tôi lạy MAHOSATHA đâu. Mặc dầu KEVATA kêu nói họ cũng không cần nghe và đáp rằng : người là kẻ đê-hèn, sau lưng người thì ngã-mạng ; nói sẽ làm cho MAHOSATHA (Bồ-tát) lễ-bái mình, đến khi gặp mặt MAHOSATHA thì hoảng sợ liền lạy sát đất, bây giờ lại nói không lạy MAHOSATHA, ai tin được, chúng ta không nghe người đâu.

Vị cố-vấn nói, xin các ngài hãy tin sự thật là tôi cúi đầu lượm ngọc mani của MAHOSATHA biếu cho nhưng đã làm rơi xuống đất.

— Vậy ông có lượm được ngọc mani không ?

— Không, tôi vừa cúi xuống bị MAHOSATHA đè cổ cứng như sắt, khiến tôi không đứng dậy được. Nghe giải rõ nên đức vua CULANĪ đem toàn quân trở lại vây thành MITHILĀ như trước.

Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) sợ bị vây lâu ngày lòng dân rối loạn, nên Ngài tìm mưu đuổi địch trở về. Ngài cố tìm người trí-thức và trung-thành để giúp Ngài ; Ngài bèn gọi ANUKEVATA vào rồi hỏi, người có hết lòng giúp ta chăng ?

— Thưa, tôi sẵn lòng tuân lời dạy bảo của Ngài, dù cho thân này tan nát tôi cũng vui lòng làm theo.



Bồ-tát dạy ANUKEVATA làm khô nhục kế trá hàng, và trù-hoạch cho ANUKEVATA thi-hành. Trước hết bắt tội ANUKEVATA suy mưu phản-nghịch giam vào ngục hình tra-tấn thậm-tệ, đến đổi máu đổ thịt rơi. Một hôm, ANUKEVATA vượt ngục chạy qua quân dịch than khóc, oán trách MAHOSATHA làm động lòng quân lính của vua CULANĪ. ANUKEVATA được dẫn vào chầu vua CULANĪ để tâu rõ tự-sự rằng : MAHOSATHA thấy tôi được đức vua VIDEHARAJA tin cậy ban thưởng nhiều rồi sanh lòng ganh-ty, tìm kế đoạt hết binh-quyền tôi, rồi còn dạy quân tra-tấn tôi tàn-nhân, nên tôi buộc tình phải trốn qua xin đầu hàng hoàng-thượng để dâng kế hoạch đoạt thành MITHILĀ và bắt MAHOSATHA cùng vua VIDEHARAJĀ giết cho tuyệt tộc.

Đức vua CULANĪ nghe được rất mừng và phong cho làm hầu cận vua.

Trong những hôm sau động binh, ANUKEVATA từng dịp tâu dối rằng : tôi đã xem xét tỉ-mỉ thấy phần đông các vương và binh-sĩ cho đến vị cố-vấn KEVATA đều cố ý theo MAHOSATHA, vì trong các vật dụng đều có dấu hiệu riêng của MAHOSATHA, xin đại-vương tra xét thì rõ. Đây là kế hoạch đã vạch sẵn của MAHOSATHA (Bồ-tát). Khi đức vua CULANĪ dạy ANUKEVATA lấy ra cho ngài xem, thấy rõ tang vật bèn tin hẳn là thật; rồi ngài hỏi ý kiến ANUKEVATA, như vậy phải làm thế nào ?

Tâu, hạ-thần xin căn bệ-hạ hồi trào để bảo tồn chúa tôi, chẳng nên ở đây vì sẽ bị kế của MAHOSATHA thì trở tay không kịp.



Đức vua nghe rất lo sợ, rồi hỏi kẻ nơ ANUKENATA, ANUKENATA tâu: bệ hạ nên trở về nước nội đêm nay, nếu sáng ra không tránh khỏi tay MAHOSATHA dẫu. Vì tất cả quân binh, 101 tiểu vương, nhất là vị cố-vấn KEVATA đã thọ ngọc mani của MAHOSATHA rồi mà trở lại nói dối là ngọc mani bị MAHOSATHA lấy lại.

Đức vua CULANĪ nghe được kinh hải sợ chết, hỏi ANUKENATA mau thẳng yên ngựa cho Ngải bốn đào. Khi lên ngựa xong, ANUKENATA theo đưa vua CULANĪ một đôi đường, rồi quay ngựa trở lại la lên rằng đức vua CULANĪ đã trốn rồi. Khi đó, các vị tiểu-vương và cố-vấn KEVATA tin rằng đức vua đã bị MAHOSATHA bắt rồi; nên ai cũng đều kinh-khùng, sợ chết lên ngựa tàu thoát; không kịp mang theo vật chi cả; tất cả quân binh cũng ừa nhau chạy tán loạn.

Sáng ra, được tin thám-tử phi-báo. ngọc-môn quan mở cửa thấy vô số vật dụng bỏ đầy đường, quân vào tàu cho MAHOSATHA, (Bồ-tát) rõ.

Đức MAHOSATHA (Bồ - tát) dạy : vật của vua CULANĪ và 101 tiểu vương thì lượm thâu đem dâng cho đức vua mình. Phần nào của triều-phủ và vị cố - vấn KEVATA thì đem cho ta. Còn bao nhiêu thời cho quân binh và dân chúng được phép lấy dùng. Ai ai cũng đều hoan hỉ nhạc tiền bạc, vàng, ngọc rất nhiều đến nửa tháng mới hết vật quý. Tìm lượm những vật dụng thường đến 4 tháng mới hết. Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) bèn ban thưởng cho ANUKENATA rất nhiều của cải châu báu.



Từ đó, nhân dân trong xứ MITHILĀ trở nên giàu sang thịnh vượng.

— Nói về vị cố-vấn KEVATA càng nghĩ càng tức giận MAHOSATHA (Bồ-tát) đã bị đại bại còn mang vết thương trên mặt, hết sức là nhục-nhã; nên KEVATA hằng tìm mưu-chước để báo thù.

Một hôm, vị cố-vấn KEVATA thấy một kẻ rất hay, là nhờ đến nàng công-chúa của đức vua CULANĪ có nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời (nhan sa, cá lặn) như ngọc-nữ nếu ta đem công-chúa là mỹ-nhân kể dụ-dỗ gả cho vua VIDEHARAJĀ, khi đức vua VIDEHARAJĀ và MAHOSATHA đến đây, ta sẽ phân thây mà rửa hờn, chừng ấy mặt sức ta ca khúc khải hoàn.

Tính như thế, bèn vào chầu, tâu kín với đức vua CULANĪ. Đức CULANĪ từ khi trở về nước âu-sầu, hồ-thẹn, ngày ăn chẳng no, đêm không yên giấc, sợ cảnh nước mất nhà tan. Khi nghe KEVATA muốn tâu việc kín, phán rằng: Thôi đi, khanh đã nhiều phen lập kế bày mưu mà thất bại luôn làm cho hao binh tổn-tướng, nay còn mưu mô gì nữa.

Vị cố-vấn KEVATA hết sức khẩn-cầu, xin hoàng-thượng dẫn cơn thịnh-nộ cho hạ-thần tâu một kế rất hay không còn phương-pháp nào hơn.

— Vậy khanh hãy tâu cho trẫm nghe thử.

— Tâu, xin hoàng-thượng đến nơi thanh vắng chỉ có 4 tai mới nên nói. Đức vua nhận lời lên từng lầu cao nhất, KEVATA tâu rằng: Tôi tính cho những thi-sĩ, nhạc-sĩ



đặt các bài hát du-dương quyến rũ, rồi dạy tập cho công-chúa biết ca-sang, múa hát đúng nhịp đờn kèn cho thật hay, chừng ấy sẽ trái đi đến thành MITHILĀ mê-hoặc vua tôi VIDEHARAJĀ. Khi đã làm cho vua VIDEHARAJĀ say mê công-chúa rồi, bệ-hạ sẽ sai hạ-thần đến tâu xin gả công - chúa cho vua VIDEHARAJĀ. Nếu đức vua VIDEHARAJĀ đẹp dạ thuận tình ; tôi sẽ thỉnh ngài qua đây rước dâu, chừng ấy sẽ có MAHOSATHA theo châu, ta tùy cơ ứng-biến bắt chúng mà giết cho sạch để trả thù xưa.

Đức vua CULANĪ nghe được lấy làm hoan-hỉ rằng : kể này thật hay, rồi đức vua cho đòi các thi-sĩ, nhạc-sĩ trứ danh trong nước đến dạy, đặt bài ca, thơ, phú đủ cách và có treo nhiều giải thưởng. Đức vua dạy công-chúa và cung-phi, mỹ nữ phải học cho thuần-thục nghề ca hát, đờn kèn trong đền. Đức vua không quên tuyển-chọn các thanh nữ xinh đẹp có tiếng thanh-tao cùng học ca-hát đờn kèn giúp công-chúa. Chẳng bao lâu trở thành một đoàn ca-kịch nổi tiếng khắp xứ. Đức vua CULANĪ cho sang diễn-kịch trong thành MITHILĀ, làm cho nhân-dân chí đức vua VIDEHARAJĀ nghe tiếng ca hát, đờn kèn đều thỏa-thích, dần dần có tin đồn rằng đức vua CULANĪ sẽ gả công-chúa cho đức vua VIDEHARAJĀ.

Khi đức vua VIDEHARAJĀ được nghe càng thêm say-mê tiếng đờn-ca, xướng-hát và càng quyến-luyến sắc nước hương trời của công-chúa. Đức vua bèn ban thưởng rất nhiều tiền bạc cho bọn ca nhi. Sau khi đã thi-hành công việc theo lời dạy của đức vua CULANĪ với sự kết-



quả khả-quan, đoàn ca kịch về nước. Lúc bấy giờ, đức vua VIDEHARAJĀ hằng thương-tiếc và nhớ đến lời ca điệu múa, hình-ảnh xinh đẹp của công-chúa.

Vị cố-văn KEVATA thấy đã có hiệu quả phần nào rồi, nên vào tàu vua, xin cho mình đi qua xứ MITHILĀ để đính-hôn cho công chúa với đức vua VIDEHARAJĀ. Khi đến thành MITHILĀ, vị cố-văn KEVATA xin vào yết-kiến đức vua VIDEHARAJĀ và tố lời của vua CULANĪ xin hứa gả công chúa để tỏ tình bang-giao giữa hai nước. Đức vua VIDEHARAJĀ nghe được xiết bao mừng rỡ, ban-thưởng rất nhiều và khuyên vị cố-văn nên gặp MAHOSATHA cho hai bên cùng được giải-hòa nhau.

Vị cố-văn KEVATA nghe lời đến dinh MAHOSATHA (Bồ-tát). MAHOSATHA (Bồ-tát) biết KEVATA là người độc ác không tốt nên cố ý không muốn đàm luận bèn giả đau nằm trên giường không tiếp khách. Lúc ấy vị cố-văn KEVATA đến, gặp Bồ-tát mà ngài không mời ngồi và cũng không trò chuyện nên KEVATA phải xin từ-giã lui ra.

Trở vào chầu, vua VIDEHARAJĀ hỏi KEVATA đến thăm con trâm MAHOSATHA ra sao ?

— Tâu, ngài MAHOSATHA đâu có phải là bậc trí-tuệ, không biết cách tiếp khách, là hạng vô trí-thức thật. Đức vua nghe rồi vẫn làm thinh.

Khi KEVATA từ tạ lui ra, đức vua VIDEHARAJĀ bèn suy nghĩ rằng : có sao con trâm lại không chịu tiếp



nước KEVATA có lẽ con trăm đến xứ người rồi tìm cách hại trăm chăng ? Ôi ! sang đến đó ta sẽ ở trong tay kẻ nghịch, nghĩ rồi rất lo sợ.

Kể có 4 vị giáo-sư là : SENAKA, PAKUTTHA ; KAMINDA và DEVINDA vào chầu. Đức vua VIDEHARAJĀ bèn hỏi ý kiến 4 vị giáo-sư cho biết nên sang xứ UTTARAPĀNCĀ không ?

SENAKA tâu, vì sao mà bệ hạ lại hỏi chúng tôi như thế. Sự ngự đến nước UTTARAPĀNCĀ của bệ-hạ là đúng, có nhiều lợi-ích :

1/— Được rước công-chúa về làm hoàng-hậu thì có chi quý bằng.

2/— Các nước lân-bang, ngoài UTTARAPĀNCĀ, đều tùng-phục bệ-hạ như họ đã hàng đầu đức vua CULANĪ.

3/— Sẽ được bang-giao hòa-hảo với đức vua CULANĪ thì có chi quý bằng.

— Đức vua hỏi 3 vị kia, họ đồng tán-thành ý kiến của SENAKA.

Khi ấy, vị cố-vấn KEVATA vào tâu xin từ-biệt đức vua VIDEHARAJA và trở về nước cho vua mình hay ngày hôn-lễ.

Được nghe KEVATA trở về nước rồi, đức MAHO-SATHA (Bồ-tát) mới vào chầu. Đức vua VIDEHARAJĀ bèn cho Bồ-tát hay rằng tất cả 6 người là 4 vị giáo-sư, cố vấn KEVATA và trăm đồng-ý sang xứ UTTA-



RAPAÑCĀ đề rước công-chúa về. Vậy con là bậc trí-tuệ, con nghĩ sao ?

— Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) xét rằng đức vua đã say mê sắc dục không tưởng đến tai-hại lớn lao, đề ta tâu cho thấy rõ sự nguy-hiểm, mong đức vua thức tỉnh. Nghĩ rồi bèn tâu rằng : Hoàng-thượng không sợ bị người sát hại, ví như thợ săn gài bẫy, đem thú cái làm mồi cho thú đực sa vào bẫy rồi họ phân thây, thế nào vua CULANĪ ví như thợ săn, công-chúa như thú cái; KEVATA ví như cây lao mà thợ săn cầm trong tay. Đức vua CULANĪ đem công-chúa làm mồi bắt bệ-hạ; hoặc ví như ngư-ông móc mồi vào lưỡi câu, cá mê mồi phải bị giết thế nào, đức vua CULANĪ ví như ngư-ông, công-chúa ví như miếng mồi, KEVATA ví như lưỡi câu, bệ-hạ ví như cá mong ăn mồi.

Tâu, nếu bệ-hạ say mê công-chúa và ngự đến nước UTTARAPAÑCĀ thì sẽ bị hại chẳng sai. MAHOSATHA (Bồ-tát) cố tìm đủ lý-luận để tâu bày, ngõ hầu giải nạn cho đức vua.

Nhưng, than ôi ! đức vua VIDEHARAJĀ nghe rồi phát cơn thịnh-nộ rằng MAHOSATHA khinh rẻ trăm thái-thậm. Xem trăm như tôi tớ của người, không trọng ta là bậc đế-vương chi cả. Đã hiểu rõ đức vua CULANĪ mời ta để gả công-chúa, nó không có một lời nào chia vui cùng ta, mà thêm khinh-khi nhạo-báng ta thái quá. Nghĩ rồi đức vua bèn phán rằng : Này MAHOSATHA !



ai ai cũng đều tán-thành cho trăm sang cưới công-chúa ; vậy họ chẳng hiểu lợi-ích chi cả sao ? Không một ai có trí-tuệ cả, đều là mù quáng hết sao ? chỉ có mình người là biết việc hơn hết chẳng ? Này MAHOSATHA ; người là con nhà ruộng rẫy chỉ biết cày bừa mà thôi, đâu có hiểu điều hạnh-phúc của nhà vua. Người chỉ biết cày, cuốc đất, nào rõ công việc của đế-vương.

SENAKA, PAKATTHA, KĀMINDA và DEVINDA thông suốt điều lợi-ích của trăm. Người là kẻ nhà quê, chỉ biết nghĩ đến công cấy cày mà thôi. Vậy ai đâu, người nào đó hãy vào đánh đuổi MAHOSATHA ra khỏi chỗ này cho khuất mắt trăm, MAHOSATHA chỉ nói những lời bất hạnh. Trăm được lợi-báu và trở làm cho trăm mất à. Đức vua chỉ phán bấy nhiêu lời chớ không gọi ngay người nào, báo bắt MAHOSATHA (Bồ-tát) vì đức vua vẫn còn thương-yêu, kính trọng Bồ-tát. Mặc dù đức vua không dẫn được con thịnh-nộ, nên mới phán bấy nhiêu lời.

Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) hiểu rằng vua không vừa lòng nên lui ra về dinh. Đức Bồ-tát tự nhủ rằng : Hoàng-thượng ta ham vui quá, chỉ biết sự đi rước công-chúa mà không tưởng điều tai-hại đến sanh-mạng mình. Chỉ thấy lợi mà không rõ sự hại lớn lao. Nếu ta cố-chấp, chỉ ghi nhớ lời sân hận của ta, trọng-dối, ban thưởng ta biết bao quyền cao tước trọng. Vậy ta hãy là nơi nương-tựa của ngài mới nên cho, giềng đây ta nên đi qua xứ UTTAR-APANĀCĀ trước, để trần thiết kinh-thành và cung điện



cho đức vua ngự và tạo bãi chiến - trường, đào đường hầm và lỗ hồng đề sẵn, ngửa khi đức vua CULANĪ bao vây, ta sẽ thỉnh đức vua, các quan đại-thần và bắt luôn công-chúa theo xuống hầm rút binh thẳng về nước. thế mới được an-vui, tránh mọi điều nguy-hiểm. Sự vắng lai của đức vua là phận-sự của ta. Xét thấy thế, MAHO. SATHA (Bồ-tát) mặc triều phục dẫn kẻ tùy tùng đến châu vua và tâu rằng : Thánh-thượng quyết-định sang kinh-đô UTTARAPĀNCĀ chẳng ?

— Ô trăm định đi đề rước công - chúa về, bằng không thì sự-nghiệp đế-vương có ích gì. Vậy, con hãy cùng trăm đi thì được 2 lợi-ích :

1/— Được công-chúa.

2/— Có sự bang-giao với đức vua CULANĪ.

Tâu, như vậy hạ-thần xin đi trước đề trang-hoàng cung điện sẵn-sàng, đón rước hoàng-thượng. Khi làm xong hạ-thần sẽ sai quân về thỉnh bộ-hạ ngự sang.

Đức vua mừng rằng MAHOSATHA đâu có bỏ trăm, rồi hỏi con cần dùng chi đem theo chẳng ?

— Tâu, hạ-thần cần dùng quân lính vừa đủ để làm các công việc được kết-quả. Xong MAHOSATHA (Bồ-tát) tuyển chọn đội quân tinh-nhuệ, thiện-chiến và những người có khả-năng để giúp việc cho Ngài.

Dẫn binh đi được một dặm đường, Ngài bèn cho hạ trại từ khoảng theo đường rồi dặn các tướng chỉ-huy rằng phải cẩn-mật đề phòng bọn nghịch tấn-công. Khi



thấy đức vua đem công-chúa về đến thì lo thay đổi ngựa, voi, xe cho đức vua và lập tức theo hộ-tổng thẳng về đến kinh-đô MITHILĀ chớ nên đề cho đức vua lo sợ, nhất là ngăn-ngừa địch quân.

Dặn dò xong xuôi, MAHOSATHA (Bồ-tát) bèn dẫn binh đến kinh thành UTTARAPANĀ, còn cách một dặm đến thành-đô ; Bồ-tát cho quân hạ trại và tạo cung-dinh cho đức vua ngự, sắp đặt các công việc phòng thủ đào đường hầm có lỗ hổng để ngựa khi hữu sự.

Đức vua CULANĪBRAHMADATTA nghe MAHOSATHA (Bồ-tát) qua đến, rất mừng vì cho rằng đã mắc mưu-chước mình, thông thả rồi đây vua VIDEHARAJĀ cũng sẽ qua nữa. Phen này chúa tôi chạy đâu thoát khỏi tay ta.

Dân chúng nghe đồn MAHOSATHA (Bồ-tát) qua đến, mong tìm xem cho biết tướng của người trí-tuệ danh vọng khắp nơi. Thấy MAHOSATHA (Bồ-tát) uy-nghi lâm-liệt, tướng mạo đoan-trang thật đáng yêu-kính, trí-tuệ nhất trong đời khiến cho 101 vị vua phải kinh sợ chạy dài, ví như bầy quạ bị đánh đuổi bằng gậy. Trí-tuệ của bậc này xứng đáng với hình-dung xinh đẹp.

Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) đến ngọ môn xin vào yết-kiến đức vua CULANĪ rồi đứng một bên.

Đức vua tỏ lời thiện-cảm với MAHOSATHA rồi hỏi : Này MAHOSATHA ! đức vua VIDEHAKAJĀ bao giờ mới đến ?



MAHOSATHA (Bồ-tát) tâu, khi nào được tin tôi, thì chúa thượng tôi sẽ đến.

— Khanh đến trước với mục-đích gì ?

— Tâu, tôi đến để trần-thiết cung-điện tiếp rước đức vua VIDEHARAJĀ.

— Tốt lắm ! rồi đức vua CULANĪ ban thưởng cho Bồ-tát và phát lương phạn cho quân sĩ, ban dinh-thự đến Bồ-tát. Khanh hãy ngụ được an-vui đi, ở đây cũng như với đức vua VIDEHARAJĀ vậy. Khanh xem coi việc nào có lợi-ích nên giúp cho trăm thì cứ làm, chớ lo ngại chi cả.

— MAHOSATHA (Bồ-tát) quì tâu rằng : Tâu hoàng thượng, hoàng-thượng cho phép tôi tạo cung-điện cho đức vua VIDEHARAJĀ ở đâu, trong nơi nào ?

— Này bậc trí-tuệ, ngoài cung-dinh của trăm, khanh coi nơi nào vừa ý thì cứ làm.

— Tâu, tôi là người khách, nếu chỗ ở mà tôi vừa lòng tạo cung-điện nơi ấy thì sao ? khỏi cái cọ, rầy-rà với dân chúng.

— Này bậc trí-tuệ, trăm đã cho phép, khanh cứ làm theo ý muốn, nếu có ai cưỡng lại thì khanh bắt làm tội đi.

— Tâu, nếu họ không vừa lòng, họ sẽ vào ra tàu mãi với hoàng-thượng, thì bận lòng hoàng-thượng lắm. Vậy, để tỏ lòng thân-thiện và tri-ân, tôi xin cho người của tôi được phép gác cửa đền của bộ-hạ, và không cho ai ra vào làm rối lòng bộ-hạ.



— Trẫm cho phép, không sao đâu, khanh cứ thi hành làm sao tốt đẹp thì thôi.

Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) lay tạ lui ra, liền đổi lính mình gác cửa đền vua, không cho ai vào ra tự-do như trước. Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) giả tìm chỗ tạo cung-diện cho vua VIDEHARAJĀ tại cung của hoàng-thái-hậu là mẹ của đức vua CULANĪ, bảo quân phá cửa cạy gạch v.v... Hoàng-thái-hậu thấy bất bình hỏi, tại sao vậy ?

— Những người của MAHOSATHA không cần trả lời, cứ làm phận-sự mình. Bà hoàng-thái-hậu la rầy ngăn cản không được, bèn tính vào tâu cho hoàng-nhi rõ. Đến cửa đền, ngọ môn quan không cho vào. Bà nói: ta là mẹ của vua CULANĪ tại sao không cho ta vào ?

— Ngọ môn quan không cần nghe, bà bất bình. Không biết làm sao phân-trần, bà trở về đến kêu nài với người MAHOSATHA (Bồ-tát) ngài vẫn nín thinh. Bà khẩn-khoản với người hầu MAHOSATHA (Bồ-tát) hối-lộ 100.000 lượng bạc. KEVATA bèn dẫn quân đến chầu vua, mà cũng không vào được; buộc lòng phải cầu khẩn hối-lộ 100.000 lượng bạc như bà hoàng-thái-hậu ? Cứ như thế hết dinh này đến thự nọ, thâu được tất cả 90.000.000 lượng bạc.

Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) vào chầu. Đức vua CULANĪ phán hỏi: khanh đã tìm được chỗ chưa ?

— Tâu, lựa nơi nào cũng chẳng có ai chống cự cả, nhưng xét thấy hạ-thần làm như thế, rất tội-nghiệp cho



chúng dân. Nếu hoàng-thượng từ-bi thì tôi xin tạo cung xa đèn của hoàng-thượng lối 4.000 thước và cách mé sông lối nửa do-tuần nơi đó rất thích-hợp.

— Đức vua CULANĪ xét rằng : nếu cho vua VIDE-HARAJĀ ngụ trong đèn thì bất tiện cho chiến-tranh, và hại cho ta. Vậy ngoài thành thì rất hợp và được nhiều lợi ích. Nghĩ rồi bèn phán rằng : khanh tính như vậy thật hay, khanh cứ khởi công đi.

— Tâu, sợ e có người vào rừng đốn củi rồi gây ra bận lòng.

— Trẫm cấm không cho một ai đến đó cả.

— Tâu, gần mé sông quân binh của hạ-thần thường xuống tắm rửa, thì làm cho dân chúng bất bình chăng ?

— Khanh cứ cho phép quân binh tự-do xuống tắm rửa không ai dám làm chi đâu.

MAHOSATHA (Bồ-tát) quì lạy lui ra, về truyền quân lính khởi công lập-tức.

— Đức vua CULANĪ ra lệnh bố-cáo cho dân chúng biết, nhà vua cấm ngặt không ai được đến gần để bực trí-tuệ MAHOSATHA hành sự, kẻ nào vi lệnh sẽ bị phạt 1.000 lường bạc.

— Đức MAHOSATHA (Bồ-tát) đóng dinh lập trại, lập thành một quận to hiệu là TAGGALIGĀMA cho voi-binh, ngựa-binh, xa-binh và bộ-binh, rồi phân phát công việc cho 6.000 quân thợ, đào đường hầm và lỗ hổng gần mé sông vì thế mà nước sông phải đục.



Đức Bồ-tát dạy đào đường hầm to rộng có cả lỗ hổng, xây vách tường có trần phía trên, có đèn máy, đủ cả tiện-nghỉ, có 101 ngôi rỗng cho 101 vị vua, có giường rỗng, màn che sáo phủ. Sơn phết, họa tranh cõi trời dục-giới, trời đẽ-thích, chư-thiên hầu hạ, có đủ cả đồ trần-thiết xem rất ngoạn-mục như cõi trời Đạo-lợi.

Khi đã tạo đường hầm, cung điện hoàn thành, Bồ-tát bèn dâng sớ về tâu, thỉnh đức vua VIDEHARAJĀ qua, quán quân rần rộ sang đến, đức Bồ-tát ra đón rước đức vua VIDEHARAJĀ vào cung điện an-nghỉ. Sáng ra đức vua VIDEHARAJĀ gọi tin tâu cho đức vua CULANĪ hay rằng : Vua VIDEHARAJĀ đã qua đến và xin định ngày lễ thành-hôn với công-chúa.

Đức vua CULANĪ mừng thăm, nay mưu chước ta được hiệu-quả. Ta sẽ tùy cơ bắt cả chúa tôi hạ-sát cho tuyệt dòng, chừng ấy ta sẽ bày lễ ầm-tửu khải-hoàn. Hiện nay, chúng như cá nằm trên thớt ta chẳng lo chi, nghĩ rồi bèn sai quân đến cho đức vua VIDEHARAJĀ lựa ngày tốt ; thuận-tiện để rước công-chúa.

— Đức vua VIDEHARAJĀ cho nhà chiêm-tinh xem sao, rồi tâu rằng : ngày mai rất tốt. Đức vua VIDEHARAJĀ bèn sai quân vào tâu cho vua CULANĪ rõ ; Đức vua CULANĪ rất mừng, mai là ngày vua tôi chúng đến tội, ta sẽ bắt cho được vua tôi VIDEHARAJĀ hạ-sát mà rửa hờn.

— Đức vua CULANĪ ra lệnh cho 101 tiểu-vương đem binh bao vây chỗ vua VIDEHARAJĀ ngự. Ngài dạy



hoàng-thái-hậu, hoàng-hậu, thái-tử và công-chúa vào ngự chung cùng nhau và cho quân-binh hộ-vệ nghiêm-nhặt. Còn phần trăm, trăm sẽ xuất-chinh bắt cho được vua tôi VIDEHARAJĀ.

Về phần MAHOSATHA (Bồ-tát) ngài cho đãi vua, các quan đại-thần và quân lính ăn uống no đủ. Khi được nghe vua CULANĪ xuất-chinh, thì đức Bồ-tát ra lệnh 300 binh vào thỉnh bà thái-hậu, hoàng-hậu, thái-tử và công-chúa đem chờ tại cửa hăm gần mé sông.

Trong khi ấy, bà hoàng-thái-hậu dẫn ba vị hoàng-tộc là : hoàng-hậu, thái-tử và công-chúa vào ngự trong một phòng có quân lính canh phòng nghiêm nhặt. Không lâu, có một toán-lính đến gần cửa phòng tâu : kính thỉnh quý ngài đi dự lễ khải hoàn. Nay đức vua bắt được vua VIDEHARAJĀ cùng MAHOSATHA và hạ-sát rồi. Đức vua và 101 tiểu-vương đang dự lễ âm-tửu khải-hoàn. Vì thế, đức vua dạy tôi đến thỉnh đức hoàng-thái-hậu, hoàng-hậu, thái-tử và công-chúa đến gặp đức hoàng-thượng. Bốn vị hoàng-gia đều tin là thật, rồi ngự đi theo. Quân lính dẫn bốn vị đến đường hăm.

— Bốn vị bèn hỏi : đường này có từ bao giờ, sao chúng tôi không biết.

— Tâu, đây là đường phúc-đạo, khi nào có đại lễ mới được đi. Bốn vị cũng tin theo.

Tất cả quân lính tấn-công vào thành-nội, chia ra làm 2 đội (1). Một đội ở lại lục-soát lấy hết vật-báu trong

---

(1) Toán quân



cung-nội; một đội dẫn đường đem bốn vị hoàng-gia về đường hầm. Bốn vị ngự đến đường hầm to, thấy có trần-thiết cao-sang đầy đủ báu-vật, giống như cõi trời, nên khen rằng : đây thật là nơi thắng cảnh, dành cho nhà vua du-làm. Khi đến đường hầm gần mé sông, quân lính thỉnh 4 vị vào ngự một phòng riêng biệt. Có người đến báo cho đức Bồ tát hay. Bồ-tát rất hoan-hỉ rằng : thật là mãn-nguyện của ta rồi. Ngài bèn đến chào đức vua VIDEHARAJĀ, rồi đứng qua một bên.

Về phần đức vua VIDEHARAJĀ, ngài hằng nóng lòng vì phiền-não-dục. Sáng ra đức vua cùng 4 vị giáo-sư lên lầu thấy biết bao quân-binh, trùng trùng điệp điệp, bao vây cung đình, nên sanh nghi. Ngài bèn hỏi 4 vị giáo-sư rằng : các khanh thấy quân lính bao vây, có hiểu thế nào chăng ?

— Tâu, hoàng-thượng cần chi lo ngại, đó là đức vua CULANĪ đem quân đội hộ-giá và đưa công-chúa đến cho hoàng-thượng, theo lễ nghinh-giá là khách quý, có chi đâu mà bệ-hạ sợ.

Quân lính dần-dần vây chặt vòng thành, lại thêm nghe tiếng các vị đại-tướng ra lệnh và lập đi lập lại rằng : « Chớ dễ-duôi, đừng cho chúng trốn thoát ».

Đức vua VIDEHARAJĀ càng lo sợ, nên hỏi MAHOSATHA (Bồ-tát) : này con MAHOSATHA ! con có hiểu rõ thế nào chăng ?

MAHOSATHA (Bồ-tát) xét rằng : đức vua vì mê sắc và tin 4 vị giáo-sư, không nghe lời ta can gián, nên hôm



nay phải gặp tai hại lớn lao như vậy. Vậy đề ta làm cho ngài hoảng-hốt, rồi sau sẽ an-ủi ngài. Bồ-tát bèn tâu rằng: hôm nay đức vua CULANĪ đem đội binh bao vây cung-điện, chẳng phải đề hộ-giá hoàng-thượng dẫu, đây là cố mong sát-hại bệ-hạ đó.

Nghe Bồ-tát tâu như thế, các quan hầu cận vua đều khủng-khiếp và sợ chết. Đức vua VIDEHARAJĀ sợ xuất-hạn, tâm ngài rung động như lá cây bị gió thổi.

Đức Bồ-tát tâu tiếp rằng: Hoàng-thượng say-mê vì phiền-não-dục, không cần suy xét chu-đáo. Hạ-thần đã thấy nhiều điều nguy-hiểm, nên hết lòng khuyên can bệ-hạ. Nhưng hoàng-thượng bất luận (1) cứ nghe và khen lời tâu của 4 vị giáo-sur. Như thế có kết quả tốt hay thể nào? hạ-thần hết dạ trung-thành tìm lợi-ích cho bệ-hạ mà bệ-hạ không nghe, bệ-hạ đồng ý với 4 vị giáo-sur rằng: là hạng người tốt và có nhiều kinh-nghiệm. Nay có khổ đến, bệ-hạ nên hỏi ý-kiến và cầu các ngài đó giải-vi (2) cho.

Hôm nay bệ-hạ đã sa trong quyền-lực của đức vua CULANĪ ví như loài thú mắc bẫy của thợ săn, ấy cũng vì bệ-hạ hoan-hỷ ưa thích ngũ-dục. Khi trước hạ-thần đã nhiều phen tâu khuyên: nếu bệ-hạ mê sắc nạng công-chúa của vua CULANĪ và ngự đến kinh-đô UTTARA-PAÑCĀ ắt sẽ mang nhiều tai hại, ví như loài thú muốn chết vì mê thú cái của thợ săn, hoặc như loài cá mê mồi mắc phải lưới câu của ngư-ông.

(1) Không kể

(2) Gỡ ra khỏi vòng-vây.



Bệ-hạ ngự đi đây gặp nhiều điều nguy-hiểm như thú si-mê vào gần đường, cận xóm làng. Hạ-thần dùng hết lý-luận tâu bày mà bệ-hạ không tin, lại còn chê-trách hạ-thần là vô trí-thức, mù quáng không bằng KEVATA. Bệ-hạ, vì gần bạn lành là KEVATA mới gặp những thống-khổ như vậy. Khi hạ-thần tâu mong cho bệ-hạ được hạnh-phúc, mà bệ-hạ bất bình, nhiech hạ-thần là kẻ mù, không rõ điều an vui của nhà vua, làm cho vua thất lợi, mất nàng ngọc.

Bệ-hạ cho hạ-thần là kẻ chỉ biết cấy cày, sanh trong gia-đình nông-phu và đuổi hạ-thần ra khỏi thành. Bệ-hạ tán-dương những người vừa lòng của bệ-hạ, họ có đủ thao-lược để hộ-giá bệ-hạ được, vậy bệ-hạ nên hỏi mưu chước nơi họ đi. Phần hạ-thần chỉ biết cấy cày, cuốc đất mà thôi: Bệ hạ đã đuổi hạ-thần rồi, nay sao bệ-hạ lại trở hỏi ý-kiến hạ-thần nữa.

Đức vua nghe rồi nghĩ rằng: nay MAHOSATHA khai tội ta. Thật trước kia MAHOSATHA xét thấy lo sợ trong vị-lai, nên mới đàn-áp ta thái-quá. Có lẽ MAHOSATHA đã biết có nhiều tai-hại như vậy nên mới qua trước lâu ngày để tìm phương giải-cứu ta chăng? Nghĩ rồi ngài bèn tỏ lời phủ-ủy Bồ-tát rằng: Này con MAHOSATHA lệ thường bậc trí-tuệ không nên vạch tội quá-khứ, để dùng tộii châm-chích đâu.

Ồ! vì sao con lại bắt lỗi quá-khứ đem xoi-bói cha?

Này con MAHOSATHA! nếu có mưu-chước hay nên cứu cha trong lúc này. Ngoài con ra, không còn ai là nơi nương cậy của cha đâu.



Chỉ có con là người cứu-mệnh cha được mà thôi. Đức Bồ-tát nghĩ đức vua thật là mù-quáng, không biết dùng người, vậy ta nên làm cho ngài sợ thêm chút nữa, đề ngài hối cải từ đây, rồi tâu rằng : nay đã vượt trí-tuệ của phàm nhân rồi, trừ loài điều thú hoặc đại bàng-điều hay long-vương, có thể bay trên hư-không, mới mong thoát khỏi nạn này. Hạ-thần đâu có thần-thông và cũng không đủ khả-năng cứu nguy bề-hạ được.

Nghe như thế, đức vua đành ngậm miệng, không còn lời nào nói nữa.

Vị giáo-sư SENAKA nghĩ rằng : những nạn khổ đã đến cho đức vua mà chính ta đây không phải là người nương-tựa của đức vua được, trừ MAHOSATHA ra. Nay đức vua nghe MAHOSATHA tâu nên hoảng sợ, không thể cầu khẩn nữa, vậy ta nên khẩn-khoản MAHOSATHA thử xem, rồi nói rằng : này bậc trí-tuệ ! ghe đắm giữa biển, những thủy-thủ không thấy đâu là bờ bến, chỉ lội theo lưng sóng mà được vào bờ, hết khổ thế nào, đức thánh thượng và chúng tôi đây ví như kẻ lội trong biển, ngài MAHOSATHA là bậc trí-tuệ đáng cho chúng tôi nương-nhờ. Khi đức vua CULANĪ đem binh vây thành MITHILĀ đó, chúng tôi được giải-cứu cũng nhờ Ngài.

Nay xin ngài từ-bi thương xót mà cứu nạn chúng tôi.

— Này ông SENAKA ! bây giờ đây, lướt qua trí-tuệ của người, trừ loài điều-thú mới có thể bay khỏi được, nếu bay không được, thế là lướt qua trí-tuệ rồi.



Đức vua VIDEHARAJĀ thấy trù-tính với Bồ-tát không được nữa, túng thế phải bàn với SENAKA rằng : này SENAKA ! nên tìm phương-pháp nào để tránh khỏi nạn tai trong lúc này được, MAHOSATHA đã bỏ chúng ta rồi. Vậy khanh có thể nào hay cứu tâu cho trăm rổ.

SENAKA nghe đức vua hỏi, nghĩ rằng ta phải tâu thế nào đây chớ không lẽ nín-thinh. Thôi để cho ta tâu vài lời. Theo thiên-kiến hạ-thần, thì nên nổi lửa đốt cung điện này cho cháy đỏ, chúng ta mỗi vị cầm một bình khí, ngồi mà chịu lửa thiêu, còn hơn để vua CULANĪ cắt lấy thủ-cấp.

Đức vua nghe rồi đáp : như thế khanh đi thiêu vợ con khanh đi. Đức vua hỏi qua PAKUTA, có kế nào hay chăng ?

— Tâu, chúng ta nên dùng thuốc độc mà uống vào cho chết hết, còn hơn để cho vua CULANĪ sát-phạt.

Đức vua hỏi đến KĀMINDA.

— Tâu, chúng ta nên tìm lấy mỗi người một sợi giây thắt cổ chết cho rồi.

Đức vua hỏi qua DEVINDA.

— DEVINDA xét : đức vua mong tìm lửa mà lại kiếm đom đóm, chẳng hay ngài nghĩ thế nào, há ! nên ngài mới hỏi đến ta, sao không hỏi MAHOSATHA, ta biết gì mà nói. Nhớ đến lời SENAKA vừa trình bày, bèn quì tâu rằng : chúng ta đồng hiểu rằng, chỉ có bậc trí-tuệ MAHOSATHA đây là nơi nương-dựa duy nhất, vậy ta



nên đồng nhau khẩn cầu MAHOSATHA, khi MAHOSATHA giải-cứu không được, thì chúng ta hãy thi-hành theo lời của SENAKA, tốt hơn các phương-pháp khác.

Đức vua nghe rồi tâm thần rối-loạn, không có thể thương-thuyết với MAHOSATHA được, ngài bèn than-thở, kể-lẽ rằng : con người đi tìm lõi danh mộc mà lại được lõi cây tạp, dùng vào việc gì cũng không tiện, thế nào, cũng như trong lúc này ta tìm phương giải khổ không được nơi hạng người tối-tăm, ví như voi bạch ở trong nơi không nước.

Thân ta đây ví như lá bồ-đề bị gió, cổ ta khô khan bụng ta nóng như lò lửa, ta không tìm được nơi để dập-tắt sự nóng, ví như người bị lửa thiêu, thật là thảm-đạm.

Đức Bồ-tát thấy đức vua than kể những nỗi khổ tâm như thế, bèn nghĩ rằng : đức vua đã khổ-sở thái-thậm rồi, nếu ta vẫn nín thinh thì ngài phải khổ mà chết không sai. Xét như vậy, đức Bồ-tát liền an-ủi đức vua rằng : xin hoàng-thượng đừng quá ưu-tư, tôi sẽ cứu nạn cho bề-hạ được, ví như vị trời đem voi bạch khỏi bùn lầy, hoặc như người cứu rắn ra khỏi giỏ, hay đem chim ra khỏi lồng, cho đến tất cả quan quân cũng đều được thoát khỏi.

Tâu, xin hoàng-thượng an-tâm, hạ-thần sẽ đánh đuổi quân binh của vua CULANÍ, ví như kẻ đuổi bầy quạ bằng cục đất. Quan đại-thần có trí-tuệ, khi chúa mình bị khổ, nếu không giải-nguy được thì đâu gọi là



người có trí-tuệ. Tôi sang đến đây trước, đâu có phải đi không về rồi, tôi đã làm những việc được kết-quả tốt rồi.

Khi nghe đức Bồ-tát tâu rõ-rệt như thế, đức vua và tất cả quan quân đều hân-hoan vui sướng.

SENEKA bèn hỏi: vậy bậc trí-tuệ tính đem chúng tôi đi bằng cách nào ? - Tôi sẽ dẫn tất cả theo đường hầm này mà ra khỏi, không sai, rồi ngài dạy quân binh, mở cửa đường-hầm thì các phòng đường hầm liền sáng trưng rực-rỡ, tốt đẹp như cõi trời. Bồ-tát bèn thỉnh đức vua VIDEHARĀJA xuống lầu, SENEKA lột mào ra, vén quần lên, cởi áo buộc ngang hông. Bồ-tát hỏi: tại sao ông làm như vậy ?

— Đáp, nếu không làm vậy, thì vào đường-hầm sao tiện.

— Phải bò đi sao ? đứng lên như thường.

— Đường-hầm của tôi cao đến 5 thước và rộng lắm ngựa chạy cũng được, không có chi trở ngại cả.

Bồ-tát cho SENEKA đi trước, đức vua ngự đi giữa còn chính ngài thì theo sau. Tất cả quân binh hộ-tống hai bên; vừa đi vừa ăn uống vui chơi như thường, như đi vào trong chợ vậy, Đức vua ngự đi, xem thấy trong đường hầm trần-thiết thật đẹp, xem rất ngoạn-mục như cõi trời, nên vừa đi vừa ngâm. Khi đức vua vừa đi đến cửa ra đường-hầm thì gặp bốn hoàng-gia (hoàng-thái-hậu, hoàng-hậu, hoàng-tử và công-chúa) của đức vua CULANĪ, các vị này xem thấy rất kinh-khủng, sợ



chết. Hoàng-hậu bèn la hoản, khi nghe tiếng la, đức vua CULANĪ ở không xa nên nghe được và tin rằng là tiếng của hoàng-hậu mà không dám nói, e quân lính biết, rồi cười nhạo rằng : đã ra chinh-chiến mà còn nhớ đến tiếng vợ con nên hồ-thẹn mà nín-thinh.

Về phần đức Bồ-tát thỉnh đức vua VIDEHARAJĀ và công chúa lên ngồi trên giường ngọc, rồi tôn công-chúa làm hoàng-hậu của đức vua VIDEHARĀJA

Ngài thỉnh cả 4 vị hoàng-gia lên ngồi thuyền đã xếp-đặt sẵn trong nơi ấy, khi đó, đức Bồ-tát chỉ giáo cho đức vua biết rằng : tâu bệ-hạ, DALACANDĪ là em hoàng-hậu. Bệ-hạ nên từ-bi thương xót như em ruột của bệ-hạ. Bà NANDĀ đây là mẹ vợ, bệ-hạ phải phụng-sự như mẹ bệ-hạ. Bệ-hạ ngự đi đến lần này chỉ mong được nàng PAÑCĀLACANDĪ, nàng là hoàng-hậu của bệ-hạ rồi, tùy theo chí hướng của bệ-hạ. Nhưng với bà NANDĀ bệ-hạ hãy bảo-vệ phụng sự cho chơn-chánh. Đức Bồ-tát tâu, khuyên bảo như thế, vì không tin bụng đức vua VIDEHARĀJA. Về phần hoàng-thái-hậu đã già, không cần phải dặn bảo, hay phải lo như bà NANDĀ.

Đức vua xuống ngự trên thuyền rồi gọi đức Bồ-tát rằng : con MAHOSATHA, con ở lại làm gì, hãy về luôn với trăm.

— Tâu, hạ-thần đi về chưa tiện, vì còn nhiều binh lính của mình trong thành. Chúng còn đang ăn uống, chưa biết bệ-hạ đã ngự đi rồi. Hạ-thần không thể bỏ chúng



được, dù là một người. Thịnh bệ-hạ ngự về, vì hạ-thần đã xếp đặt quân binh chực sẵn, đề rước bệ-hạ và thay đổi ngựa, xe cho bệ-hạ được an-vui ngự về đến xứ MITHILĀ.

— Này con ! còn quân lính ít, làm thế nào cự-địch nổi với muôn vàn binh-lực của vua CULANĪ ?

— Tâu, mặc dù ít lính, xong có trí-tuệ rồi thì không khó, ví như một mặt trời vệt tan sự tối-tâm, có thể chiếu-minh (1) cả thế-giới được. Xong, đức Bồ-tát từ tạ đức vua VIDEHARĀJA mà trở lại.

Đức vua VIDEHARĀJA nhớ đến ân-đức của Bồ-tát rằng : ta được thoát nạn đây cũng nhờ MAHOSATHA ; được nàng công-chúa PAÑCĀLACANDĪ cũng nương MAHOSATHA (Bồ-tát).

Nhớ đến ân-đức của Bồ-tát như thế, ngài rất thỏa-thích rồi phán với SENAKA giáo-sư rằng: này SENAKA ! được thân-cận với bậc trí-tuệ rất có nhiều lợi-ích, như trăm và các khanh mà được khỏi nạn đều nhờ MAHOSATHA khác gì người thả chim khỏi lồng, phóng sanh cá thoát lưới. SENAKA thấy thế nào ?

— Tâu, tốt lắm. SENAKA tuyên-bố, tán-dương công-đức Bồ-tát, như đức vua VIDEHARĀJA. Khi lên khỏi thuyền, đến các trại, cho quân lính thay ngựa, xe mà Bồ-tát đã dự sẵn, không bao lâu, đức vua về đến kinh-đô MITHILĀ.

---

(1) soi rõ



Nói về đức Bồ-tát khi tiễn-biệt đức vua rồi, bèn trở lại đường-hầm đến cung điện tắm rửa, thọ thực, xong vào phòng nghĩ rằng : sự ước mong của ta đã được kết quả như nguyện, rồi phát tâm phỉ-lạc, ngủ một giấc rất ngon.

Nói về vua CULANĪ BRAHMADATTA dẫn hùng binh và 101 tiểu-vương bao vây cung điện của vua VIDEHARAJĀ, trùng-trùng điệp-diệp, không một người qua lọt, quân lính canh phòng nghiêm-nhặt trọn đêm.

Đức vua trông sáng ra công-kích vào cung-diện của đức vua VIDEHARĀJA.

Còn đức Bồ-tát, sau khi đã nghỉ an một đêm có sức khoẻ lại rồi, thức dậy tắm rửa diễm-tâm xong, mặc triều phục lên từng lầu cao, xem tấy đức vua CULANĪ dẫn vô số quân binh quyết bắt cho được đức vua VIDEHARĀJA, nên đức Bồ-tát liền tâu rằng : đại-vương định chắc sẽ hạ sát được chúng tôi theo sở nguyện chăng ? cung tên và các vũ khí khác, đại-vương nên liệng bỏ cả đi, đừng mang mà nhọc mình rông, nên trở về đền nghĩ cho khoẻ ; mưu chước của đại-vương và KEVATA, tôi đã thấu rõ hết rồi. Hôm nay đại-vương ví như ngồi trên ngựa què, thì chạy sao kịp đức vua VIDEHARĀJA, ngài đã hồi trào gần tới thành MITHILĀ rồi.

Tâu, đức vua VIDEHARĀJA đã lên thuyền về nước từ hôm qua. Ngài không phải hồi-loan một mình mà đi với các quân binh. Tâu, những chó sói thấy hoa vàng nhót trong đêm vì ánh-sáng của trăng tường là miếng



thịt rồi bao vây và nghĩ rằng : sáng sớm chúng ta sẽ ăn miếng thịt cho được.

Sáng ra thấy rõ là hoa vàng nhót rồi lén đi, thế nào, đại-vương đem binh vây chúng tôi hôm nay khi đã rõ được vua VIDEHARĀJA đã hồi trào thì không còn mong mỗi chi, rồi kéo binh đi cũng như vậy.

Đức vua CULANĪ nghe Bồ-tát tâu những lời rất khẩn khái, không sợ-sệt như thế, ngài nghĩ rằng : ta định bắt cho được cả hai là VIDEHARĀJA và MAHOSATHA. Nay ta đã bắt được một MAHOSATHA thì cũng nên, đức vua bèn khiến quân tấn công vào bắt cho được MAHOSATHA rồi cắt tay, chặt chơn xẻ da thịt ra từ mảnh cho trằm.

Đức Bồ-tát nghĩ rằng : đức vua CULANĪ này chưa rõ hoàng-tộc đã bị ta bắt nên quá tự-hảo khiến quân bắt ta dễ sát hại cho dễ giận, nên tâu rằng : đại-vương khiến quân hạ-sát tôi, đến khi đức vua VIDEHARĀJA biết được sẽ đem hoàng-tộc của đại-vương ra hành hạ, đánh đập, rồi đại-vương nghĩ sao ?

— Tâu, tôi và đức vua VIDEHARĀJA đã dự-dịnh kín cùng nhau rằng : nếu bên này đức vua CULANĪ giận tra-tấn làm hại tôi thế nào, thì đức vua VIDEHARĀJA sẽ hành phạt công-chúa, hoàng-hậu, hoàng-thái-hậu và hoàng-thái-tử như thế ấy.

Tâu, da tôi khác chỉ một trăm lớp sắt, có thể ngăn ngừa tất cả tên đạn được, như thế nào, cũng bảo tồn thân thể được như thế ấy.



Da sắt tức là trí-tuệ của tôi, có thể phòng vệ những mũi tên tức là sự trù-tính của đại-vương, tự-vệ và tránh khổ được, lại còn đem hạnh-phúc đến cho đức vua VIDEHARĀJA.

Khi đức vua CULANĪ nghe đức Bồ-tát thuyết-lý như thế, bèn nghĩ rằng : vì sao MAHOSATHA nói, nếu ta hành tội hần, thì vua VIDEHARĀJA sẽ làm khổ vợ con ta ?

Có lẽ MAHOSATHA không biết vợ con ta đã có quân binh bảo-hộ nghiêm-nhặt rồi ư, hay là MAHOSATHA sợ chết rồi nói sảng, ta không tin được.

Đức Bồ-tát biết đức vua CULANĪ không tin nên tâu : nếu ngài nghi-ngờ thì xin ngài cho quân đi xem trong cung nội của ngài trống không; hoàng-thái hậu, hoàng-hậu, thái-tử và công-chúa của ngài, tôi đã dạy quân thỉnh đi theo đường-hầm cùng với đức vua VIDEHARĀJA về đến kinh-đô MITHILĀ rồi.

Đức vua CULANĪ nghe qua giật mình, ngài nghĩ rằng : MAHOSATHA nói cương-quyết, có lẽ là sự thật vì đêm nay ta có nghe tiếng, giống như tiếng của hoàng-hậu. Xét thế, ngài rất cảm-động, xong ngài rần gượng, sai một vị đại-thần dẫn binh về khám thành nội. Vị này đi vào đền nội, thấy quân-nhân bị bắt buộc tay, chơn, bít miệng, trói vào cây ; đồ dùng trong bếp nát-bét rải rác cùng nhà ; ngọc ngà cùng vàng bạc cũng chẳng còn. Các loài điều-thú đến lồi ăn thực-phẩm đồ tùm lùm v.v... như nhà hoang hoặc nơi mộ-địa. Quân binh cả



kinh liền trở về tâu với vua CULANĪ rằng : MAHOSATHA nói đúng sự thật, cung nội như chốn tha-ma, chỉ thấy loài quạ đến kêu la mổ ăn thực-phẩm : Đức vua nghe tâu lấy làm đau lòng xót dạ và xét rằng : đây là do MAHOSATHA mà ra cả, nên ngài phát thịnh-nộ.

Đức Bồ-tát biết bèn nghĩ rằng : đức vua này rất có nhiều quân binh, vì oán giận, ngài quên cả vợ con, có thể hại ta được. Vậy ta nên tùy cơ tả sắc đẹp của hoàng-hậu cho ngài xúc-động tình thương thì ta mới thoát khỏi tai-hại.

Đức Bồ-tát liền đưa tay chỉ mà rằng : đây là con đường mà hoàng-hậu đã ngự đi, rồi tả sắc-đẹp duyên-dáng của bà. Tâu hoàng-thượng lệnh bà có đủ tướng tốt : dáng-diệu yêu-kiều thướt tha, màu da mịn-màn, thật là cành vàng gót ngọc, tiếng nói của bà thanh-tao êm-diệu, giống như tiếng hạc con, mày-tằm, mắt-phụng, thể gian hi-hữu như ngọc-nữ trên thiên-cung, thật là sắc nước hương trời làm cho người người đều cảm-mến. Tâu, bà hoàng-hậu đi theo ngõ này.

Nghe Bồ-tát diễn-tả dung-mạo và dáng-diệu của hoàng-hậu như thế, đức vua CULANĪ phát động lòng thương-yêu hoàng-hậu vô cùng.

Đức Bồ-tát tâu, như vậy đại vương đành lòng để cho hoàng-hậu chết chẳng ? ngài đại-nộ dạy người hại tôi. Nếu đại-vương giết tôi thì đức vua VIDEHARAJĀ chẳng dung-tha hoàng-hậu của ngài đâu, Bà xuống diêm-vương, tôi cũng xuống diêm-vương.



Diêm-chúa thấy tôi và bà bị giết như thế, sẽ đem bà gả cho tôi, tôi chết mà được vợ báu như vậy, thì đâu có ân-hận.

VẤN.— Vì sao đức Bồ-tát chỉ mưu tả dung-nhan, hình-dáng của hoàng-hậu mà chẳng nói đến 3 vị hoàng-tộc kia ?

ĐÁP.— Lệ thường, chúng-sinh hay thương yêu và quyến-luyến người vợ nhiều hơn kẻ khác, chỉ có vợ con là quan-trọng hơn cả, cho nên đức Bồ-tát chỉ diễn-tả dung-nhan của hoàng-hậu CANDADEVI.

Đức Bồ-tát tâu, về hình-dung của bà NANDĀ hoàng-hậu như vậy, làm cho đức vua CULANĪ rất nhớ thương như thấy bà đứng trước mặt, rồi ngài xét rằng : ngoài MAHOSATAA ra chẳng có ai đem hoàng-hậu yêu-quý của trăm về được, chỉ có một MAHOSATHA mà thôi. Nghĩ vậy, ngài rất thê-thảm xót-xa, nhớ thương hoàng-hậu vô cùng, làm cho ngài không ngồi vững trên lưng voi

Đức Bồ-tát thấy thế, tỏ lời an-ủi đức vua CUNALĪ rằng : tâu đại-vương, chớ lo ngại, 3 vị hoàng-gia là bà hoàng-thái-hậu, hoàng-hậu và hoàng-tử, khi tôi về đến thành MITHILĀ giờ nào, tôi sẽ cho người đưa về ngay. Xin đại-vương an lòng, đừng phiền muộn.

Đức vua CULANĪ nghe rồi không còn nghi ngờ lo sợ và nghĩ rằng : kinh-đô của ta đã cho người gìn-giữ phòng thủ cẩn-mật, có quân binh đông đúc, có sao MAHOSATHA lại bắt cả 7 vị hoàng-tộc, đi từ thành này đến



thành nạn được và đưa đức vua VIDEHARĀJA cùng quân binh trở về nước, mà chẳng có một ai hay biết. Như thế MAHOSATHA có phép che mắt người chăng ? Nghĩ rồi ngài bèn phán hỏi đức Bồ-tát rằng : nầy bậc trí-tuệ MAHOSATHA người có học phép thần-thông chăng ? hay là người có phép mà mắt người, nên người mới giải nạn cho vua VIDEHARĀJA ra khỏi tay trảm.

Tâu, tôi biết phép thần-thông. Lệ-thường bậc trí-tuệ hằng có học phép thần-thông để ngừa khi tai nạn, đem dùng giải-khổ cho mình và kẻ khác. Những quân lính trẻ trung của tôi, tôi đã tập-luyện thuần-thục và tinh-nhuệ, nên sai họ tạo đường hầm, mới đem đức vua VIDEHARĀJA về đến xứ MITHILĀ theo đường-hầm đó.

Đức vua CULANĪ nghe rồi muốn xem đường-hầm. Đức Bồ-tát hiểu ý bèn tâu : nếu đại-vương muốn xem đường-hầm, hạ-thần xin thỉnh đại-vương được xem như ý nguyện. Đường hầm nầy, tôi cho người trần-thiết tốt đẹp bằng cách họa tranh, nhứt là hình voi, ngựa, xe lính v. v. . . Đường hầm nầy sáng sủa như ban ngày và tốt đẹp như cõi trời, có 80 cửa lớn, 64 cửa nhỏ, 101 phòng ngủ và hằng nghìn ngọn đèn điện, nếu đại-vương thật lòng với tôi, không còn thù hận nhau nữa, tôi xin thỉnh ngài vào xem sự cao-sang của đường-hầm. Đây, tôi xin đỡ cửa rước đại-vương.

Đức vua nghe theo lời, đức Bồ-tát bèn cho mở cửa. Đức vua CULANĪ cùng 101 tiểu-vương có quân binh hộ-giá vào thành đường-hầm. Đức vua CULANĪ



xem thấy sự trang-hoàng trong đường-hầm thật là mỹ-thuật, đẹp-đẽ, vinh-hoa phú-quí ? Ngài rất hài lòng, khen ngợi tài-năng của đức Bồ-tát rằng : nầy bậc trí-tuệ MAHOSATHA, bậc trí-tuệ thông-minh như người, nếu ở trong xóm làng, quận, châu, hay quốc-độ nào, người người đều chung hưởng an-vui và hạnh-phúc ; đức vua càng nhìn xem càng tán-tụng tài-đức của Bồ-tát. Đức vua CULANĪ ngự đi trước, kể đến đức Bồ-tát cùng các tiểu-vương và quan-quân đồng đi theo sau. Vừa đi vừa ngắm cảnh đường-hầm trang-trí thật là mỹ-quan (1) chưa từng thấy. Khi đức vua CULANĪ ngự đi gần đến cửa đường-hầm bên mé sông, vừa ra khỏi cửa, đức Bồ-tát theo bên cạnh liền giựt máy làm cho 80 cửa to và 64 cửa nhỏ đóng kín lại, nhiều ngọn đèn đều tắt một lượt.

Trong đường hầm tối đen, khiến tắt cả những vị tiểu-vương, quan quân đều sợ hãi ; chỉ có đức Bồ-tát và vua CULANĪ ra khỏi cửa mà thôi. Đức Bồ-tát liền rút gươm ra đưa lên, hỏi rằng : tâu đại-vương, tài sản trong thế-gian nầy là của ai ?

Đức vua rất kinh sợ đáp : tất cả của cải trong đời là của người, nên tha tội cho trăm đi.

— Tâu đại-vương, tôi đưa kiếm lên đây không phải mong hạ-sát đại-vương, chỉ cố-ý trình bày cho thấy rõ uy-thể của trí-tuệ. Đức Bồ-tát bèn trao kiếm cho đức vua CULANĪ và tâu rằng : nếu đại-vương muốn giết tôi

---

(1) mỹ-quan : vẻ trong đẹp



thì dùng kiếm này mà giết đi; bằng đại-vương từ-bi tha thứ cho tôi cũng được.

— Này bậc trí-tuệ MAHOSATHA trăm xá-tội cho người, người chớ lo ngại. Lúc ấy cả hai: là đức Bồ-tát và đức vua CULANĪ đồng nhau thề-nguyện không giết hại lẫn nhau và một lòng đoàn kết thương yêu nhau. Đức vua CULANĪ phán hỏi rằng: này bậc trí-tuệ MAHOSATHA, người gồm đủ trí-tuệ như vậy, vì sao người không mong đế-vị?

— Tâu, nếu tôi muốn đế-quyền thì đã hại tất cả vị vua trong hôm nay, rồi đoạt ngôi báu. Nhưng sự giết người và đoạt vị, lấy của đó, không phải là đều đáng cho bậc trí-tuệ ngợi khen.

— Này bậc trí-tuệ MAHOSATHA bây giờ đây tất cả vị vương và đại-chúng còn ở trong đường hầm, chưa ra khỏi được, đang kêu la cầu cứu. Xin bậc trí-tuệ hãy cho sinh-mệnh đến chúng đi.

Đức Bồ-tát liền mở cửa đường hầm, lúc bấy giờ đường hầm trở nên sáng-sủa, đại-chúng hết lòng mừng rỡ. Cả 101 vị tiểu-vương ra khỏi đường-hầm đến trước mặt đức Bồ-tát. Đức Bồ-tát dẫn đức vua CULANĪ trở vào một đại phước-xá rồi tâu: tôi đã hành lễ thành-hôn cho đức vua VIDEHARĀJA và công chúa PAÑ-CĀLACANDĪ trên giường ngọc, tại nơi đây rồi mới đưa đi.

Tiếp theo 101 vị tiểu-vương nói với Bồ-tát rằng: Ngài ôi! chúng tôi chỉ nhờ một mình ngài mới khỏi



chết, nếu ngài không từ-bi mở cửa đường-hầm, trong chốc-lát thì tất cả chúng tôi đều tử nạn.

— Tâu, chẳng phải quý ngài chỉ nhờ ơn cứu-tử của tôi trong kỳ này đâu, khi trước quý ngài cũng nhờ tôi mà thoát khỏi chết.

— Này bậc trí-tuệ ! ngài nói rằng : khi trước cũng nhờ ngài, vậy trong lúc nào ?

— Tâu, sau khi đức vua CULANĪ được làm bá-chủ trong thế-gian này chỉ trừ thành MITHILĀ. Đức vua trở về thành UTTARAPANČĀ định tổ-chức lễ âm-tửu khai-hoàn trong vườn thượng-uyển, quý ngài còn nhớ chăng ?

— Chúng tôi còn nhớ.

— Tâu, đức vua CULANĪ và vị cố-vấn KEVATA dạy bỏ thuốc độc vào rượu và vật-thực để đãi quý ngài dùng cho tuyệt mạng hết. Rõ biết như thế tôi nghĩ rằng : giờ nào còn tại tiền, tôi không nên lãnh đạm ngồi yên, đành để cho quý ngài phải bị hại, nên tôi có sai quân-binh đến tùy-cơ mà tấn-công đột-nhập vào đập bể tất cả hũ rượu, đồ đồ nấu ăn có độc-được không cho quý ngài dùng, mới cứu thoát quý ngài được.

Các vị tiểu-vương nghe qua rùng mình rớn óc bèn tâu hỏi đức vua CULANĪ có phải thật như vậy chăng ?

— Đúng vậy, lúc đó tôi nghe lời của KEVATA mà hành-động như vậy thật. Tất cả 101 vị tiểu-vương đồng nhau tạ ơn đức Bồ-tát và tán-dương công-đức cứu-tử



của Bồ-tát rằng : Ngài ôi, trí-tuệ của ngài là nơi nương-tựa của chúng tôi, chúng tôi cậy vào ngài mới được sinh-tồn đến hôm nay. Các vị tiểu-vương cúng-dường đến đức Bồ-tát rất nhiều vật báu.

Đức Bồ-tát bèn tâu vua CULANĪ xin tạ-tội với các vị tiểu-vương và quan quân trọng thể, có cả kịch vui chơi trong đường-hầm đến bảy ngày đêm, mới trở về thành-đô UTTARAPANĀ. Đức vua CULANĪ ban thưởng Bồ-tát rất nhiều của báu và yêu cầu ngài ở lại trong nước rằng : nầy bậc trí-tuệ, người đừng trở về với đức vua VIDEHARĀJA nữa, ở lại đây, trăm sẽ trọng-đãi người hơn đức vua VIDEHARĀJA, vậy người hãy ở lại với trăm đi.

— Tâu, bỏ chủ mà ham danh lợi là điều không tốt, phải bị người chê trách đề đời. Tâu, bao giờ đức vua VIDEHARĀJA còn thống-trị tôi không thể bỏ ngài mà đi thờ một vị hoàng-đế nào khác.

— Như vậy, người nên hứa rằng : ngày nào đức vua VIDEHARĀJA thăng hà, người sẽ trở qua ở với trăm đi.

— Đức Bồ-tát bèn hứa chịu, ngài ở lại thêm 7 ngày, rồi vào tâu xin trở về thành MITHILĀ. Đức vua CULANĪ ban-thưởng đức Bồ-tát rất nhiều châu báu, cho thu-thuế trong 7 quận gần biên-thủy xứ MITHILĀ, cấp cho 400 tôi trai, tó gái, 100 người vợ ngoài ra còn nhiều vật quý không kể xiết.

— Tâu, đại-vương đừng lo ngại đến các vị hoàng-tộc của đại-vương. Khi đức vua VIDEHARĀJA trở về xứ, hạ-thần có tâu gởi gắm rằng : phải trọng-đãi đức hoàng-hậu CANDĀDEVĪ như mẹ đẻ. Khi về đến thành



MITHILĀ tôi sẽ sai quân hộ-giá đưa hoàng-thái-hậu, hoàng-hậu và thái-tử trở về lập-tức.

Đức vua CULANĪ nói SĀDHU (tốt lắm) rồi sắp-đặt những nữ-trang báu-vật gởi qua cho công-chúa.

Tất cả 101 vị tiểu-vương cũng sắm-sửa lễ-vật biếu cho Bồ-tát rất nhiều, vô số kể.

Các thám-tử cũng từ-giả chư vương theo đức Bồ-tát về thành MITHILĀ.

Khi về gần đến thành MITHILĀ, quân vào báo cho 4 vị giáo-sư hay trước, đề 4 vị vào tàu đức vua VEDE-HARAJĀ rõ. Vua tôi đều mừng rỡ, đồng nhau lên từng lầu cao xem xét. Đức vua thấy quân-binh đông-đảo bèn giựt mình lo sợ, nghĩ rằng có lẽ vua CULANĪ kéo quân đến báo thù nữa chăng ? đức vua liền hỏi : Nầy các khanh voi, ngựa, xe và bộ binh sao mà quá nhiều như thế, đáng lo ngại lắm. Vậy các khanh xem kỹ là quân binh của ai ?

— SENAKA tàu, xin bệ-hạ hoan-hỉ vui mừng đi, ngài MAHOSATHA PANDITA dẫn quân binh thẳng trận hồi trào đã có thám-tử vào phi-báo trước, ngài sẽ đến đây bây giờ.

— Nầy SENEKA, quân binh của MAHOSATHA ít, đâu có quá nhiều vậy.

— Tàu, có đức vua CULANĪ phát tâm thỏa-thích vui lòng cho quân binh hộ-tổng đưa ngài MAHOSATHA về chớ không có chi lạ cả.

Đức vua dạy quân đem chiêng-trống đánh rao cho



chúng-dân biết, đề trang-hoàn, chưng-dọn, treo cờ, kết hoa v. v... từ thành thị chí thôn-quê để đón rước đức Bồ-tát. Đức Bồ-tát vào đền.

Đức vua VIDEHARĀJA bước xuống ngai vàng đến hun đức Bồ-tát rồi hỏi rằng : con MAHOSATHA ôi ! cha bỏ con ở lại trong xứ người, cha rất đau lòng, nên đêm trông ngày đợi. Vậy con ở lại, con dùng phương-pháp nào mới thoát-nạn được mà về đây, con hãy tỏ cho trăm nghe.

Đức Bồ-tát tường-thuật đầu-đuôi tự-sự câu chuyện cho đức vua VIDEHARĀJA nghe. Đức vua vô-cùng mừng rỡ. Bồ-tát tâu tiếp về đức vua CULANĪ ban-thưởng rất nhiều báu vật. Đức vua VIDEHARĀJA càng nghe càng ưa-thích, rồi tỏ lời tán-tụng tài-đức của Bồ-tát. Đức vua VIDEHARĀJA liền bá-cáo cho dân-chúng hay, đề làm lễ diễn-kịch trọn bảy ngày đêm, ăn mừng cho đức Bồ-tát thắng trận khái-hoàn. Quốc-dân diễn-kịch vui chơi đờn ca xướng-hát, trống kèn vang rền trong thành MITHILĀ. Tất cả quân-dân điềm-trang y phục đem lễ-vật đến cúng-dường đức Bồ-tát vô số kể,

Cử hành xong đại-lễ khái-hoàn, đức Bồ-tát bèn vào tâu vua, cho phép đưa 3 vị hoàng-tộc của đức vua CULANĪ về nước. Đức vua VIDEHARĀJA khen phải, rồi dạy đức Bồ-tát xếp-đặt cho quân hộ-giá để tiễn đưa 3 vị hoàng-tộc về.

Hoàng-hậu của đức vua CULANĪ và hoàng-hậu của



đức vua VIDEHARĀJA (tức là công-chúa của đức vua CULANĪ). Mẹ con than-khóc lưu-luyến nhau trước cảnh phân-ly, kẻ ở người đi thật là thảm-thiết.

Đức Bồ-tát giao cho quân binh tất cả 400 tội trai tớ gái, 100 người vợ mà đức vua CULANĪ đã ban-thưởng trước kia, theo hộ-tổng 3 vị hoàng-tộc về đến xứ UTTARAPĀNCĀ. Đức vua CULANĪ hay tin rất mừng ra tiếp rước 3 vị hoàng gia là hoàng-thái-hậu, hoàng-hậu và hoàng-tử vào đền. Đức vua CULANĪ phán hỏi : lúc ở bên xứ MITHILĀ đức vua VIDEHARĀJA tiếp đãi thế nào ?

Bà hoàng-thái-hậu đáp : đức vua VIDEHARĀJA trọng đãi bà như vị trời lớn, cung-dường hoàng-hậu như mẹ ruột và hoàng-tử như em ruột.

Đức vua CULANĪ lấy làm vừa lòng đẹp dạ, càng ban thưởng cho quân binh của đức vua VIDEHARĀJA và gởi tặng nhiều vật-báu đến đức vua VIDEHARĀJA. Từ đây, hai nước CULANĪ PĀNCĀ và MITHILĀ trở nên thân thiết bang-giao, quốc thái dân an, người người lạc-nghiệp.

Nói về nàng PĀNCĀLACANDĪ tức là hoàng-hậu thành MITHILĀ, rất được lòng nhà vua VIDEHARĀJA thương yêu. Hai năm sau, hoàng-hậu sanh được một trai và một gái. Đến năm thứ 12 hoàng-tử lên 10 tuổi, thì đức vua VIDEHARĀJA thăng hà. Đức Bồ-tát làm lễ tôn vương cho hoáng-tử, rồi từ-giã qua ở cùng đức vua CULANĪ. Ấu chúa ngăn rằng : Ngài đừng từ bỏ tôi sớm, vì tôi còn trẻ lắm. Trẫm xin tôn-trọng cúng-dường ngài như cha, bà hoàng-thái-hậu PĀNCĀLACANDĪ cũng khẩn-cầu rằng : xin ngài từ-bi ở lại, ngài đi rồi còn ai là nơi nương-tựa



của ấu-chúa. Tâu, tôi ở lại không được vì tôi đã hứa hẹn với hoàng-tổ-phụ trước kia rồi.

Từ các quan cho đến dân-gian ai cũng cảm-mến ân-đức, khóc-than đưa đức Bồ-tát.

Qua đến xứ UTARAPANĀCĀ, vào chầu đức vua CULANĪ. Đức vua tiếp rước trọng-thể và ban cho đức Bồ-tát dinh-thự xứng-dáng. Từ đó đức Bồ-tát vào ra chầu đức vua CULANĪ.

Thuở đó có một ni-cô danh là : PHERĪPARIBBĀJĪ có nhiều trí-tuệ, hay vào thọ thực trong đền nội của đức vua CULANĪ. Ni-cô này chưa từng gặp mặt đức Bồ-tát, nhưng có nghe danh MAHOSATHA PANDITA thường vào chầu đức vua CULANĪ. Đức Bồ-tát cũng đã nghe nói về ni-cô PARIBBĀJĪ hay vào thọ thực trong đền nội, nhưng chưa từng giáp mặt.

Nói về bà hoàng-hậu nghĩ nhớ đến con là công-chúa PANĀLACANDĪ chừng nào, thì càng giận Bồ-tát chừng ấy, nên tìm dịp để báo-thù. Bà dạy những cung-nữ thân-mật đáng tin cậy rình xem bắt tội Bồ-tát, Ngày kia ni-cô PARIBBĀJĪ vào thọ thực trong cung nội, khi trở ra gặp Bồ-tát vào chầu vua. Bồ-tát đưa tay lên làm lễ ni-cô rồi đứng nép một bên.

Ni-cô PARIBBĀJĪ tin chắc rằng là MAHOSATHA PANDITA. Ni-cô muốn biết Bồ-tát có trí-tuệ thật hay là thế nào, nên ni-cô định ra câu đố, hỏi thử. Nghĩ rồi ni-cô xòe bàn tay ra trước mặt Bồ-tát cố ý hỏi rằng :



Đức vua mời ngài sang đây, thường ngày đức vua có ban-thưởng của-cải chi thêm chăng ?

— Đức Bồ-tát hiểu ý ni-cô hỏi, nên đáp, bằng năm tay lại dụng-ý nói rằng : chưa ban-thưởng vật chi thêm.

— Ni-cô đưa tay lên vuốt đầu là hỏi đố rằng : như thế, thì ngài cực-khổ lắm, vậy ngài có thể xuất-gia như ta, hay thế nào ?

— Đức Bồ-tát bèn lấy tay vuốt bụng, cố-ý đáp rằng : tôi chưa xuất-gia được, vì có vợ con nhiều phải cần nuôi-nấng.

Chỉ nói với nhau bằng tâm-chí như thế, rồi ni-cô ra về chỗ ngụ ; Bồ-tát vào chầu vua,

Phần các cung-nữ mà hoàng-hậu CANDĀ đã sai đi rình, tìm lỗi Bồ-tát đó. Khi thấy được điều như thế, bèn vào tâu cho đức hoàng-hậu hay ; Hoàng-hậu viện cớ đến tâu với vua rằng : chúng tôi gặp ni-cô PARIBBĀJĪ và ngài MAHOSATHA ra câu đố nhau muốn đoạt ngôi-vàng của hoàng-thượng, Sau khi thọ-thực, ni-cô vừa ra khỏi đền gặp ngài MAHOSATHA hỏi ý rằng : ngài bắt đức vua rồi đoạt đế-vị có được chăng ?

Ngài MAHOSATHA nắm bàn tay lại đáp, có nghĩa là : hai ba ngày nữa tôi sẽ bắt hạ-sát đức vua để đoạt ngôi vàng. Ni-cô đưa tay lên vuốt đầu hỏi, có nghĩa rằng : chắc đầu di, đừng để lâu. MAHOSATHA đưa tay vuốt bụng đáp, có nghĩa là : tôi chặt đầu không tiện, để tôi chém ngang mình.

Tâu lệnh hoàng-thượng nên giết MAHOSATHA cho mau đừng chậm-trễ, không nên dể-duôi mà lâm-nạn.



Nghe râu, đức vua CULANĪ bèn nghĩ : có lẽ đâu MAHOSATHA lại dám hại ta ? Vậy để ta hỏi lại ni-cô cho rõ đã. Sáng ra, ni-cô vào thọ-thực, đức vua CULANĪ bèn hỏi : Bạch, bà với MAHOSATHA có gặp nhau chẳng ?

— Râu, có được gặp nhau ngày hôm qua tại trước đền

— Bạch, bà có nói chuyện chi với MAHOSATHA chẳng ?

— Râu, không có nói lời chi cả, chỉ ra câu đố rằng : tôi xoè bàn tay ra, có-ý hỏi : đức vua mời ngài qua đây và có ban-thưởng chi thêm chẳng ?

MAHOSATHA nắm tay lại đáp, có nghĩa là chưa ban-thưởng chi thêm.

— Tôi đưa bàn tay lên vuốt đầu, có ý hỏi : như thế, ngài khổ lắm ; vậy nên xuất-gia như tôi vậy, ngài nghĩ sao ?

MAHOSATHA đưa tay vuốt bụng đáp, có nghĩa là : tôi có vợ con nhiều cần phải nuôi-nấng.

Chỉ có ra thai hỏi và đáp như thế thôi, rồi tôi ra về, MAHOSATHA vào chầu.

— Bạch, bà xem MAHOSATHA là bậc có trí-tuệ nhiều thật chẳng, hay thế nào ?

— Râu, trong đời này, không ai sánh bằng trí-tuệ MAHOSATHA. Râu xong ni-cô từ-tạ trở về am an-nghỉ.

Khi ni-cô vừa ra về, Bồ-tát vào chầu, đức vua phán hỏi : này MAHOSATHA ! Khanh với ni-cô PARIBBĀJĪ có gặp nhau lần nào chẳng ?

— Râu, hôm qua hạ-thần có gặp ni-cô trước đền.



— Có trò chuyện cùng nhau chẳng ?

— Tâu, không có nói bằng lời mà chỉ trao đổi ý kiến bằng cử-chỉ ra câu thay, để vấn-đáp, Bồ-tát liền tâu rõ tự-sự cho đức vua nghe.

Đức vua CULANĪ rất hoan-hỉ liền phong cho MAHOSATHA làm đại tướng, rồi giao phó tất cả công việc triều chính cho Bồ-tát. Từ đây uy-quyền của đức Bồ-tát càng vẻ-vang chói-lọi.

Sau khi đó đức Bồ-tát nghĩ rằng : tại sao đức vua lại giao-phó công-việc triều-đình cho ta trọn quyền nắm giữ như vậy, thật là khó hiểu.

Có khi ngài mưu-chước hại mình cũng có.

Vậy để ta tìm xét coi, ngoài ni-cô ra không ai hiểu đặng đức vua ; để ta đến bạch hỏi xem ?

Khi vào lễ-bái cúng dường ni-cô rồi, đức Bồ-tát bạch : thưa bà từ ngày bà tán tụng đức-tính của tôi, đức vua nghe được rồi ban thưởng tôi rất trọng-hậu, nhưng không rõ đức vua có lòng tin-tưởng tôi thật chẳng ? cầu bà, tùy dịp hỏi đức vua, rồi cho tôi biết. Ni-cô hứa chịu.

Sáng ra vào đến, ni-cô mong tìm hỏi đức vua, nhưng lo ngại có nhiều người sợ vua không nói thật, nên tâu rằng : tôi có việc kín, xin tâu với đại-vương.

— Đức vua liền bảo mọi người ra khỏi sân rồng chỉ còn ngài và ni-cô.

— Ni-cô tâu : tất cả 7 người là : hoàng-thái-hậu, hoàng-hậu, thứ - vương vị THŪSEKKHA, vị cố-vấn KEVATA, bậc trí-tuệ MAHOSATHA và đại-vương.

Tất cả 7 vị đồng nhau xuống thuyền ra đến giữa biển, có một con quái-vật nước to, lên tìm ăn thịt người, Quái-vật-nước ấy vệt nước ra nổi lên nắm chắc chiếc



thuyền, hăn nói đại-vương rằng : ngài phải cho ta ăn 6 người trong thuyền này, thì ta tha ngài. Khi quái-vật nói như thế, đại-vương cho hăn ăn người nào trước ?

— Bạch, như thế thì tôi cho quái-vật nước ấy ăn mẹ tôi trước, thứ nhì là nàng **NANDĀ** (hoàng-hậu) thứ ba là thứ vương, thứ tư **THŪSEKKHA**, thứ năm **KEVATA**, thứ sáu, tôi biểu quái-vật-nước hă miêng rồi tôi vén cấm-bào lên cho gọn, nhảy ngay vào mồm quái vật cho nó ăn tôi. Còn bậc trí-tuệ **MAHOSATHA**, tôi không cho hăn ăn đâu.

Nghe đức vua đáp như vậy, bà ni-cô hiểu rằng đức vua thương **MAHOSATHA** thật.

Biết rõ lòng vua, bà ni-cô mong làm cho tài-đức của **MAHOSATHA** càng thêm rõ-rệt. Bà yêu-cầu cho mời tất cả người trong cung nội hội hiệp lại rồi tâu hỏi đức vua về con quái vật nước. Đức vua bằng lòng cho quái-vật ăn mẹ trước v.v.. Bà ni-cô tâu : mẹ của đại-vương có rất nhiều ân-đức, nhưt là công-lao sanh thành dưỡng dục, nào là tắm rửa lau chùi những vật ô-uế. Khi đại-vương còn thơ ấu, bà lo từ miếng ăn, tấm mặc, lúc khóc la, khi đau ốm, dạy bảo cho đại-vương được an-vui cho đến lúc trưởng-thành. Khi đại-vương bị **CHĀBBIBRĀHMANA** làm hại, đức mẹ của đại-vương tìm đủ phương-sách để cứu-vớt đại-vương, không có bà mẹ nào sánh bằng. Thật là ân-đức sâu dày. Tại sao đại-vương cho quái-vật-nước ăn bà mẹ trước, bà có lỗi chi ?

Có lời hỏi rằng : tại sao ni-cô **PARIBBĀJĪ** lại tâu như vậy. Bởi thươ đức vua **CULANĪ** còn bé, bà hoàng-thái hậu thương-yêu **CHĀBBIBRĀHMANA**, rồi hại vua **CULANĪ** đem đẽ-vị dâng đến **CHĀBBIBRĀHMANA**, bà trở thành hoàng-hậu của **CHĀBBIBRĀHMANA**.



Ngày nọ hoàng-nhi CULANĪ đến nói với mẹ rằng : con đói bụng. Bà mẹ tức hoàng-hậu đem nước mía cho dùng, nhưng ruồi bay lại đậu hút nước mía xung quanh mình trẻ CULANĪ. Hoàng-nhi CULANĪ rải một chút nước mía trên đất, rồi đuổi cho ruồi đậu hút nước mía ấy xong trở lại dùng nước mía được tự-do, khỏi phải đuổi ruồi nữa.

CHĀBBIBRĀHMANA thấy vậy bèn nghĩ rằng : hoàng-nhi này rất khôn ngoan, khi trưởng thành, đâu có để cho ta giữ an nguy vàng. Vậy, ta hãy giết trẻ này cho được, CHĀBBIBRĀHMANA tính rồi nói với hoàng-hậu. Hoàng-hậu tâu dối rằng : bệ-hạ đừng lo ngại, chồng tôi trước kia tôi còn hại được, huống chi đứa trẻ nhỏ này, giết giờ nào lại không được, song, nếu hại nó thì nên đừng cho ai biết, hoàng-hậu tâu dối như thế bởi bà có mưu. Bà gọi người đầu bếp vào rồi dạy kín rằng : con trai ta và con trai của người, sanh ra trùng ngày, trùng tháng và thường hay gần-gũi thân-thiết nhau lắm, nay CHĀBBIBRĀHMANA muốn giết con trai của ta. Vậy người nên cứu tử CULANĪ, con trai ta với đi ?

— Tâu, lĩnh bà muốn tôi làm thế nào ?

— Đây đầu bếp, người cùng con trai ta và con trai người, cả ba nên thường vào ngủ trong nhà bếp, song chớ cho ai rõ được, rồi người tìm lượm nhật xương dê đem để tại chỗ mà ba người hằng ngủ đó. Đêm khuya, vào giờ họ ngủ mê, người hãy đem lửa đốt nhà bếp và dẫn con ta, con người chạy ra khỏi cửa thành, tìm ngụ nơi biên-thùy, mà cũng chẳng nên cho ai biết CULANĪ là con của đức



vua cả ; hãy giữ cho kín miệng thì sẽ được hạnh-phúc ngày sau. Hoàng-hậu lên lấy nhiều vật báu cho người đầu bếp. Một hôm, vào lúc đêm khuya thanh vắng đầu bếp bèn nổi lửa đốt nhà bếp, dẫn 2 trẻ chạy ra ngoại bang tìm ở với đức vua MADDHARĀJA tại kinh đô SĀKALA.

Đức vua bèn thu-nhận, cho ở làm đầu bếp. Mỗi khi đầu bếp vào chầu vua, hai trẻ là CULANĪ và THŪSENA-KKHA cùng vào theo luôn.

Đức vua hỏi : nầy đầu bếp, hai trẻ nầy là con của ai ?

— Tâu, chúng là con của hạ-thần.

— Tại sao lại không giống nhau ?

— Tâu vì khác mẹ nhau.

Hai trẻ thường hay vào ra trong đền nội nên quen. Một ngày nọ gặp công-chúa con của đức vua MADDHARĀJA, cùng chơi với nhau. Trẻ CULANĪ dạy công-chúa đi bắt dế, kiếm giầy buộc dế mà công-chúa không đi, CULANĪ đánh công-chúa la khóc.

Đức vua nghe, hỏi ai đánh con trâm ?

— Các cung-nữ chạy hỏi NANDĀ công-chúa. ai đánh công-chúa ? Trẻ NANDĀ nghe rồi nghĩ rằng nếu ta nói bị CULANĪ đánh, thì phụ-vương ta bắt tội (vì thương trẻ CULANĪ) nên công-chúa ANANDĀ đáp, không có ai đánh cả, rồi cùng giỡn chơi với CULANĪ.

Một bữa nọ, chính đức vua MADDHARĀJA xem thấy con mình bị CULANĪ đánh. Ngài xét, đứa trẻ nầy mặt mày khôì ngô không giống người đầu bếp chút nào, nó không kiên-nề ai cả, khác hơn đứa trẻ của người đầu



bếp. Từ đó, đức vua MADDHARĀJA đề ý phân-biệt cử-chỉ của trẻ CULANĪ.

Các cung-nữ đem bánh dâng cho công-chúa, công-chúa đem chia cho những trẻ chơi cùng nhau, đứa nào đến gần lấy bánh đều có ý kiên-dè cúi đầu mà thọ bánh. Trừ trẻ CULANĪ, đi đến tự nhiên, rồi chen lẫn, giành lấy bánh. Ngày nọ các trẻ chơi cùng nhau, vào gần chỗ long-sàng của đức vua, trẻ nào cũng chun dưới giường kiểm đồ chơi ; còn trẻ CULANĪ chỉ lấy cây khều ra chớ không chịu chun dưới giường. Đức vua MADDHARĀJA thấy khác thường hơn các trẻ, nhiều lần như thế, quyết định rằng : em CULANĪ không phải là con của thường nhân. Đức vua dạy cho đòi đầu-bếp đến, rồi ngài rút gươm ra, đưa lên mà nói rằng :

Trầm chắc trẻ CULANĪ này không phải là con đẻ của người. Vậy người nên khai thật, bằng không trầm sẽ chém đầu. Anh đầu bếp kinh hồn bèn tâu ngay : tâu, đây là hoàng-tử của đức vua CULANĪ. Sau khi biết rõ nguồn cơn, đức vua MADDHARĀJA bèn gả công-chúa NANDĀ cho CULANĪ.

Đây nói về bà hoàng-thái-hậu CHAKĀLADEVĪ thấy nhà bếp cháy hết, rồi dạy người đi nhật-xương đi đem trình cho CHĀBBIBRĀHMANA rằng : đây là hài-cốt của trẻ CULANĪ, nó đi ngủ chung với con của đầu bếp, nhà bếp bị cháy nên nó phải chết thiêu như vậy. CHĀBBIBRĀHMANA nghe được rất hài lòng.

Bà ni-cô PARIBBĀJĪ tâu : khi CHĀBBIBRĀHMANA hại đại-vương đó, nhờ bà hoàng-thái-hậu cứu tử



đại-vương. Như thế, tại sao đại-vương lại cho quái-vật nước ăn bà trước.

— Bạch, thường ngày mẹ tôi đã già mà chưa chịu là già, làm như là gái tơ, dùng đồ nữ-trang tô-diễm khác thường, không xứng đáng với tuổi già. Một ngày nọ, trăm đang lâm triều chung lo việc nước cùng các đại-thần, mẹ trăm mang giầy lưng có đủ ngọc báu đi qua, lại trước đèn, tiếng ngọc của giầy lưng khua động khắp cả thành nội? Lại nữa, mẹ trăm có lần gọi các trẻ lại mà đùa giỡn với chúng, thật không xứng đáng, ai ai cũng đều bất bình. Một hôm mẹ trăm tự mình tả chiếu-chỉ giả rằng: là lệnh của trăm, cho chư hầu biết: « Mẹ tôi còn trẻ tuổi cần ngũ-dục, ngài nào vừa lòng, thì đến lãnh về chung hưởng ».

Viết như vậy rồi gởi đến chư-hầu, các ngài đáp rằng: vì sao hoàng-thượng dạy như thế?

Chư-hầu đem chiếu-chỉ ra đọc giữa hội, trăm lấy làm hổ thẹn muôn phần, và cảm thấy phần-uất, như bị người áp-chế. Vì mẹ trăm có lỗi như vậy, nên trăm cho quái-vật-nước ăn trước.

Nếu đại-vương nói hoàng-thái-hậu có lỗi nên cho quái-vật-nước ăn trước; còn bà NANDĀ hoàng-hậu, thường thốt những lời tao-nhả và là người đức-hạnh, hết lòng phụng-dưỡng, gần gũi đại-vương từ thuở ngài còn thiếu-niên. Khi đại-vương đến ngự trong nước của bà, bị ngài rầy la đánh đập thể nào, bà cũng không nói thật vì hết lòng yêu-mến ngài, Bà NANDĀ là phụ-nữ có trí-tuệ biết quan-sát tìm điều lợi-ích cho đại-vương, do nhân



nào, đại-vương lại cho quái-vật-nước ăn, bà có tội gì chăng?

— Bạch, nàng NANDĀ hay xin những của không nên xin, vì những đồ trang-sức mà trăm cho vợ con đó, nàng NANDĀ chờ có dịp thì xin. Thấy trăm mê-say nàng giờ nào thì xin giờ ấy, Khi trăm đã bị phiền-não-dục lôi cuốn càng xin trăm càng cho, khiến trăm phải chạy theo thể-lực của phiền-não-dục; sau rồi dầu xin mà trăm không cho nàng cũng lấy, trăm quở-trách cũng không kiên-nễ, quyết lấy cho được.

Do đó, nên trăm cho quái-vật-nước làm thực-phẩm.

— Tâu, nếu hoàng-hậu NANDĀ có tội, còn vị thứ-vương rất thông-minh, võ nghệ siêu-quần, dẹp an giặc biên-thù làm cho các ngoại-bang đều kiên-nễ, hàng-phục đại-vương. Cớ sao đại-vương lại cho quái-vật-nước ăn, thứ-vương có tội gì?

VẤN.— Có lời hỏi, cớ sao bà ni-cô PARIBBĀJĪ lại hỏi như thế?

ĐÁP.— Thuở bà hoàng-hậu CHALĀKA thích-khách đức vua CULANĪ (chồng bà) rồi dâng lễ-vị cho CHĀBBIBRĀMANA, thì thứ-vương TIKKHANAMAN DI còn trong bào-thai, nên tưởng: CHĀBBIBRĀHMANA là cha ruột, không rõ rằng là cha nuôi. Sau rồi mới phân biệt chơn giả, do một vị đại-thần tâu kín. Khi được biết rằng CHĀBBIBRĀHMANA không phải là cha ruột, ngài bèn thịnh-nộ mong giết CHĀBBIBRĀHMANA.

Hoàng-tử bày kế cho hai quan đại-thần, rầy la đánh đập nhau trước ngọ môn, hoàng-tử liền vào chầu, tâu



với CHĀBBIBRĀHMANA rằng : cây đao mà hoàng-thượng ban cho tôi, nay có kẻ lại đòi, nói là của họ.

— Tại sao thế ? đao ấy của trăm, trăm nhận biết-được, vậy con ra lấy đem vào cho trăm xem lại.

Hoàng-tử ra lấy đao vào, đem cho CHĀBBIBRĀHMANA nhìn, rồi thừa dịp thuận-tiện chặt đầu CHĀBBIBRĀHMANA đứt lìa. Khi hoàng-tử hạ-sát CHĀBBIBRĀHMANA rồi, triều-thần đồng tôn ngài lên đế-vị. Đức hoàng-thái-hậu CHĀLANĪ mới chịu khai rõ rằng : này con TIKKHANAMANDI anh trai của con còn sinh tiền, hiện nay ngự tại thành đức vua MADDHARĀJA

Hoàng-tử, khi biết được hoàng-huynh còn sống liền đem binh đến thành của đức vua MADDHARĀJĪ thỉnh đức CULANI về tôn lên ngôi-báu. Sau khi được rõ tự-sự như thế, bà ni-cô PARIBBĀJĪ tâu rằng : thứ-vương có đại ân với đại-vương đi thỉnh đại-vương từ ngoại quốc về, rồi đem đế-vị dâng đến đại-vương, thì thứ-vương có nói gì mà đại-vương dành cho quái-vật nước ăn ?

— Bạch, mỗi ngày đây, ngự đệ TIKKHANAMANDI hằng nói rằng : biên-thủy nhờ ta mà được thái-bình. Đức vua này lên ngôi-báu cũng nhờ ta, đi rước về, nay mới được hạnh-phục như vậy. Thường nói như thế, thật rất khinh-rẻ trăm. Vừa lòng thì hấn vào châu, bằng trái ý thì hấn không đến. Vì lẽ đó trăm mới cho quái-vật nước ăn ngự đệ TIKKHANAMANDI.

— Thôi thứ-vương có lỗi đã dành, vậy THNŪSENAK-KHA là bạn thiết của đại-vương, sanh đồng ngày, tháng, năm, cùng đại-vương một quê-hương. Lại nữa ngài hết lòng chăm lo việc triều-chính quanh năm, mần tháng, bạn



lành chơn chánh như vậy, có tội gì mà đại-vương lại cho quái-vật nước làm thực-phẩm.

— Bạch, bạn THNÙSENAKKHA của tôi ; từ bé ở chung ăn chung, ngủ chung, đùa bỡn cùng nhau, đến nay cũng vẫn còn như thế, tôi không bỏ rơi, phụ - bạc bạn xưa. Khi có lỗi, tôi cũng không bắt tội, vào đến sái giờ tôi cũng không cấm.

Như vậy mà người không biết xét mình, có lúc tôi cùng hoàng-hậu ở trong cung cấm mà hấn vẫn vào tự-do. Vì vậy nên tôi mới cho bạn đến quái-vật-nước ăn.

— Tâu, thôi đề đó, vậy, vị cố - vấn KEVATA, ông sáng-suốt trong các công-việc, biết rõ đây là nhân, kia là quả. Ông nghe được tiếng chim, tiếng quạ, biết rõ điều hay lẽ phải ; biết coi ngày tháng, xem sao, bói quẻ khó mà tìm được một vị cố-vấn như ông. Vậy, do nhân nào ? mà đại-vương cho quái - vật - nước ăn ông ?

— Bạch, vị cố - vấn KEVATA có khuynh - hướng không tốt, là trước mặt, hay khuất mặt người, giữa đại chúng, mắt hấn liếc tôi trợn trắng như giận dữ đáng sợ,

Vì KEVATA có thái-độ không đoan - trang với tôi như thế, nên tôi cho quái-vật nước ăn.

— Tâu, tất cả 5 người trước nhất là bà hoàng-thái-hậu cuối-cùng là vị cố-vấn KEVATA, đại-vương cùng cho quái-vật-nước ăn liên tiếp. Cho đến người thứ 6 là đại-vương, ngài cũng đành nhảy vào miệng của quái-vật-nước cho nó ăn, không mền-tiếc ngai-vàng và sinh-mệnh, để thế cho bậc trí - tuệ MAHOSATHA. Vậy bậc trí - tuệ MAHOSATHA có đặc-ân chỉ với đại-vương ?

— Tâu, đại-vương là bậc quý-nhân, sản-nghiệp của



đại-vương hằng ngày đây, biên - giới chí đại-hải, chẳng có một cường-quốc nào sánh bằng sự vinh-quang, xán-lạng của đại-vương. Đại-vương có uy-thể lầy-lừng hơn cả 101 quốc-vương trong thiên-hạ. Nước giàu, dân mạnh, binh-hùng, tướng giỏi. Đại-vương là một vị đại-hoàng-đế uy-phong lẫm liệt, đường đường chính chính cao-sang tột bậc. Lệ-thường người giàu sang phú-túc như đại-vương, ai ai cũng đều mong được trường thọ để hưởng hạnh-phúc lâu dài.

Cớ sao đại - vương lại hạ mình đành chịu làm mồi cho quái-vật-nước, chết thể cho bậc trí-tuệ MAHOSATHA. MAHOSATHA có ân-đức gì với đại-vương ?.

— Bạch ni-cô ! MAHOSATHA đây, từ khi qua ở bên kinh-dô này, hằng tìm làm biết bao điều lợi-ích cho trăm. Cả ngày lẫn đêm ; MAHOSATHA không làm điều gì quấy, dù là nhỏ nhen. Trước kia khi còn là thù nghịch, có thể giết trăm được mà không giết. MAHOSATHA đủ điều-kiện làm hại vợ con trăm mà cũng dung-tha. Vợ con trăm mà được an-vui, sum vầy chung hưởng hạnh-phúc đây cũng nhờ MAHOSATHA. MAHOSATHA biết rõ nhân-quả trong quá-khứ, vị-lai và hiện-tại, ví như đấng Chánh-Đẳng Chánh-Giác. MAHOSATHA có thân khẩu, ý lành. Bậc trí-tuệ MAHOSATHA gồm đủ các tính Từ, Bi, Hỉ, Xả. Vì thế, nên trăm mới chịu chết, để bảo-vệ bậc trí-tuệ MAHOSATHA.



Đức vua tường-thuật tài-đức của ngài MAHOSATHA như vị trời có nhiều năng-lực, cầm vàng trắng đưa lên giữa hư-không vậy.

Bà ni-cô PARIBBĀJĪ cố-ý, mong cho tài-đức của ngài MAHOSATHA được truyền-tụng trong đời, nên cầu xin đức vua ra trước đền, rồi bá-cáo cho dân-chúng hay, tụ-hội lại để nghe lời cao-quý.

Bà hỏi đức vua về câu chuyện cho quái-vật-nước ăn 6 người, để đức vua đáp lại cũng như đã giải trước. Bà ni-cô PARIBBĀJĪ chọn những phần hay để thuyết-pháp và nêu cao đức trí-tuệ của đức Bồ-tát MAHOSATHA, ví như người đã tạo xong nhà, rồi đem ngọc mani treo trên nóc, rằng : cùng tất cả quốc-dân đến hội-họp trong nơi này, hãy chăm-chú nghe thiện-ngôn của đức vua CULANĪ, ngài thuyết về câu chuyện mà ngài từ-bỏ hoàng-thái-hậu, hoàng-hậu, thứ-vương, bạn-thiết, vị cố-vấn KEVATA và sanh mệnh của ngài cho quái-vật-nước ăn để gìn giữ, bảo tồn bậc trí-tuệ MAHOSATHA. Đây thật là chuyện hi-hữu.

Này quý vị ! các ngài nên lưu tâm quan-sát cho thấy đức-tính của trí-tuệ. Đức của trí-tuệ thật là siêu-nhiên (1). Kẻ nào gồm có trí-tuệ rộng lớn là chánh-kiến, xét thấy chơn-chánh rồi, làm những việc vô tội theo sự suy-nghĩ đứng-đắn, đem lợi-ích cho mình và kẻ khác trong kiếp hiện-tại và vị-lai.

---

(1) vượt lên trên cả



Bà ni-cô PARIBBĀJĪ thuyết về đức tính siêu-tuyệt  
(2) của trí-tuệ như thế.

SATTHĀ IMAM DAMMADESANAMĀHARITVĀ:  
Đức thiên-nhơn-sư thuyết xong tích MAHOSATHA rồi,  
bèn giải tiếp rằng : Nầy các thầy Tỷ-khuru chẳng phải  
Nhu-lai chỉ có trí-tuệ cao-siêu trong kiếp cuối cùng nầy  
đâu, thuở Nhu-lai thọ sanh làm MAHOSATHA, Nhu-  
lai cũng có trí-tuệ vượt lên trên tất cả mọi người vậy.  
Xong đức Thế-tôn hợp các tiền kiếp lại rằng :

TADA KALE: Trong thời đó SENAKO giáo-sư  
SENAKA nay là KASSOPO, thượng-tọa Ca - Diếp ;  
PAKUTO giáo-sư PAKUTA nay là AMBATTHO, thượng-  
tọa AMBATTHO; giáo-sư KAMINDA nay là KUTADAN-  
DABRAHMANA; KEVINDA nay là SONADANTHERA;  
cổ-văn KEVATA nay là DENADATTA (Đề bà đạt đa);  
CHALAKA, nàng CHALAKA (hoàng-hậu) nay là Tỷ-  
khuru ni THULANANDISUNDANI; PAÑCĀLACANDĪ  
(công-chúa) nay là Tỷ-khuru ni MANGALIKABHI-  
KKHUNI nàng UDUMABARA nay là DITTHAMAN-  
GALIKABHIKKHUNI; đức vua VIDEHARĀJA nay là  
Tỷ-khuru KALUDAYITHERA; nàng PARIBBĀJĪ nay là  
Tỷ-khuru ni UPALAVANNATHERIBBHIKKUNI; triệu  
phú SIRIVADDHANA nay là SUDDHANO, đức Tịnh-  
phạm-vương; vợ triệu-phú nay là MAHAMĀYĀ hoàng-  
hậu; nàng AMORA nay là BIMBA; thứ-vương

---

(2) vượt lên mức thường



TIKKHANA nay là CHANDO Tỷ-kheo ; THNŪSEKKHA nay là RAHULO Tỷ-kheo RAHULA ; kết SUVAPO-TAKA nay là ANANDO đức ANANDA ; đức vua CULANĪ nay là SARIPUTTO đại-đức Xá-lợi-Phất — MAHOSATHO đức MAHOSATHA nay là LOKANATHO đức đại-bi Chánh-đẳng Chánh-giác siêu-nhiên, như thế.

MAHOSATHO NITTHITO

dứt tích MAHOSATHA

===== *Đứt quyển 1* =====



Nhà In  
**NGUYỄN - BÁ**  
*171, Phạm-ngũ-Lão*  
**SAIGON**

Số kiểm duyệt 1603/XB ngày 27-7-1961